

Số: /BC-UBND

Tiểu Cần, ngày tháng năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao đến năm 2023 của huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới luôn được các cấp ủy, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội ở huyện Tiểu Cần quan tâm chỉ đạo, triển khai thực hiện; được đông đảo các tầng lớp Nhân dân đồng tình hưởng ứng và đã đạt được nhiều kết quả nổi bật: kết cấu hạ tầng thiết yếu được đầu tư tăng cường theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa; nông thôn phát triển theo hướng hiện đại, môi trường ngày càng sáng - xanh - sạch - đẹp; kinh tế nông nghiệp, nông thôn có bước phát triển mới với quy mô, trình độ, hiệu quả cao hơn; các lĩnh vực văn hoá, giáo dục, y tế, môi trường có nhiều chuyển biến mạnh mẽ, tích cực; đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng lên rõ rệt; hệ thống chính trị được củng cố, tăng cường; an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Tiểu Cần đang đổi thay từng ngày, tạo nên sức sống mới, diện mạo mới, phấn đấu trở thành thị xã Tiểu Cần trực thuộc tỉnh vào năm 2025 theo Nghị quyết số 07-NQ/TU, ngày 27/12/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG

1. Nêu tổng quan về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của huyện

1.1. Điều kiện tự nhiên

- **Vị trí địa lý:** Huyện Tiểu Cần nằm về phía Tây của tỉnh Trà Vinh, thuộc tả ngạn sông Hậu. Phía Đông giáp huyện Châu Thành, Phía Tây giáp huyện Tiểu Cần, Phía Nam giáp huyện Trà Cú và sông Hậu, Phía Bắc giáp huyện Càng Long. Trung tâm huyện lỵ nằm cách trung tâm tỉnh lỵ khoảng 24 km theo quốc lộ 60. Với lợi thế là vùng đất tiếp giáp sông Hậu, là cửa ngõ trung chuyển hàng hóa giữa các địa phương trong vùng phía Tây và Nam sông Hậu; đồng thời là trung tâm thuộc cụm đô thị phía Tây - Tây Bắc của tỉnh Trà Vinh. Bên cạnh đó, huyện Tiểu Cần còn được xem như một góc trong tam giác đô thị, góp phần chi phối và thúc đẩy cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Trên địa bàn huyện có tuyến QL60 và QL54 đi qua, tạo cho Tiểu Cần vị thế liên kết giữa Trà Vinh với các tỉnh lân cận và Thành phố Hồ Chí Minh. Đặc biệt, khi cầu Đại Ngãi bắc qua sông Hậu được xây dựng (dự kiến hoàn thành vào năm 2026), kết nối Sóc Trăng - Tiểu Cần (Trà Vinh) đi Bến Tre - Thành phố Hồ Chí Minh sẽ mở ra cơ hội rất lớn cho huyện trong phát triển kinh tế và thu hút đầu tư.

- *Diện tích tự nhiên, dân số:* Tiểu Cần có diện tích tự nhiên là 22.723 ha, trong đó diện tích đất nông nghiệp chiếm 86,31%, cơ cấu kinh tế là nông - ngư nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ. Huyện có 09 xã, 02 thị trấn với 80 ấp, khóm. Dân số chung là 108.808 người, với 29.494 hộ, đồng bào Khmer chiếm 30,77%; đồng bào Hoa chiếm 0,92%.

- *Đặc điểm địa hình:* Huyện Tiểu Cần có địa hình tương đối bằng phẳng và thấp từ 0,4-1,0m và một số đất giồng cát có địa hình cao đặc trưng trên 1,6m. Địa hình có hướng thấp dần về phía Đông. Ngoài ra, có một số khu vực trũng cục bộ do cao trình thấp hơn 0,2m nhưng diện tích không đáng kể. Nhìn chung, địa hình thích hợp cho canh tác lúa, hoa màu và cây lâu năm. Tuy nhiên, ở khu vực gò thường thiếu nước canh tác trong mùa khô, có thể bố trí luân canh lúa màu và một số khu vực trũng thấp có điều kiện trao đổi nước rất thích hợp canh tác lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản.

- *Tài nguyên đất:* Huyện Tiểu Cần có 3 nhóm đất chính: Đất giồng cát, đất phù sa và đất phèn. đất đai huyện Tiểu Cần chủ yếu là đất phù sa cùng một phần đất phèn, thích hợp trồng lúa, nhiều nơi còn thích hợp trồng màu, cây ăn trái, những nơi trũng ven sông lớn có điều kiện trao đổi nước rất thích hợp trồng lúa với nuôi trồng thủy sản.

- *Tài nguyên nước:* Do đặc điểm của vùng có hệ thống sông rạch chằng chịt nên tài nguyên nước mặt của huyện rất phong phú và đa dạng. Nguồn nước trực tiếp cung cấp cho Tiểu Cần là sông Hậu, sông Hậu đoạn qua huyện Tiểu Cần rộng và rất sâu, do nằm vào đoạn sông không bị ảnh hưởng của lũ thượng nguồn, sông rộng lớn thoát nước nhanh, trữ nước nhiều, khả năng cung cấp nước cho đồng ruộng rất dồi dào. Tuy nhiên, vào tháng 4 - 5 nguồn nước lại bị nhiễm mặn dao động từ 1,5 – 4‰ có năm cao nhất lên đến 14‰ tại Cầu Quan.

- *Tài nguyên nhân văn:* Huyện Tiểu Cần có truyền thống văn hóa lâu đời, mang đậm bản sắc văn hóa của ba dân tộc Kinh – Khmer – Hoa. Đặc biệt với các lễ hội truyền thống của đồng bào dân tộc Khmer, các ngôi Chùa Nam tông Khmer với hoa văn, kiến trúc độc đáo, được xem là nét văn hóa đặc trưng của vùng đất nam bộ. Hiện nay trên địa bàn huyện còn có gần 50 chùa, cơ sở thờ tự của Phật giáo Nam tông, Bắc tông, Công giáo, Cơ đốc giáo và nhiều hạng mục công trình tín ngưỡng tôn giáo có nét cổ kính của đồng bào ba dân tộc Kinh - Khmer - Hoa. Đây chính là những lợi thế hết sức đặc thù để Tiểu Cần phát triển đa dạng các loại hình du lịch đặc sắc, hấp dẫn du khách như du lịch đồng quê - sông nước - văn hóa Khmer; du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng gắn với liên kết du lịch trong tỉnh và khu vực.

- *Lịch sử:* Trong cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, Tiểu Cần được tỉnh chọn làm căn cứ để xây dựng và phát triển lực lượng của các cơ quan, đơn vị vũ trang cách mạng. Ngược lại, về phía địch, chúng luôn xem Tiểu Cần là địa bàn trọng điểm để chiếm đóng và tập trung đánh phá. Nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng, mà trực tiếp là Huyện ủy Tiểu Cần, đã lãnh đạo dân quân trong huyện đoàn kết một lòng, chiến đấu anh dũng, kiên cường, kết hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị và binh vận, tạo thành cuộc chiến tranh Nhân dân,

liên tục tiên công địch giành thắng lợi từng bước, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn, góp phần cùng với dân, quân trong tỉnh và cả nước làm thất bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ. Với thành tích đó, huyện Tiểu Cần vinh dự được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu cao quý “*Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân*”; toàn huyện có 1.892 liệt sĩ, 1.040 thương binh, bệnh binh; 295 bà mẹ được phong tặng danh hiệu “*Bà Mẹ Việt Nam anh hùng*”, 04 Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân và hàng ngàn gia đình có công với cách mạng...

1.2. Kinh tế - xã hội

Trong những năm qua, dù còn gặp không ít khó khăn, thách thức, song với sự tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, sâu sát, kịp thời của các cấp ủy đảng, chính quyền, sự nỗ lực của nhân dân trên địa bàn, huyện Tiểu Cần đã đạt được nhiều kết quả quan trọng và phát triển vững chắc trên các lĩnh vực. Tổng giá trị sản xuất năm 2023 ước đạt 9.977,6 tỷ đồng, tốc độ tăng bình quân 12,87%. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng dần tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp (năm 2020 cơ cấu kinh tế: Công nghiệp – xây dựng 31,13%; nông, lâm nghiệp, thủy sản 36,90%; thương mại, dịch vụ 31,97%; năm 2023, cơ cấu kinh tế: Công nghiệp – xây dựng 43,74% %; nông, lâm nghiệp, thủy sản 23,21%; thương mại, dịch vụ 33,05%). Thu nhập bình quân đầu người đạt 82 triệu đồng/người/năm (*Tăng 43,8 triệu đồng so với năm 2018*), tỷ lệ hộ nghèo đa chiều chiếm 1,95%.

- *Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và kinh tế nông thôn*: Mặc dù tỷ trọng ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản giảm dần theo định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế của huyện nhưng đến nay phát triển kinh tế nông nghiệp, thủy sản vẫn được xem lĩnh vực đột phá, tạo sức bật cho kinh tế; tổng sản lượng cây trồng của huyện đạt trên 260 nghìn tấn/năm, chiếm trên 10% tổng sản lượng của tỉnh, sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt trên 10 nghìn tấn/năm, sản lượng thủy sản đạt trên 7 nghìn tấn/năm. Huyện đã xây dựng, duy trì nhiều mô hình sản xuất hiệu quả góp phần tăng thu nhập cho người dân, đặc biệt là mô hình ứng dụng công nghệ cao, công nghệ vi sinh, nông nghiệp sạch vào sản xuất nâng cao chất lượng sản phẩm như mô hình dưa hấu cơ liên kết theo chuỗi giá trị, mô hình Bưởi da xanh sản xuất theo tiêu chuẩn VietGap, mô hình canh tác lúa theo hướng hữu cơ, mô hình trồng dưa lưới trong nhà màng, mô hình chăn nuôi áp dụng hệ thống chuồng kín,... Đồng thời, củng cố, nâng cao hiệu quả và chất lượng hoạt động của 12 hợp tác xã nông nghiệp, với 1.369 thành viên, vốn điều lệ 6 tỷ; 155 THT với 4.330 thành viên. Thực hiện Chương trình OCOP, đến nay toàn huyện đã có 22 sản phẩm OCOP. Riêng sản phẩm Mật hoa dừa của Công ty TNHH Trà Vinh Farm đã có mặt trên 30 tỉnh, thành phố trong nước và đã xuất chính ngạch sang các nước Đức, Hà Lan, Nhật Bản, Mỹ.

- *Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp*: Tiếp tục có bước phát triển và duy trì mức sản xuất ổn định, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế chung của huyện. Thực hiện tốt chính sách thu hút đầu tư, duy trì tốc độ phát triển của ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề trong cơ cấu kinh tế của huyện, đến nay toàn huyện có 846 cơ sở sản xuất công nghiệp (có 02 doanh nghiệp có

vốn đầu tư nước ngoài, 07 doanh nghiệp tư nhân, 837 cơ sở sản xuất công nghiệp cá thể) và làng nghề bó chổi ở xã Tân Hòa. Huyện đã hoàn thành quy hoạch Khu công nghiệp Cầu Quan, hiện đang tiếp tục kêu gọi đầu tư; Cụm công nghiệp Phú Cần đã hoàn thành san lấp mặt bằng, triển khai thi công các hạng mục hạ tầng kỹ thuật đạt 95%, tạo tiền đề cho kinh tế của huyện phát triển theo hướng phát triển công nghiệp và đô thị. Hiện nay, trên địa bàn huyện có Công ty TNHH giầy da Mỹ Phong và Công ty Bestmate Việt Nam (100% vốn đầu tư nước ngoài) hoạt động, giải quyết việc làm cho trên 5.800 lao động trong và ngoài huyện, góp phần nâng cao thu nhập của người dân và đóng góp lớn vào nguồn thu ngân sách của địa phương. Bên cạnh đó, việc được hưởng lợi chung từ các công trình trọng điểm có tính đột phá chiến lược của tỉnh Trà Vinh đã mở ra nhiều cơ hội lớn cho Tiểu Cần phát triển sản xuất toàn diện theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa gắn với xây dựng nông thôn mới.

- *Thương mại, dịch vụ*: Duy trì tốt hoạt động kinh doanh, đáp ứng nhu cầu mua sắm, tiêu dùng của người dân, toàn huyện có 5.393 cơ sở hoạt động thương mại dịch vụ, trong đó 3.224 cơ sở bán lẻ, còn lại là dịch vụ lưu trú và ăn uống. Quan tâm nâng cấp, cải tạo gắn với chuyển đổi mô hình quản lý chợ và cấp phép trong sản xuất kinh doanh, trên địa bàn huyện có 14 chợ, 01 siêu thị Co.op-mart, 01 cửa hàng Bách hóa xanh và 03 cửa hàng tiện ích.

- *Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội*: Kết cấu hạ tầng nông thôn đồng bộ, hiện đại, kết nối với đô thị, đẩy nhanh quá trình hiện đại hoá kết cấu hạ tầng giao thông. Đến nay, hệ thống giao thông liên xã, liên vùng điều được kết nối qua các tuyến quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện và các vùng nguyên liệu tập trung đều được kết nối từ các tuyến đường trục chính nội đồng và phù hợp với quá trình đô thị hóa. Quan tâm nâng cấp, bảo đảm an toàn các công trình thủy lợi, phòng, chống thiên tai, kịp thời thi công, gia cố các tuyến bờ bao, đê bao chống sạt lở, ngăn triều cường, mở rộng Kè chống sạt lở sông thị trấn Tiểu Cần; phối hợp vận hành hợp lý Công Cản Chông và các cống đầu mối, lấp đặt cống, bọng phục vụ sản xuất và dân sinh, công trình thủy lợi do huyện quản lý được bảo trì, nâng cấp, đảm bảo tích hợp hệ thống cơ sở dữ liệu theo chuyển đổi số. Mạng lưới điện nông thôn được tập trung đầu tư nâng cấp và xây dựng mới, gia tăng tỷ lệ hộ sử dụng điện hàng năm, đến nay huyện có 29.460/29.494 hộ sử dụng điện thường xuyên an toàn, đạt 99,97%. Hệ thống trường lớp được quan tâm đầu tư theo hướng chuẩn hóa, phục vụ cho việc nâng cao chất lượng dạy và học. Toàn huyện có 44 trường, trong đó có 24 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1. Các thiết chế văn hóa, thể thao được đầu tư, nâng cấp; quản lý Nhà nước trên lĩnh vực thông tin truyền thông được quan tâm thực hiện; chất lượng, hiệu quả của hệ thống truyền thanh trên địa bàn huyện được nâng lên, góp phần tuyên truyền, giáo dục phổ biến pháp luật trong Nhân dân, phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương. Công tác chuyển đổi số, xây dựng, phát triển kinh tế số, xã hội số trên địa bàn huyện có bước phát triển tốt; 100% xã có Bưu điện văn hóa hoạt động đảm bảo cung cấp 02 dịch vụ bưu chính và viễn thông đạt chuẩn theo quy định; có đường truyền Internet băng thông rộng phục vụ cho Nhân dân có nhu cầu truy cập thông tin kịp thời; cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế được đầu

tư ngày càng khang trang, hiện đại; đội ngũ y bác sỹ được tăng cường, nhất là về cơ sở, 100% trạm y tế xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế, có Bác sỹ và Y sỹ sản nhi phục vụ công tác khám, chữa bệnh; Trung tâm Y tế huyện đạt chuẩn về cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế và nhân sự theo quy định của Bộ Y tế. Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tiểu Cần được tái công nhận đạt tiêu chuẩn Bệnh viện hạng III; duy trì đạt mức 29 giường bệnh/vạn dân; có 08 bác sỹ/vạn dân; thành lập phòng khám cho đối tượng có bảo hiểm y tế tại Trung tâm y tế huyện.

- *Tài chính – tín dụng*: Tổng thu ngân sách Nhà nước (*thu nội địa*) thực hiện đạt và vượt chỉ tiêu hàng năm. Quản lý và điều hành ngân sách đúng luật, thực hiện tiết kiệm chi theo kế hoạch. Các tổ chức tín dụng trên địa bàn huyện luôn tạo mọi điều kiện để doanh nghiệp và người dân tiếp cận vốn và các chính sách ưu đãi trong sản xuất, kinh doanh, đặc biệt là các chính sách ưu đãi sau đại dịch Covid-19⁽¹⁾.

- *Phát triển các loại hình doanh nghiệp, kinh tế hợp tác*: Toàn huyện có 184 doanh nghiệp, hợp tác xã, tổng vốn đăng ký 360,561 tỷ đồng. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động số 18-CTr/TU ngày 15/8/2017 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII) “về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”.

- *Giáo dục và đào tạo*: Lãnh đạo thực hiện có hiệu quả Đề án tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy học. Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia được tập trung chỉ đạo thực hiện vượt chỉ tiêu nghị quyết đề ra⁽²⁾, xã hội hóa lĩnh vực giáo dục được chú trọng. Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục được quan tâm đào tạo chuẩn hóa, tỷ lệ học sinh trong độ tuổi đi học được duy trì ổn định⁽³⁾. Tỷ lệ học sinh phổ thông tốt nghiệp hàng năm đạt từ 98% trở lên. Tỷ lệ học sinh bỏ học hàng năm dưới 1%⁽⁴⁾.

- *Y tế, dân số, kế hoạch hóa gia đình*: Công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân luôn được quan tâm, các Chương trình mục tiêu quốc gia về y tế, phòng chống dịch bệnh được triển khai thực hiện đạt hiệu quả; nhất là công tác phòng, chống dịch bệnh Covid -19 đạt nhiều kết quả tích cực, tạo được ý thức trách nhiệm cao ở mỗi người dân; chất lượng khám, điều trị bệnh, tinh thần, thái độ phục vụ Nhân dân của đội ngũ y tế ngày càng được nâng lên; có 100% xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế; 100% trạm y tế có bác sỹ. Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản được quan tâm, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên còn 0,18%. Chỉ đạo thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bình đẳng giới; triển khai thực hiện tốt các nội dung về Chiến lược

⁽¹⁾Tổng thu ngân sách 174,173 tỷ đồng; Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng Chính sách xã hội tiếp tục hoạt động hiệu quả, tổng số tiền gửi 796,2 tỷ đồng; doanh số cho vay ước đạt 4.050,3 tỷ đồng, góp phần quan trọng trong đáp ứng nhu cầu sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và người dân.

⁽²⁾Sắp xếp xóa 27 điểm trường theo lộ trình 2020-2025. Vượt kế hoạch 7 điểm. Hoàn thành công tác phổ cập bậc trung học sớm hơn kế hoạch của tỉnh.

⁽³⁾Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi đi học: Mẫu giáo đạt 88,58%; Tiểu học 100%; THCS 99,35% .

⁽⁴⁾Có 100% xã, thị trấn có Trung tâm học tập cộng đồng; hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập được triển khai rộng khắp. Duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, phổ cập giáo dục Trung học cơ sở mức độ 3, phổ cập xóa mù chữ mức độ 2.

phát triển gia đình Việt Nam. Triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, dự án bảo vệ và chăm sóc trẻ em. Có 07/11 xã, thị trấn phù hợp với trẻ em, tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng giảm còn 01%.

- *Văn hóa, thể thao và du lịch*: Triển khai có hiệu quả Kết luận chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư tại Hội nghị văn hóa toàn quốc năm 2023; phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*”, gắn với cuộc vận động xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh có nhiều phát triển; phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao có sự chuyển biến tích cực, tỷ lệ người dân tham gia rèn luyện thể dục, thể thao tăng theo từng năm (đạt trên 90%); các hoạt động văn nghệ, mô hình câu lạc bộ đờn ca tài tử, câu lạc bộ dưỡng sinh, thể hình, nhóm thể dục rèn luyện sức khỏe,... thu hút được đông đảo người dân tham gia. Đẩy mạnh triển khai thực hiện Đề án phát triển du lịch của huyện, gắn với kêu gọi đầu tư phát triển du lịch ở các loại hình phù hợp điều kiện lợi thế, hiện có 02 mô hình du lịch sinh thái đang phát triển trên địa bàn (Sokfarm ở xã Phú Cần và Le Ngan Homestay ở xã Tập Ngãi).

Nhìn chung, từ một huyện nghèo, cùng với sự phát triển của tỉnh Trà Vinh sau 30 năm tái lập, Tiểu Cần đã từng bước vươn lên với nhiều thành tựu đáng tự hào. Huyện đã có những chỉ đạo, định hướng phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội phù hợp cho từng giai đoạn cụ thể để đưa kinh tế xã hội của địa phương từng bước vươn lên. Trong đó, đáng ghi nhận nhất là kể từ năm 2010 đến nay, khi bắt tay vào thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, qua từng năm huyện đã có những thay đổi vượt bậc, bộ mặt quê hương khởi sắc từng ngày. Cũng từ năm 2010, huyện Tiểu Cần có xã Phú Cần là đơn vị được chọn làm điểm chỉ đạo xây dựng nông thôn mới đầu tiên của tỉnh Trà Vinh; huyện Tiểu Cần cũng là đơn vị cấp huyện đầu tiên của tỉnh Trà Vinh được Thủ tướng Chính phủ công nhận đạt chuẩn huyện nông thôn mới vào năm 2018. Đến nay, huyện có 9/9 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; có 7/9 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, trong đó có 06 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018 – 2020, 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025.

2. Thuận lợi

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, hợp lòng dân, là sự quan tâm và chăm lo của Đảng và Nhà nước đối với nông nghiệp, nông dân, nông thôn nên ngay từ khi triển khai thực hiện cả hệ thống chính trị của huyện vào cuộc, phát huy mọi nguồn lực và sức mạnh toàn dân, chung sức, đồng thuận, quyết tâm cao để hoàn thành mục tiêu xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

- Tình hình kinh tế của tỉnh, huyện tiếp tục tăng trưởng ổn định; trung ương, tỉnh có nhiều chủ trương, chính sách trên lĩnh vực kinh tế - xã hội phù hợp với xu thế và điều kiện mới, góp phần định hướng để huyện phát triển, đặc biệt là chủ trương xây dựng huyện Tiểu Cần trở thành thị xã trực thuộc tỉnh vào năm 2025 theo Nghị quyết số 07-NQ/TU, ngày 27/12/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Tiểu Cần có vị trí địa lý thuận lợi, với Sông Hậu và Quốc lộ 54, Quốc lộ 60 là điều kiện để giao lưu với các tỉnh khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Mặt khác, huyện có địa hình đa dạng, khí hậu, thời tiết, đất đai... phù hợp với nhiều loại cây trồng, vật nuôi, thủy sản để phát triển một nền sản xuất nông nghiệp – thủy sản hàng hoá đa dạng, bền vững theo hướng tập trung lớn, chuyên canh, làm cơ sở cho quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

- Quốc phòng an ninh trên địa bàn huyện luôn được đảm bảo, mặc dù huyện Tiểu Cần vừa mang tính dân tộc, vừa mang tính tôn giáo nhưng tình hình trật tự an toàn xã hội các năm đều được ổn định giữ vững tạo thuận lợi cho thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao hướng tới xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu.

- Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, sự hỗ trợ của các Sở ngành tỉnh, cùng với quyết tâm cao của Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện, Ban Chỉ đạo huyện và các ban, phòng ngành huyện trong việc triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

- Các đoàn thể chính trị đã chủ động trong công tác tuyên truyền, vận động đảng viên, đoàn viên, hội viên,... đã tạo sự chuyển biến mạnh mẽ và sự đồng thuận cao của Nhân dân, đã thể hiện vai trò chủ thể của mình trong suốt quá trình thực hiện Chương trình. Mặt khác, tỉnh có nhiều chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp và hạ tầng nông thôn tạo điều kiện xây dựng cơ sở hạ tầng và thúc đẩy phát triển các mô hình kinh tế hiệu quả. Đặc biệt, trên địa bàn huyện duy trì và xây dựng các mô hình sản xuất như: Mô hình cánh đồng lớn trên cây lúa, mô hình dưa hấu cơ liên kết theo chuỗi giá trị, mô hình Bưởi da xanh sản xuất theo tiêu chuẩn VietGap, mô hình canh tác lúa theo hướng hữu cơ và mô hình trồng dưa lưới trong nhà màng,... mang lại hiệu quả cao, đây là tiền đề rất quan trọng trong xây dựng nông thôn mới nâng cao trên địa bàn huyện.

3. Khó khăn

- Nền kinh tế của huyện tăng trưởng khá nhưng một số lĩnh vực thiếu ổn định, quy mô nền kinh tế còn nhỏ, chưa thúc đẩy mạnh mẽ chuyển dịch cơ cấu kinh tế và lao động ở nông thôn. Kết cấu hạ tầng chưa đồng bộ; nguồn lực huy động tại chỗ cho đầu tư phát triển chưa nhiều. Trình độ nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao chưa đáp ứng yêu cầu.

- Sản xuất nông nghiệp, thủy sản quy mô nhỏ chiếm tỷ lệ còn cao. Bên cạnh đó dịch bệnh trên người và trên đàn gia súc, gia cầm diễn biến phức tạp đặc biệt là dịch bệnh COVID-19, Dịch tả heo Châu Phi đã ảnh hưởng lớn đến sản xuất và đời sống của Nhân dân.

- Bộ tiêu chí giai đoạn 2021-2025 được ban hành có nhiều nội dung mới và tiêu chuẩn cao, để đầu tư nâng chất và xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao cần nguồn kinh phí rất lớn, trong khi nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách còn hạn chế; việc huy động nguồn đóng góp của nhân dân còn gặp khó khăn do đó phần nào ảnh hưởng đến quá trình thực hiện.

II. CĂN CỨ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Văn bản của Trung ương

- Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 25/2021/QH ngày 28/7/2021 của Quốc hội khóa XV về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

- Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Đầu tư công;

- Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021- 2025;

- Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021- 2025;

- Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021- 2025;

- Quyết định 18/2022/QĐ- TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định điều kiện, trình tự thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi Quyết định địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

- Các văn bản khác của các cơ quan, các bộ, ngành Trung ương có liên quan công tác chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

2. Văn bản của tỉnh Trà Vinh

- Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 20/7/2021 của Tỉnh ủy về xây dựng tỉnh Trà Vinh đạt chuẩn nông thôn mới trước năm 2025;

- Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh thông qua Đề án xây dựng tỉnh Trà Vinh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trước năm 2025;

- Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 của UBND tỉnh ban hành Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025;

- Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 – 2025;

- Quyết định số 1416/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 – 2025;

- Quyết định số 1417/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 – 2025;

- Quyết định số 852/QĐ-UBND ngày 01/6/2023 của UBND tỉnh ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Đề án xây dựng tỉnh Trà Vinh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trước năm 2025;

- Kế hoạch số 22/KH-BCĐ ngày 17/4/2023 của Trưởng Ban Chỉ đạo tỉnh về triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Trà Vinh năm 2023;

- Các văn bản chỉ đạo của Ban chỉ đạo, các sở, ban, ngành cấp tỉnh về chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2015 - 2020.

3. Văn bản của huyện Tiểu Cần

- Kế hoạch số 36-KH/HU ngày 06/8/2021 của Huyện ủy về thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 20/7/2021 của Tỉnh ủy về xây dựng tỉnh Trà Vinh đạt chuẩn nông thôn mới trước năm 2025;

- Nghị quyết số 11-NQ/HU ngày 04/4/2023 của Huyện ủy về xây dựng huyện nông thôn mới nâng cao và xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu;

- Quyết định số 2396/QĐ-UBND, ngày 17/8/2022 của Ủy ban nhân dân huyện về ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Tiểu Cần giai đoạn 2021-2025;

- Kế hoạch số 72/KH-UBND, ngày 04/11/2022 của Ủy ban nhân dân huyện về thực hiện Phong trào thi đua “*Tiểu Cần cùng cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới*” giai đoạn 2021 – 2025;

- Kế hoạch số 54/KH-UBND ngày 25/8/2023 về triển khai thực hiện xây dựng huyện Tiểu Cần đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2023;

- Kế hoạch số 34/KH-UBND ngày 08/5/2023 của Ủy ban nhân dân huyện về việc thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới hướng tới nông thôn mới thông minh trên địa bàn huyện Tiểu Cần năm 2023;

- Kế hoạch số 01/KH-BCĐ ngày 27/2/2023 của Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia và Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa huyện Tiểu Cần giai đoạn 2021 – 2025 về việc thực hiện Chương trình mục

tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn huyện Tiểu Cần năm 2023;

- Các văn bản chỉ đạo của Huyện ủy, UBND, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Tiểu Cần về chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

III. KẾT QUẢ CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN XÂY DỰNG HUYỆN NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Huyện Tiểu Cần được Thủ tướng Chính phủ công nhận đạt chuẩn huyện nông thôn mới năm 2018 theo Quyết định số 312/QĐ-TTg ngày 22/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ. Xác định xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt, liên tục của các cấp ủy Đảng, chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội. Để tiếp tục tổ chức thực hiện, Huyện ủy, HĐND, UBND huyện Tiểu Cần đã tập trung triển khai đồng bộ các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh; đã kịp thời cụ thể hóa và chỉ đạo ban hành các Nghị quyết, Chương trình, Kế hoạch cụ thể để tổ chức triển khai thực hiện.

- Huyện đã tổ chức rà soát, đánh giá các tiêu chí huyện nông thôn mới, huyện nông thôn mới nâng cao theo từng tiêu chí, từng giai đoạn, từ đó ban hành các Nghị quyết, Chương trình, Kế hoạch và nhiều văn bản khác để chỉ đạo xây dựng huyện Tiểu Cần đạt chuẩn huyện nông thôn mới nâng cao. Tập trung chỉ đạo cơ quan chuyên môn kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các xã rà soát đánh giá hiện trạng theo Bộ tiêu chí từng giai đoạn để có kế hoạch nâng chất và xây dựng xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn huyện. Đồng thời, tổ chức phát động Phong trào thi đua “*Tiểu Cần cùng cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới*” đến các cơ quan, đơn vị, xã, thị trấn và nhân dân tạo sự ủng hộ, đồng thuận cao chung sức xây dựng nông thôn mới trong toàn huyện.

- Nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được đưa vào các cuộc họp giao ban tuần, tháng, quý, tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết 6 tháng, năm, giai đoạn, để đánh giá rút kinh nghiệm; Huyện ủy, HĐND, UBND huyện chỉ đạo các ban, phòng, ngành huyện tham mưu tốt công tác tổ chức kiểm tra, đánh giá việc triển khai thực hiện, qua đó kịp thời chỉ đạo tháo gỡ khó khăn trong suốt quá trình lãnh chỉ đạo tổ chức thực hiện Chương trình.

- Các cơ quan chuyên môn của huyện với vai trò tham mưu cho Ban Chỉ đạo tổ chức thực hiện các kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới ở từng thời điểm, từng giai đoạn để kịp thời đưa ra các giải pháp thực hiện các tiêu chí thuộc ngành phụ trách, đồng thời đã chủ động liên hệ với các sở, ngành tỉnh hỗ trợ kịp thời trong quá trình triển khai thực hiện.

- Tập trung huy động tối đa nguồn lực đầu tư từ ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh, ngân sách huyện, vốn doanh nghiệp, vốn tín dụng, vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án và vốn đối ứng của nhân dân để phát triển kinh tế, văn

hoá, xã hội của địa phương mà trọng tâm là đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu, các công trình đường giao thông nông thôn, các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất nâng cao thu nhập cho người dân,... không ngừng hoàn thiện, nâng cao các tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn huyện.

- Ủy ban nhân dân huyện thành lập và kịp thời kiện toàn khi thay đổi thành viên Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia và Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa huyện Tiểu Cần, có phân công thành viên Ban Chỉ đạo phụ trách địa bàn các xã; thành lập Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện; Chỉ đạo thành lập, kiện toàn Ban chỉ đạo, Ban Quản lý xây dựng Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp xã và có phân công cán bộ phụ trách nông thôn mới cấp xã.

2. Công tác truyền thông, đào tạo, tập huấn

2.1. Công tác truyền thông

Xác định công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ quan trọng, cần tập trung thực hiện thường xuyên, liên tục và lâu dài. Các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội từ huyện đến xã luôn chú trọng, tập trung tuyên truyền các chủ trương của Đảng, cơ chế chính sách của Trung ương, của tỉnh về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đến với cán bộ, đảng viên, hội viên, đoàn viên và Nhân dân. Công tác tuyên truyền được triển khai sâu rộng và bằng nhiều hình thức tuyên truyền đa dạng, phong phú, lồng ghép với các phong trào của Hội, đoàn thể thông qua các cuộc họp, hội nghị, qua các phương tiện thông tin đại chúng như báo, đài, hệ thống loa truyền thanh, tuyên truyền trực quan thông qua panô, áp phích,...; kết quả đã thực hiện tuyên truyền được 24.310 cuộc, với 791.950 lượt người tham dự; cấp phát 7.635 tờ bướm (*tiếng Việt và tiếng Khmer*); 1.211 quyển sổ tay hướng dẫn, thông tin tuyên truyền; lắp đặt trên 190 bảng, cụm panô tuyên truyền; bình quân mỗi tháng có trên 10 tin bài về nông thôn mới được Trung tâm Văn hóa – Thông tin và Thể thao huyện phát thanh tuyên truyền qua cổng thông tin điện tử và hệ thống loa truyền thanh.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể từ huyện đến cơ sở đã vận động hội viên, đoàn viên và nhân dân tích cực tham gia phong trào xây dựng nông thôn mới, cụ thể:

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện: Triển khai, tổ chức thực hiện có hiệu quả cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, trong thực hiện cuộc vận động, đã xây dựng được 22 mô hình hay về xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh ở các xã, thị trấn trên địa bàn huyện như: Mô hình xây dựng tuyến đường sáng-xanh-sạch-đẹp; bảo vệ môi trường; tuyến đường hoa; vận động hiến đất, cây trái, hoa màu; tham gia Bảo hiểm y tế,... Tổ chức vận động sự tham gia của người dân thực hiện công tác vệ sinh môi trường, cảnh quan môi trường thành thị - nông thôn, đã ra quân được

1.566 cuộc có 50.654 người tham gia phát hoang bụi rậm, dọn dẹp vệ sinh, thu gom rác thải trên 2.131 km đường giao thông nông thôn; trực vớt lục bình, rác thải nhằm khơi thông dòng chảy trên 421 km tuyến kênh, rạch; trồng và chăm sóc 73.043 cây xanh. Vận động “*Quỹ vì người nghèo*” và Quỹ “*An sinh xã hội*” được các tổ chức, cá nhân đóng góp, hỗ trợ, giúp đỡ người nghèo, hộ nghèo, cận nghèo, xây dựng cầu và đường giao thông nông thôn, nhà ở,... bằng tiền và hiện vật trên 25 tỷ đồng.

- *Hội Nông dân huyện*: Tích cực chủ động tham gia thực hiện tốt các tiêu chí do Hội đảm nhận. Vận động nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu, giảm nghèo bền vững, tích cực tham gia xây dựng nền nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội, bảo vệ môi trường, tham gia xây dựng nông thôn mới đã đạt được kết quả đáng kể; thành lập Quỹ Hỗ trợ nông dân với tổng số tiền hiện có là 2,315 tỷ đồng đã giải ngân được 13 dự án cho tổ, nhóm phát triển sản xuất với 109 hộ vay phát triển sản xuất; qua đó các cấp Hội đã tuyên truyền, vận động hội viên, nông dân tích cực chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, ứng dụng các giống mới có năng suất, chất lượng cao và ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất góp phần giảm chi phí sản xuất, nâng cao lợi nhuận của người sản xuất; tham gia triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình đầu tư cho người nghèo và hỗ trợ việc làm cho nông dân. Đồng thời, các cấp Hội phối hợp với chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội huyện củng cố và thành lập mới 79 Tổ tiết kiệm và vay vốn cho 3.370 lượt hộ, với tổng dư nợ 109,38 tỷ đồng. Bên cạnh đó, Hội tham gia chỉ đạo thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới,...

- *Hội Liên hiệp Phụ nữ*: Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện tích cực, chủ động tham gia xây dựng nông thôn mới thông qua các phong trào và hoạt động thiết thực hiệu quả như: Hội đăng ký với cấp ủy, chính quyền hàng năm thực hiện ít nhất 01 mô hình thiết thực, phù hợp tham gia xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, qua đó đã vận động kinh phí 120.000.000 đồng thực hiện 06 tuyến đường hoa, chiều dài 9 km; nâng đến nay có 12 tuyến đường hoa, chiều dài 11 km; Thành lập 05 CLB “*Khu dân cư tự quản về bảo vệ môi trường*” có 210 thành viên, kinh phí 105.000.000 đồng, nâng đến nay toàn huyện có 11 mô hình, với 149 CLB, tổ nhóm 2.814 thành viên về thực hiện bảo vệ môi trường, xây dựng gia đình 5 không 3 sạch, gia đình 5 có 3 sạch, hạn chế sử dụng túi ni lông và sản phẩm nhựa dùng 01 lần; phân loại rác thải, sạch nhà, sạch ngõ, sạch bếp...; Vận động xây dựng 17 nhà Mái ấm tình thương cho hội viên khó khăn nhà ở, trị giá 850.000.000 đồng; Huy động vốn cho hội viên vay dư nợ đến nay trên 250 tỷ đồng, có 8.544 thành viên vay; Thành lập 01 Hợp tác xã Nông nghiệp -Dịch vụ Long Thới do phụ nữ quản lý; Thành lập 52 tổ hợp tác với 481 thành viên về chăn nuôi heo, bò, gà vịt; Thành lập 01 câu lạc bộ phụ nữ khởi nghiệp 15 thành viên. Thành lập mô hình 1+1 về vận động tham gia BHXH tự nguyện, với 11 tổ, 102 thành viên.

- *Huyện đoàn*: Huy động, kết nối các nguồn lực, đội hình thanh niên tình nguyện tham gia thực hiện các công trình, phần việc góp phần chung tay xây

dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu với nhiều nội dung như: Thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TU ngày 19/10/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “*về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ môi trường đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh*”; thực hiện ngày “*Thứ bảy tình nguyện*” “*Ngày Chủ nhật xanh*” tổ chức “*Chương trình hưởng ứng Ngày môi trường thế giới 05/6, Tháng hành động vì môi trường*”; tổ chức các Ngày cao điểm “*Tình nguyện chung tay xây dựng nông thôn mới*”; “*Ngày cao điểm Chiến sỹ tình nguyện vì đô thị văn minh và hỗ trợ người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến, giải quyết thủ tục hành chính*”, “*Chiến dịch Thanh niên tình nguyện hè*”...; đã tổ chức vệ sinh cảnh quan môi trường, cắt tỉa cây xanh, phát hoang bụi rậm, vệ sinh khuôn viên cơ quan được 1.019 cuộc với tổng chiều dài 1.350 km, trồng được 11.304 cây xanh các loại; vớt lục bình khơi thông dòng chảy được 102,9 km, làm mới, sửa chữa đường giao thông nông thôn được 50,2 km với tổng trị giá 1,6 đồng, vận động người dân đăng ký sử dụng nước sạch, tham gia xây dựng 13 cầu giao thông nông thôn trị giá 0,9 đồng,... có 17.796 lượt ĐVTN, học sinh và người dân tham gia. Bên cạnh đó, Ban Thường vụ Huyện đoàn phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện ra mắt mô hình “*khu dân cư giảm thiểu rác thải nhựa*” tại ấp Hòa Trinh xã Hùng Hòa có 40 hộ dân tham gia mô hình. Ngoài ra, Ban Thường vụ Huyện đoàn thực hiện các phong trào tình nguyện vì an sinh xã hội được các cơ sở Đoàn quan tâm thường xuyên thực hiện thông qua các nguồn lực từ vận động xã hội hóa, đã tổ chức được nhiều hoạt động hỗ trợ cho người dân như: xây dựng 15 ngôi nhà cho đoàn viên, học sinh, người dân có hoàn cảnh khó khăn, với tổng trị giá 0,8 tỷ đồng; cùng với các cấp bộ đoàn trong huyện vận động mạnh thường quân tặng 15 căn nhà khăn quàng đỏ, 9 căn nhà tình bạn, trị giá 1,6 tỷ đồng.

- *Hội Cựu chiến binh huyện*: Tích cực triển khai quán triệt Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về xây dựng nông thôn mới đến hội viên, Cựu quân nhân và nhân dân; Vận động các mạnh thường quân các nhà hảo tâm, doanh nghiệp, xây dựng được 162 căn, trị giá 8,1 tỷ đồng. Thành lập 80 Câu lạc bộ môi trường Cựu Chiến binh ấp, khóm, hàng tuần, tháng ra quân thực hiện Chỉ thị 15, Chỉ thị 27 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và thực hiện quy chế, điều lệ của Câu lạc bộ môi trường Cựu Chiến binh ấp, khóm. Câu lạc bộ môi trường ra quân vệ sinh cảnh quang môi trường, phát hoang bụi rậm cây cối che khuất 02 bên đường, vệ sinh các tuyến đường, trồng, chăm sóc, cắt tỉa hoa kiểng, khai thông dòng chảy, thu gom rác.... Xây dựng chi hội mẫu tiên tiến *đến nay toàn huyện có 59/80 chi hội mẫu tiên tiến. Thành lập Câu lạc bộ “Cựu Chiến binh cùng nhân dân tìm hiểu pháp luật”* có 80/80 chi hội Cựu Chiến binh ấp, khóm đạt 100%. Mô hình 7+1 thành lập được 1.615 tổ quản lý 24.685 hộ.

- *Liên đoàn Lao động huyện*: Cùng Công đoàn cơ sở triển khai kế hoạch phát động phong trào thi đua yêu nước trong đoàn viên, công nhân, viên chức, lao động, trọng tâm là các phong trào “*Lao động giỏi*”, “*Lao động sáng tạo*” cụ thể, sát hợp với từng đối tượng như phong trào: “*Năng suất cao hơn, chất lượng tốt hơn*” trong khu vực sản xuất kinh doanh; “*Tham mưu giỏi, phục vụ tốt*” trong khu vực cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, “*Đổi mới, sáng tạo, hiệu*

qua” trong hoạt động công đoàn. Liên đoàn Lao động huyện phối hợp vận động trong cơ quan, doanh nghiệp, mạnh thường quân trong và ngoài huyện tổ chức thực hiện phong trào thi đua xây dựng mô hình “*Dân vận khéo*”, phong trào “*Xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*”, đặc biệt là vận động thực hiện phong trào “*sáng - xanh - sạch - đẹp*”, kết quả vận động với số tiền 342.084.000 đồng của 114 đơn vị, tiến hành trồng 18.400 cây Hoàng Yến, 3.000 cây Nguyệt Huê, 200 cây Bông Trang trên tuyến Quốc lộ 54, Quốc lộ 60, Tỉnh lộ 912 và các Hương lộ trên địa bàn huyện; hỗ trợ tặng quà cho đoàn viên công đoàn và người lao động có hoàn cảnh khó khăn nhân dịp Tết Nguyên đán, Tết Sum vầy, Tháng công nhân,... 2.797 phần quà trị giá gần 1,4 tỷ đồng; tham gia thực hiện có hiệu quả cuộc vận động xây dựng nhà “*Mái ấm Công đoàn*”, xây dựng 27 căn nhà mái ấm hỗ trợ cho đoàn viên công đoàn gặp khó khăn về nhà ở, số tiền trên 2,5 tỷ đồng; phát triển 11 công đoàn cơ sở nâng tổng số hiện tại có 3.178 đoàn viên.

2.2. Công tác đào tạo, tập huấn

Nhằm tạo điều kiện cho cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới từ huyện đến cơ sở trang bị đầy đủ kiến thức về kỹ năng tuyên truyền, vận động, nắm vững các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo về xây dựng nông thôn mới,... Ban Chỉ đạo huyện đã phối hợp với Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh tổ chức triển khai tập huấn được 79 lớp với 2.284 lượt cán bộ là thành viên Ban Chỉ đạo huyện, xã và Ban Nhân dân áp tham dự. Đồng thời cử cán bộ phụ trách tiêu chí nông thôn mới cấp huyện, cấp xã tham gia các lớp tập huấn do các sở, ngành tỉnh tổ chức hướng dẫn thực hiện nội dung tiêu chí giai đoạn 2021 - 2025 do ngành phụ trách.

Nhìn chung, qua các lớp tập huấn, cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới được trang bị kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm trong công tác tham mưu xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn huyện.

3. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng huyện nông thôn mới nâng cao

Tổng nguồn lực huy động thực hiện xây dựng huyện nông thôn mới nâng cao là 2.013,86 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn ngân sách Trung ương: 299,59 tỷ đồng; chiếm 14,9%.
- Vốn ngân sách tỉnh: 714,58 tỷ đồng; chiếm 35,4%.
- Vốn ngân sách huyện: 263,1 tỷ đồng; chiếm 13,1%.
- Vốn ngân sách xã: 28,65 tỷ đồng; chiếm 1,4%.
- Vốn lồng ghép: 36,04 tỷ đồng; chiếm 1,8%.
- Vốn vay tín dụng: 574,75 tỷ đồng; chiếm 28,5%.
- Vốn doanh nghiệp: 19,11 tỷ đồng; chiếm 1%.
- Vốn dân: 78,04 tỷ đồng; chiếm 3,9%.

- Vốn cộng đồng dân cư: 47 tỷ 611,3 triệu đồng; chiếm 2,5%.

Huyện ủy - Ủy ban nhân dân huyện đã tranh thủ sự đầu tư của Trung ương, của Tỉnh, đồng thời vận động sự ủng hộ của các tổ chức, cá nhân và sự đối ứng của Nhân dân để thực hiện Chương trình. Trong 5 năm triển khai xây dựng huyện nông thôn mới nâng cao, huyện đã đầu tư nhiều công trình hạ tầng phục vụ cho phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội trên địa bàn và không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới.

Ngoài công tác tuyên truyền, vận động của các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể, huyện đã tranh thủ được sự tham gia của những người có uy tín, chức sắc, chức việc các tôn giáo cùng tham gia vận động Nhân dân, tín đồ các tôn giáo cùng chung tay xây dựng nông thôn mới, qua đó vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng nông thôn mới đã thể hiện rõ nét, người dân tự nguyện hiến đất, cây trái, hoa màu, vật kiến trúc, ngày công lao động để xây dựng các công trình thủy lợi, giao thông nông thôn, trồng cây xanh, lắp đèn chiếu sáng các tuyến đường nông thôn... Việc huy động nguồn lực trong Nhân dân đảm bảo trên nguyên tắc dân chủ, công khai minh bạch, với tinh thần tự nguyện, không huy động quá sức đóng góp của Nhân dân.

Trong chỉ đạo, điều hành, chính quyền huyện, xã và Ban Nhân dân áp đã quản lý, sử dụng các nguồn vốn đầu tư, vốn huy động chặt chẽ, dân chủ, công khai, đúng quy định của pháp luật. Các công trình sau khi hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng đã phát huy được hiệu quả, được Nhân dân đồng thuận cao.

IV. KẾT QUẢ THỰC HIỆN XÂY DỰNG HUYỆN NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO

1. Huyện Tiều Càn đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018 (Theo Quyết định số 312/QĐ-TTg ngày 22/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ công nhận huyện Tiều Càn, tỉnh Trà Vinh đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018).

2. Số xã, thị trấn đạt chuẩn theo quy định

2.1. Số xã đạt chuẩn theo quy định

- Tổng số xã trên địa bàn huyện: 09 xã.
- Số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: 09 xã⁵.
- Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới: 100%.
- Số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: 07 xã⁶
- Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: 77,78%

2.2. Số thị trấn đạt chuẩn theo quy định

⁽⁵⁾ Trong đó, có 06 xã được công nhận giai đoạn 2011-2015 theo Quyết định số 491/QĐ-TTg, ngày 16/4/2009 và Quyết định số 342/QĐ-TTg, ngày 20/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ và 03 xã được công nhận giai đoạn 2016 - 2020 theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 Thủ tướng Chính phủ.

⁽⁶⁾ Trong đó, có 06 xã được công nhận giai đoạn 2018 - 2020 (theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 Thủ tướng Chính phủ), 01 xã được công nhận giai đoạn 2021 - 2025 (theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ).

- Tổng số thị trấn trên địa bàn huyện: 02 thị trấn (Thị trấn Tiểu Cần và Thị trấn Cầu Quan).

- Số thị trấn đã được công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh: 02 thị trấn

- Tỷ lệ số thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh: 100%.

3. Kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao ở các xã

3.1. Về quy hoạch

- **Nội dung 1.1:** Năm 2013, 9/9 xã trên địa bàn huyện có quy hoạch xây dựng nông thôn mới được phê duyệt theo Thông tư số 09/2010/TT-BXD ngày 04/8/2010 của Bộ Xây dựng và Thông tư liên tịch số 13/2011/TTLT-BXD-BNNPTNT-BTNMT của Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Tài nguyên và Môi trường và trên cơ sở quy hoạch được duyệt, địa phương đã thực hiện quản lý theo quy hoạch. Huyện đã tập trung chỉ đạo các xã rà soát, điều chỉnh quy hoạch xây dựng xã theo Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng, đến nay 9/9 xã đã hoàn thành công tác điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng và được UBND huyện phê duyệt quy hoạch, quy chế quản lý.

- **Nội dung 1.2:** Các quy hoạch sau khi được phê duyệt được Ủy ban nhân dân các xã tổ chức hội nghị triển khai quy hoạch và công bố quy hoạch rộng rãi để nhân dân biết và thực hiện theo quy định. Có lưu trữ đầy đủ hồ sơ quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt theo quy định; Bản đồ quy hoạch được công bố niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân xã.

- **Nội dung 1.3:** Có 7/9 xã được phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết trung tâm xã. Còn 02 xã (Long Thới, Hiếu Tử) chưa lập đồ án quy hoạch chi tiết trung tâm xã do 02 xã này được Ủy ban nhân dân tỉnh cho chủ trương lập quy hoạch phân khu xây dựng khu vực dự kiến thành lập phường⁷. Ngoài ra theo định hướng của cấp trên huyện đang xây dựng 06 khu vực dự kiến thành lập phường và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh cho chủ trương thực hiện.

Đánh giá: 9/9 xã đạt tiêu chí số 01 về Quy hoạch theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh.

3.2. Về giao thông

Trong giai đoạn 2019 – 2023, huyện đã chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã rà soát hiện trạng và có kế hoạch cụ thể tiếp tục đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống giao thông tại các địa phương, với phương châm “*Nhà nước và nhân dân cùng làm*”. Qua 05 năm triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, đã phát huy sức mạnh tổng hợp các nguồn lực đầu tư bằng

⁽⁷⁾ Theo Công văn số 3678/UBND-CNXD ngày 18/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc lập quy hoạch phân khu xây dựng khu vực dự kiến thành lập phường Long Thới, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh; Công văn số 3686/UBND-CNXD ngày 18/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc lập quy hoạch phân khu xây dựng khu vực dự kiến thành lập phường Hiếu Tử, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

hiều nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước và sự đóng góp của Nhân dân, huyện đã đầu tư xây dựng 89 công trình giao thông với kinh phí 146,32 tỷ đồng, đến nay các tuyến đường trên địa bàn các xã đảm bảo được bảo trì, cứng hóa, sáng - xanh - sạch - đẹp theo quy định, cụ thể:

- **Nội dung 2.1:** Có 22 tuyến đường liên xã, dài 80,49 km được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...), đạt 100%;

- **Nội dung 2.2:** Xây dựng 20 tuyến đường liên ấp, dài 65,9 km, nâng tổng số có 60 tuyến đường liên ấp, dài 163,92 km được cứng hóa và bảo trì hàng năm, đạt 100%; trong đó có 137,82 km có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, đạt 84,08%.

- **Nội dung 2.3:** Xây dựng 53 tuyến đường ngõ xóm, dài 50,55 km, nâng tổng số có 270 tuyến đường ngõ, xóm dài 234,22 km đảm bảo sạch và không lầy lội vào mùa mưa, đạt 100%, trong đó có 219,51km được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, đạt 93,72,46%.

- **Nội dung 2.4:** Xây dựng 16 tuyến đường trục chính nội đồng, dài 18,7km, nâng tổng số có 43 tuyến đường trục chính nội đồng, dài 103,76km, trong đó có 86,55km được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa, đạt 83,41%.

Nhìn chung, hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đến thời điểm hiện tại đã cơ bản hoàn thiện, đồng bộ, đã đáp ứng tốt nhu cầu vận chuyển hàng hóa và đi lại của Nhân dân. Đặc biệt, xe ô tô lưu thông đến trung tâm xã quanh năm, xe cơ giới lưu thông đến các vùng sản xuất nông nghiệp, thủy sản quanh năm, thuận tiện, dễ dàng.

Đánh giá: 9/9 xã đạt tiêu chí số 02 về Giao thông theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh.

3.3. Về thủy lợi và phòng chống thiên tai

Huyện đã đầu tư nạo vét 97 tuyến kênh cấp II, dài 176.092m; 288 tuyến kênh cấp III, dài 226.994 m. Các công trình đều được nghiệm thu, bàn giao và đưa vào sử dụng đáp ứng nhu cầu phục vụ sản xuất. Đến nay, trên địa bàn 09 xã có 12 tuyến kênh cấp I dài 99,4km, 172 tuyến kênh cấp II dài 349,88 km, 440 tuyến kênh cấp III dài 381,45 km, 380 cống bọng đáp ứng yêu cầu về sản xuất, dân sinh và phòng chống thiên tai. Cụ thể:

- **Nội dung 3.1:** 09 xã có 21.777,13 ha đất tự nhiên, trong đó: diện tích đất nông nghiệp 19.026,68 ha, diện tích đất nuôi thủy sản 93,77 ha, tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới tiêu chủ động là 19.026,68 ha, đạt 100% diện tích; 93,77 ha diện tích đất nuôi thủy sản được cấp, thoát nước chủ động, đạt 100%.

- **Nội dung 3.2:** 09 xã đều có 01 tổ chức thủy lợi cơ sở theo Quyết định số 274/QĐ-SNN, ngày 26/7/2022 của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn; các hệ thống kênh luôn được kiểm tra, phát hiện và đề xuất biện pháp xử lý các trường hợp vi phạm trong phạm vi bảo vệ công trình nếu có; đảm bảo lòng kênh thoáng không gây cản trở dòng chảy.

- **Nội dung 3.3:** Cây trồng chủ lực của các xã chủ yếu là cây lúa, cây dứa, cây ăn trái với tổng diện tích là 18.080,23 ha. Đối với cây lúa có áp dụng các biện pháp canh tác tiên tiến như SRI, 3 giảm 3 tăng, 1 phải 5 giảm, ướn khô xen kẽ; đối với cây dứa, cây ăn trái áp dụng các biện pháp tưới tiết kiệm nước như tưới nhỏ giọt,... Tổng diện tích cây trồng chủ lực của các xã được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước 10.360/18.080,23ha, đạt 57,3 %.

- **Nội dung 3.4:** Hàng năm các xã có xây dựng kế hoạch để bảo trì, nâng cấp hệ thống thủy lợi trên địa bàn, thường xuyên tổ chức kiểm tra, rà soát để kịp thời phát hiện các công trình bị hư hỏng và xuống cấp qua đó đề nghị sửa chữa, nâng cấp nhằm phục vụ tốt cho nhu cầu sản xuất, dân sinh và đúng theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ, đảm bảo trữ nước ngọt phục vụ sản xuất trong mùa khô và ngăn triều cường trong mùa mưa lũ.

- **Nội dung 3.5:** Các xã quan tâm chỉ đạo thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát, quản lý nguồn nước thải vào công trình thủy lợi, đến nay trên địa bàn các xã không có trường hợp nước thải xả vào công trình thủy lợi gây ô nhiễm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và dân sinh.

- **Nội dung 3.6:** Các xã đã thành lập Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; hằng năm, xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai; có phương án ứng phó đối với các loại hình thiên tai chủ yếu, thường xuyên xảy ra trên địa bàn, phương án ứng phó với bão mạnh, siêu bão theo phương châm 4 tại chỗ được phê duyệt theo quy định của Luật Phòng, chống thiên tai. Hằng năm, các xã đã tổ chức quán triệt và thực hiện nghiêm, kịp thời các Luật, Pháp lệnh, Nghị định và các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương và của UBND tỉnh, UBND huyện về công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn. Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức của cả cộng đồng về các loại hình thiên tai, kinh nghiệm, kiến thức phòng tránh, nhất là việc chủ động phương án ứng phó, khắc phục hậu quả với bão mạnh, siêu bão.

Đánh giá: 9/9 xã đạt tiêu chí số 03 về Thủy lợi và phòng chống thiên tai theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh.

3.4. Về điện

Huyện đã tranh thủ các nguồn lực, cùng với ngành điện triển khai các dự án, công trình điện được đầu tư, xây dựng, nâng cấp, bảo dưỡng hệ thống điện đến tất cả các xã, ấp và gắn điện kế cho các hộ dân trên địa bàn, đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật của ngành điện và an toàn cho người sử dụng. Đến nay, hệ thống điện của huyện đảm bảo đáp ứng yêu cầu cung cấp điện ổn định, an toàn,

liên tục, phục vụ tốt nhu cầu sử dụng điện cho sản xuất, đời sống sinh hoạt của nhân dân và các nhiệm vụ chính trị, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng của địa phương. Trên địa bàn 9 xã có 242,731 km đường dây trung thế, 942,778 km đường dây hạ thế, 468 trạm biến áp, công suất 43.778kVA đảm bảo cấp điện an toàn đạt tiêu chuẩn và đảm bảo nhu cầu sử dụng điện để phát triển kinh tế xã hội. Trên địa bàn 09 xã có 25.195/25.220 hộ sử dụng điện, trong đó có 25.186/25.195 hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định, đạt 99,96%.

Đánh giá: 9/9 xã đạt tiêu chí số 04 về Điện theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh.

3.5. Về giáo dục

Giáo dục đào tạo luôn được lãnh đạo huyện quan tâm chỉ đạo sâu sát, huyện đã huy động các nguồn vốn xây dựng mới các phòng học, phòng chức năng, đầu tư trang thiết bị và các công trình phụ trợ như: Hàng rào, nhà xe, hệ thống thoát nước, sân đường,... cùng với nguồn kinh phí sự nghiệp hàng năm nâng cấp, sửa chữa các phòng học ở các điểm trường để đảm bảo đạt các yêu cầu về cơ sở vật chất cũng như phục vụ cho công tác học tập của học sinh. Kết quả đã triển khai thực hiện 21 công trình, kinh phí 64,9 tỷ đồng. Cụ thể kết quả thực hiện tiêu chí:

- **Nội dung 5.1:** Đến nay, trên địa bàn 09 xã có 34/34 điểm trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 (09 trường THCS; 16 trường tiểu học; 09 trường mẫu giáo), đạt 100%, tăng 22 trường so với năm 2019, trong đó có 15 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2.

- **Nội dung 5.2:** Chất lượng giáo dục và đào tạo trên địa bàn huyện ngày càng được củng cố. Công tác phổ cập giáo dục các cấp học được quan tâm chỉ đạo và duy trì vững chắc tạo điều kiện tốt nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, 9/9 xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

- **Nội dung 5.3:** 9/9 xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở mức độ 3.

- **Nội dung 5.4:** 9/9 xã đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.

- **Nội dung 5.5:** Trung tâm học tập cộng đồng các xã được đánh giá, xếp loại khá trở lên.

- **Nội dung 5.6:** Tất cả các trường học đều có khu giáo dục thể chất, thành lập các câu lạc bộ thể dục thể thao (bóng đá, bóng bàn, cầu lông, võ,...) cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền.

Đánh giá: 9/9 xã đạt tiêu chí số 05 về Giáo dục theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh.

3.6. Về văn hóa

Xác định cơ sở vật chất văn hóa không thể thiếu cho sự phát triển về đời sống văn hóa tinh thần của người dân, huyện đã đầu tư xây dựng các cơ sở vật chất văn hóa, thiết chế văn hóa từ cơ sở đáp ứng tiêu chí cơ sở vật chất văn hóa trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Triển khai thực hiện 09 công trình, tổng kinh phí thực hiện 36,81 tỷ đồng. Kết quả thực hiện tiêu chí cụ thể:

- **Nội dung 6.1:** Đến nay 9/9 xã có nhà văn hóa, khu thể thao đạt chuẩn theo quy định; 9/9 xã lắp đặt các dụng cụ thể thao ngoài trời ở điểm công cộng để phục vụ nhu cầu thể dục thể thao và vui chơi cho trẻ em và người cao tuổi (bàn cờ, xích đu, xà đơn,...), riêng xã Phú Cần, Long Thới, Tập Ngãi có lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao cho người lớn tuổi. Các nhà văn hóa áp cơ bản phục vụ sinh hoạt cộng đồng; xung quanh nhà văn hóa áp có trồng cây xanh tạo cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp. Các xã duy trì tốt các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, tổ chức biểu diễn văn nghệ, giao lưu đờn ca tài tử và biểu diễn nhạc cụ Khmer,... phục vụ nhu cầu rèn luyện sức khỏe, sinh hoạt, hưởng thụ của người dân. Phong trào văn hóa, văn nghệ và thể thao thường xuyên tổ chức các hoạt động sinh hoạt văn hoá cộng đồng, hội diễn, hội thi văn nghệ, hát đờn ca tài tử và các môn thi đấu thể thao, như: bóng đá, bóng chuyền, cầu lông... thu hút đông đảo người dân địa phương tham gia, nhất là vào các ngày lễ, hội lớn hàng năm. Toàn huyện có 14 Câu lạc bộ đàn ca tài tử; 01 đội múa lân, 01 câu lạc bộ dưỡng sinh, 11 đội bóng đá, 11 đội bóng chuyền, 01 sân bóng đá dành cho công chức, viên chức người lao động; 01 Câu lạc bộ cờ tướng; 01 Câu lạc bộ Bida; 04 Câu lạc bộ võ thuật (02 Karatedo; 02 Taewondo)... đã góp phần làm phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao của huyện thêm phong phú. Đặc biệt, toàn huyện gần 40.000 người dân tộc Khmer, chiếm trên 30% dân số chung của huyện là một trong những địa phương có đông đồng bào dân tộc Khmer của tỉnh. Đời sống văn hóa của đồng bào Khmer trên địa bàn huyện cũng đa dạng và phong phú với nhiều hoạt động văn hóa, tinh thần phong phú giàu bản sắc dân tộc đặc trưng của dân tộc Khmer⁸.

- **Nội dung 6.2:** Qua kiểm kê, phân loại các loại hình di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh, trên địa bàn 09 xã có 08 cơ sở được đưa vào danh mục kiểm kê tại Quyết định số 135/QĐ-UBND ngày 18/01/2022 của Chủ tịch Ủy ban Nhân tỉnh Trà Vinh gồm: 2 kiến trúc khảo cổ⁹; 3 kiến trúc nghệ thuật¹⁰; 3 Di tích lịch sử¹¹. Có 09 loại hình di tích được UBND tỉnh quyết định phê

⁸Như: Tết cổ truyền Chôl - Chnăm – Thmây diễn ra vào giữa tháng 4 âm lịch với nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ phong phú diễn ra, đặc biệt là lễ hội múa “*Sa Dam và hát Rằm*” trong văn hóa của người Khmer là để cầu chúc năm mới may mắn, cầu mong sự bình yên, năm mới làm ăn được mùa; Lễ cúng giỗ ông, bà còn gọi là Senl - Đôl - Ta, với nhiều hoạt động thăm hỏi và các hoạt động ca múa mang đậm chất dân tộc và kết thúc bằng lễ cúng chùa; ngày hội Ok - Om –Bok diễn ra khoảng giữa tháng 10 âm lịch, với nhiều hoạt động văn hóa, thể thao mang đậm bản sắc dân tộc Khmer như: lễ cúng trăng, thả hoa đăng - đèn nước, trong đó đáng chú ý nhất là môn Đua ghe Ngo truyền thống Trong cộng đồng dân tộc Khmer có 08 đội sa dăm gồm 116 thành viên; 06 đội múa rôbăm gồm 52 thành viên; 11 đội ngũ âm gồm 74 thành viên; 03 đội văn nghệ dân gian gồm 25 thành viên.

⁹ Hai kiến trúc gồm Bàu Ông Bét của xã Phú Cần và Gò Ông Tà của xã Hiếu Trung

¹⁰ Có ba kiến trúc gồm Nhà thờ Tân thành, ấp Tân Thành Đông, xã Tân Hoà; Chùa Kancon Kombonleva, ấp Đại Mong xã Phú Cần; Chùa Sàlatitharama Kom pong Răng ấp Tân Đại xã Hiếu Từ.

¹¹ Có ba di tích gồm Khu căn cứ Tỉnh uỷ, ấp Ngãi Hưng xã Ngãi Hùng; Chùa Ô chhuk (Chùa doi) ấp Ngãi Hoà xã Tập Ngãi; Chùa Debmangalanila odyana Phno Pring ấp Cầu Tre xã Long Thới.

duyet danh mục kiểm kê di tích lịch sử - Văn hóa, danh lam thắng cảnh theo quyết định số 135/QĐ-UBND ngày 18/01/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh gồm: Nhà thờ Tân Thành xã Tân Hòa, nhà thờ Mạc Bắc thị trấn Cầu Quan, Chùa Ô Chhuc xã Tập Ngãi, Chùa Đại Mong xã Phú Cần, Bàu Ông Bét xã Phú Cần, Chùa Tân Đại xã Hiếu Tử, Chùa Cầu Tre xã Long Thới, Khu Căn cứ Tỉnh ủy xã Ngãi Hùng, Gò Ông Tà xã Hiếu Trung. Di tích kiến trúc nghệ thuật Thiên Hậu Cung được UBND tỉnh công nhận di tích cấp tỉnh theo Quyết định số 2806/QĐ-UBND ngày 24/7/2020 và đã Trình Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để công nhận di tích cấp Quốc gia

- **Nội dung 6.3:** Toàn huyện có 69/69 ấp được UBND huyện công nhận đạt tiêu chuẩn văn hóa và đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định, đạt 100%.

Đánh giá: 9/9 xã đạt tiêu chí số 06 về Văn hóa theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh.

3.7. Về dịch vụ, thương mại

Hiện các chợ trên địa huyện đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm: vị trí, địa điểm, bố trí, thiết kế, hệ thống chiếu sáng, nước sử dụng trong chợ và hệ thống thoát nước, khu bán gia cầm sống và khu giết mổ gia cầm, an toàn phòng cháy, chữa cháy, vệ sinh môi trường, nhà vệ sinh theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11856:2017 về chợ kinh doanh thực phẩm. Thường xuyên thực hiện việc chỉnh trang khu vực chợ, sắp xếp ổn định các hộ tiểu thương, kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm, xử lý lấn chiếm lòng lề đường khu vực chợ tạo vẻ mỹ quan khu vực chợ, và chấp hành đúng Nội quy chợ đã được phê duyệt. Có 08/09 xã có chợ trên địa bàn huyện đạt tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025. Riêng xã Phú Cần không có chợ.

Đánh giá: 9/9 xã đạt tiêu chí số 07 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh.

3.8. Về thông tin và truyền thông

- **Nội dung 8.1:** Toàn huyện có 09 xã đều có điểm phục vụ bưu chính; dịch vụ viễn thông, internet phủ khắp trên địa bàn toàn huyện, hệ thống dây dẫn đường truyền thường xuyên được cải tạo nâng cấp đảm bảo phù hợp mỹ quan và chất lượng đường truyền; 100% xã đều có hệ truyền thanh, hệ thống loa tới các ấp đảm bảo cho công tác thông tin tuyên truyền kịp thời đến người dân trên địa bàn. 100% xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và điều hành; hệ số máy tính/cán bộ công chức cấp xã bình quân đạt trên 50%; ứng dụng phần mềm i-Office trong quản lý văn bản và điều hành công việc hoạt động thông suốt từ huyện đến cơ sở; sử dụng phần mềm i-Gate trong tiếp nhận, xử lý hồ sơ thủ tục hành chính. Trên địa bàn 09 xã đều có điểm phục vụ bưu chính nằm trên các tuyến đường trục thuận tiện giao thông đi lại, được trang bị hệ thống máy tính có kết nối internet, máy quét; nhân viên điểm phục vụ được đào tạo, tập huấn nghiệp

vụ cung cấp dịch vụ công trực tuyến để hỗ trợ, hướng dẫn người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

- **Nội dung 8.2:** Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động có sử dụng điện thoại thông minh là 63.913/70.935 người đạt 90,1%.

- **Nội dung 8.3:** 69/69 ấp trên địa bàn đều có hệ thống loa không dây (145 cụm loa) hoạt động thường xuyên, đảm bảo truyền tải các thông tin đến người dân trên địa bàn; 100% các ấp trên địa bàn có hộ gia đình được xem truyền hình qua vệ tinh, truyền hình qua mạng internet,...; các xã đều có 02 điểm cung cấp xuất bản phẩm gồm tủ sách pháp luật của Đoàn thể xã và Thư viện xã.

- **Nội dung 8.4:** Hồ sơ giải quyết trực tuyến của các xã trên địa bàn huyện đã được triển khai thực hiện đạt so với quy định; 100% cán bộ, công chức của xã được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức kỹ năng số và an toàn thông tin mạng; có 51.357/70.935 người dân trong độ tuổi lao động được phổ biến kiến thức về sử dụng máy tính và kỹ năng số cơ bản, đạt 72,4%. Các sản phẩm OCOP trên địa bàn 09 xã đều được giới thiệu, quảng bá trên nền tảng sàn thương mại điện tử. Các cơ sở dân sinh, kinh tế - xã hội trên địa bàn các xã như trường học, trạm y tế, bưu điện, nhà văn hóa xã, ấp, khu di tích thuộc phạm vi quản lý,... được gán địa chỉ số trên nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số.

- **Nội dung 8.5:** Khu vực công cộng trên địa bàn 09 xã như Ủy ban nhân dân xã, Nhà văn hóa xã, Trạm Y tế xã,... đều có mạng wifi miễn phí đảm bảo phục vụ nhu cầu sử dụng cho người dân. Ngoài ra, tại các trường học, các điểm du lịch cộng đồng, khu vui chơi giải trí,... cũng được lắp đặt mạng wifi miễn phí phục vụ nhu cầu sử dụng của người dân. Mạng wifi trên địa bàn các xã đảm bảo đáp ứng chất lượng dịch vụ, các điều kiện kỹ thuật khai thác và an toàn, an ninh thông tin theo quy định hiện hành.

Đánh giá: 9/9 xã đạt tiêu chí số 08 về Thông tin và truyền thông theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh.

3.9. Về nhà ở dân cư

Trong những năm vừa qua, kinh tế - xã hội huyện có sự phát triển, đời sống vật chất, tinh thần của người dân nông thôn không ngừng được nâng lên, người dân đã quan tâm đầu tư xây mới, nâng cấp các công trình nhà ở, phụ trợ ngày càng khang trang, sạch đẹp. Bên cạnh đó, Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện thực hiện tốt chủ trương xây dựng nhà tình nghĩa cho gia đình chính sách và tăng cường huy động tốt sự đóng góp của cộng đồng xã hội tham gia các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, đã xây dựng được 2.418 căn nhà tình nghĩa hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo được vay theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND được 74 căn, số tiền 3,480 tỷ đồng; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội và các xã đã tích cực vận động các quỹ an sinh xã hội, quỹ vì người nghèo, các mạnh thường quân, triển khai thực hiện tốt nhiều chương trình, dự án hỗ trợ về nhà ở, đã xây dựng được 245 căn nhà nhà mái ấm tình thương, mái ấm công đoàn, nhà đại đoàn kết, nhà tình bạn, nhà khăn quàng đỏ,... với kinh phí 13,8

tỷ đồng, ... đến nay trên địa bàn huyện có tổng số nhà ở đạt chuẩn 24.053 căn, đạt 95,5%. Trên địa bàn không còn hộ nghèo là đối tượng gia đình chính sách khó khăn về nhà ở.

Đánh giá: 9/9 xã đạt tiêu chí số 09 về Nhà ở dân cư theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh.

3.10. Về thu nhập

Để cải thiện, nâng cao đời sống Nhân dân, Huyện ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện các chính sách và thực hiện đồng bộ các giải pháp, huy động tối đa các nguồn lực, khai thác các tiềm năng, lợi thế để phát triển các ngành kinh tế. Trong đó, tập trung triển khai thực hiện đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị, tiếp cận và chuyển giao khoa học kỹ thuật vào sản xuất làm giảm chi phí sản xuất, tăng lợi nhuận; phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ; trong thời gian qua các công ty, doanh nghiệp được thành lập và hoạt động hiệu quả góp phần giải quyết việc làm cho lao động nông thôn; công tác đào tạo nghề được quan tâm, công tác xuất khẩu lao động ngày càng hiệu quả,... Từ đó, góp phần đáng kể nâng cao thu nhập cho người dân. Thu nhập bình quân đầu người liên tục tăng qua các năm, trung bình mỗi năm thu nhập bình quân tăng khoảng 8,26 triệu đồng so với năm trước liền kề. Ước đến cuối năm 2023, thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn 09 xã đạt 75,254 triệu đồng/người/năm (Tăng 33,79 triệu đồng so với năm 2018).

Đánh giá: 9/9 xã đạt tiêu chí số 10 về Thu nhập theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh.

3.11. Về hộ nghèo

Trong thời gian qua, công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chương trình giảm nghèo luôn được cấp ủy, chính quyền, Ủy ban Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể từ huyện đến cơ sở triển khai quyết liệt, cụ thể, thiết thực và đạt hiệu quả; các chỉ tiêu trong kế hoạch giảm nghèo hàng năm đều phân tích rõ cụ thể đối tượng, nhận diện nguyên nhân thiếu hụt dẫn đến nghèo để đề ra giải pháp phù hợp, phân công nhiệm vụ cho các cơ quan thành viên Ban Chỉ đạo trong giám sát, hướng dẫn cơ sở thực hiện. Công tác tuyên truyền đã phát huy hiệu quả tích cực, nhận thức và tư duy của người nghèo, hộ nghèo đã tiến bộ rõ nét. Cùng với việc phát triển sản xuất, thực hiện các chính sách hỗ trợ nông nghiệp, nông dân, nông thôn; các chính sách hỗ trợ giảm nghèo, các chính sách an sinh xã hội, các chính sách đào tạo nghề, giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động,...góp phần thực hiện tốt công tác giảm nghèo và giảm nghèo bền vững. Qua kết quả rà soát hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều năm 2023, hiện nay trên địa bàn 09 xã còn 145 hộ nghèo, 593 hộ cận nghèo (trong đó có 107 hộ nghèo, 142 hộ cận nghèo không có khả năng lao động), chiếm 1,95% so với tổng số hộ chung. (*giảm 0,51% so với năm 2018*).

Đánh giá: 9/9 xã đạt tiêu chí số 11 về Nghèo đa chiều theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh.

3.12. Về lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ

Huyện đã chỉ đạo các xã tổ chức thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về lao động; tuyên truyền, vận động các doanh nghiệp trong việc đào tạo nghề cho lao động thuộc đơn vị mình quản lý. Trong những năm qua với nhiều chính sách đào tạo, hỗ trợ, giải quyết việc làm, lồng ghép với các chương trình, dự án, huyện đã tổ chức thực hiện công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn, từng bước nâng cao chất lượng nguồn nhân lực khu vực nông thôn. Cụ thể:

- **Nội dung 12.1:** Đối với lao động qua đào tạo: Năm 2023, tỷ lệ lao động qua đào tạo bình quân của các xã trên địa bàn huyện là 62.206/73.167 người, đạt tỷ lệ 85,02%.

- **Nội dung 12.2:** Đối với lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ: Năm 2023, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ của các xã trên địa bàn huyện là 25.758/73.167 người, đạt tỷ lệ 35,2%.

- **Nội dung 12.3:** Tỷ lệ lao động làm việc trong ngành kinh tế chủ lực: 09 xã xác định ngành kinh tế chủ lực của xã là sản xuất nông nghiệp; với tỷ lệ lao động làm việc trong ngành kinh tế chủ lực là 46.718/73.617 người đạt 63,46%.

Đánh giá: 9/9 xã đạt tiêu chí số 12 về Lao động theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh.

3.13. Về tổ chức sản xuất

- **Nội dung 13.1:** Huyện tập trung chỉ đạo các xã tăng cường công tác phối hợp các ngành có liên quan hỗ trợ củng cố bộ máy, nâng cao chất lượng hoạt động của hợp tác xã. Xác định nguồn nhân lực hợp tác xã có vai trò quan trọng đối với phát triển hợp tác xã, việc triển khai chính sách đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực được huyện chú trọng, trong giai đoạn từ năm 2019 đến nay, huyện phối hợp Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Chi cục Phát triển nông thôn tỉnh tổ chức 08 lớp tập huấn cho cán bộ hợp tác xã tham gia lớp kế toán hợp tác xã, giám đốc hợp tác xã; tập huấn nâng cao hiệu quả hoạt động của hình thức tổ chức sản xuất, củng cố hợp tác xã, ... với 232 người dự. Bên cạnh đó, huyện đã tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ đối với phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trên địa bàn huyện. Kết quả giai đoạn 2019-2023 đã chi hỗ trợ cơ sở hạ tầng, thành lập mới hợp tác xã và chính sách thu hút lao động về làm việc tại hợp tác xã với số tiền 17,33 tỷ đồng¹². Đồng thời, qua đó các hợp tác xã đã tham gia

¹² Chính sách hỗ trợ thí điểm đưa cán bộ trẻ tốt nghiệp đại học, cao đẳng về làm việc có thời hạn tại hợp tác xã được 96 lượt lao động trẻ về làm việc tại các HTX với kinh phí là 4,034 tỷ đồng; hỗ trợ thành lập mới cho 05 HTX với kinh phí 0,126 tỷ đồng; Chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, chế biến sản phẩm: Năm 2019, thực hiện Nghị quyết số 20/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của HĐND tỉnh Trà Vinh về ban hành chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2017-2020 và Nghị quyết số 56/2018/NQ-HĐND ngày 04/5/2018 về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 20/2017/NQ-HĐND, chi hỗ trợ cho HTX nông nghiệp Rạch Lọp xây dựng trụ sở làm việc, nhà kho với số tiền 0,6 tỷ đồng. Năm 2021, từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới đã hỗ trợ cho hợp tác xã nông nghiệp Phú Cần

thực hiện liên kết theo chuỗi giá trị và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định đối với các sản phẩm chủ lực ở địa phương như lúa, dứa,... Thông qua các chính sách hỗ trợ đã góp phần thúc đẩy các hợp tác xã, kinh tế hợp tác phát triển. Đến nay, 09 xã có 12 HTX nông nghiệp với 1.499 xã viên, vốn điều lệ 6,619 tỷ đồng, tăng 06 hợp tác xã so với năm 2018. Hoạt động của các hợp tác xã đã từng bước có hiệu quả.

- **Nội dung 13.2:** Hàng năm Ủy ban nhân dân huyện đều có xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình OCOP và qua đó đã chỉ đạo Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp các ngành liên quan, các xã rà soát, đánh giá các sản phẩm, dịch vụ đặc trưng của địa phương có tiềm năng, lợi thế phát triển đặc biệt là bảo tồn và phát triển ngành nghề truyền thống của địa phương để hướng dẫn các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất, dịch vụ tham gia Chương trình. Việc triển khai thực hiện Chương trình OCOP trong thời gian qua đã góp phần chuyển đổi sản xuất theo hướng tăng quy mô gắn với chuỗi giá trị, nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn, bước đầu đã đem lại những kết quả khả quan, chất lượng sản phẩm được nâng cao, sản phẩm được lưu thông tốt trên thị trường, đem lại giá trị cao hơn, góp phần tăng thu nhập cho chủ thể có sản phẩm OCOP. Đến nay trên địa bàn 09 xã có 19 sản phẩm OCOP¹³ và mỗi xã đều có ít nhất 01 sản phẩm OCOP đạt từ 03 trở lên.

- **Nội dung 13.3:** Huyện tập trung chỉ đạo củng cố, kiện toàn, phát triển kinh tế hợp tác trong nông nghiệp. Chất lượng hoạt động của các hợp tác xã từng bước được củng cố, nâng lên. Các hợp tác xã đã triển khai thực hiện tốt các khâu dịch vụ, nhất là liên kết tiêu thụ sản phẩm cho các thành viên như liên kết tiêu thụ lúa, dứa cho xã viên và hộ sản xuất. Ngoài ra, huyện còn quan tâm chỉ đạo ứng dụng công nghệ cao, công nghệ vi sinh, nông nghiệp sạch vào sản xuất nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm như sản xuất bưởi da xanh theo tiêu chuẩn VietGap với diện tích 27,6 ha ở xã Hùng Hòa; xây dựng được vùng nguyên liệu

thực hiện dự án: Xây dựng Trụ sở làm việc, cửa hàng, nhà kho là 1,995 tỷ đồng; Hỗ trợ hợp tác xã Bưởi da xanh Hùng Hòa thực hiện dự án xây dựng trụ sở làm việc, nhà kho vật tư nông nghiệp, xưởng sơ chế trái cây, trại ươm giống theo Nghị quyết 20 và Nghị quyết 56 của HĐND tỉnh Trà Vinh, kinh phí 0,5 tỷ đồng. Năm 2023, huyện được hỗ trợ 5,5 tỷ đồng triển khai thực hiện 02 dự án theo Quyết định 3141/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh (Hợp tác xã nông nghiệp Rạch Lọt: Triển khai Dự án Trạm bơm liên ấp Trung Tiến - ấp Nhì, xã Tân Hùng, huyện Tiểu Cần. Hạng mục: Xây dựng trạm bơm, cấp điện 3 pha cấp cho trạm bơm, nạo vét kênh, kinh phí 4,9 tỷ đồng; Hợp tác xã nông nghiệp Phú Cần: Mua sắm máy bay phun thuốc, phân, sạ lúa cho Hợp tác xã Nông nghiệp Phú Cần tham gia Đề án mô hình hợp tác xã kiểu mới, kinh phí 0,6 tỷ đồng; Hỗ trợ HTX Thanh Trung xây dựng mô hình sản xuất lúa thương phẩm vụ Đông xuân năm 2022-2023 với diện tích 31,5 ha, kinh phí hỗ trợ 0,2 tỷ đồng; Thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm từ nguồn vốn nông thôn mới và vốn Nghị Quyết 56 (sản xuất lúa sử dụng phân bón hữu cơ) cho các HTX 4,079 tỷ đồng, hỗ trợ xây dựng mô hình nhà lưới 0,105 tỷ đồng; hỗ trợ HTX nông nghiệp Phú Cần xây dựng mô hình trồng rau trong nhà lưới 0,191 tỷ đồng.

¹³ Có 10 sản phẩm OCOP đạt 03 sao: Hạt Ca cao mật hoa dứa, Lạp xưởng 6 Be, Bưởi da xanh Hùng Hòa, Rượu nếp than Thiên Phước, Chả lụa Năm Nghĩa, Nước màu Dừa, Dừa xiêm xanh, Yên sào Hạo Nhiên, Gạo Cô Ba, Nếp sấy chà bông Út Bích. Có 05 sản phẩm OCOP đạt 04 sao: Mật Hoa Dừa lên men Organic Sokfarm, giấm mật hoa dứa Organic Sokfarm, Gạo Rạch Lọt Tiểu Cần, Gạo Rạch Lọt Tân Hùng, Gạo Rạch Lọt Trà Vinh; Có 02 sản phẩm OCOP đạt 05 sao: Mật hoa dứa Organic Sokfarm và Đường hoa dứa Organic Sokfarm và 02 sản phẩm tiềm năng 05 sao: Mật hoa dứa tươi Organic Sokfarm, nước tương Mật hoa Dừa Organic Sokfarm

dừa hữu cơ sản xuất theo quy trình thực hành sản xuất tốt trên địa bàn 09 xã với diện tích 2.741,63 ha, có 3.219 hộ tham gia thực hiện liên kết theo chuỗi giá trị góp phần tăng giá trị trên cây dừa là sản phẩm chủ lực của huyện. Bên cạnh đó, còn xây dựng một số mô hình ứng dụng công nghệ cao, đem lại hiệu quả kinh tế, nổi bật như mô hình trồng dưa lưới trong nhà màng với diện tích 0,45ha ở xã Phú Cần, mô hình trồng thanh long ứng dụng công nghệ tưới nhỏ giọt và bổ sung phân vi sinh với diện tích 2,1 ha ở xã Tân Hùng. Tiếp tục thực hiện chuỗi nâng cấp giá trị cây lúa, cây dừa, cây ăn trái, huyện đã tổ chức tuyên truyền, vận động nông dân tăng cường công tác ứng dụng cơ giới hóa vào sản xuất, đến nay 9/9 xã đều có mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu như 100% khâu làm đất, bơm tát nước, 100% khâu gặt lúa và 70 – 80% khâu gieo sạ, phun thuốc bằng cơ giới góp phần tăng năng suất lao động, giảm tỷ lệ hao hụt còn dưới 10%; đặc biệt nhờ áp dụng cơ giới hóa trong khâu thu gom phụ phẩm của cây lúa (rơm) tăng thu nhập cho người dân 1,6 triệu đồng/ha.

- **Nội dung 13.4:** Các xã trên địa bàn huyện xác định sản phẩm chủ lực của địa phương là cây lúa, cây dừa. Thông qua các hợp tác xã nông nghiệp, các sản phẩm chủ lực của các xã được đăng ký nhãn hiệu, cấp mã số, mã vạch để thực hiện chuyển đổi số, truy xuất nguồn gốc và được giao dịch trên sàn thương mại điện tử, mạng xã hội và ứng dụng khác, tỷ lệ đều đạt trên 10%.

- **Nội dung 13.5:** Các sản phẩm chủ lực của các xã như lúa, gạo, dừa đều được các hợp tác xã trên địa bàn xây dựng nhãn hiệu, cấp mã số, mã vạch để thực hiện chuyển đổi số, truy xuất nguồn gốc và được giao dịch trên sàn thương mại điện tử, mạng xã hội và ứng dụng khác như tham gia sàn thương mại điện tử như PostMart.vn, Sendo.vn, quảng bá bán qua Zalo, Facebook... đảm bảo đạt với tỷ lệ 20 - 30%. Qua đó, đã kết nối được đầu ra cho sản phẩm nâng cao thu nhập ổn định cho người dân trên địa bàn xã.

- **Nội dung 13.6:** Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của 09 xã được cấp mã vùng. Cụ thể, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp 10 mã số vùng trồng cho 09 xã (riêng xã Phú Cần được cấp 02 mã số vùng trồng). Trong đó, mã số vùng trồng lúa với diện tích 499,3 ha, mã số vùng trồng dừa với diện tích 234,4 ha.

- **Nội dung 13.7:** Huyện có một điểm du lịch cộng đồng Sokfarm tại ấp Cây Hẹ xã Phú Cần và điểm du lịch Le Ngan Homestay, ấp Lê Văn Quới, xã Tập Ngãi. Các hình ảnh về du lịch có triển khai và quảng bá trên mạng Ineternet, facebook và đặc biệt là trên trang thông tin điện tử của huyện Tiểu Cần.

- **Nội dung 13.8:** Trên địa bàn các xã triển khai thực hiện mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị như mô hình trồng rau an toàn kết hợp hệ thống tưới nhỏ giọt ở xã Hiếu Tử, Hiếu Trung, Long Thới, mô hình trồng lan Mokara trong nhà màng ở xã Tập Ngãi, mô hình dừa hữu cơ, mô hình nuôi trùn quế kết hợp với trồng Bưởi da xanh xã Hùng Hòa, ngoài ra 09 xã trên địa bàn huyện có mô hình dừa hữu cơ sản xuất theo quy trình thực hành sản xuất tốt vừa mang lại hiệu quả kinh tế vừa bảo vệ môi trường.

Đánh giá: 9/9 xã đạt tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh.

3.14. Về y tế

Tiêu chí y tế trong xây dựng xã nông thôn mới nâng cao là một trong những tiêu chí có nhiều chỉ tiêu mới, việc triển khai thực hiện còn gặp nhiều khó khăn. Để thực hiện các chỉ tiêu, Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện đã tập trung chỉ đạo các xã phối hợp với các cơ quan liên quan tăng cường rà soát từng trường hợp chưa có bảo hiểm y tế; thành lập các tổ từ 5-7 người đến trực tiếp các ấp để tuyên truyền, vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế, cung cấp thông tin hồ sơ sức khỏe điện tử; tham gia cài đặt, sử dụng nền tảng khám chữa bệnh từ xa (Vtelehealth); cài đặt và sử dụng ứng dụng Sổ sức khỏe điện tử để theo dõi sức khỏe cá nhân. Qua đó, người dân hiểu rõ hơn và tích cực thực hiện. Cụ thể:

- **Nội dung 14.1:** Có 89.126/93.816 người tham gia bảo hiểm y tế, đạt 95%.

- **Nội dung 14.2:** Có 93.816/93.816 người dân được nhập hồ sơ quản lý sức khỏe, đạt 100%.

- **Nội dung 14.3:** Có 11.970/29.102 người dân được cài đặt, sử dụng nền tảng khám chữa bệnh từ xa đạt 41,1%.

- **Nội dung 14.4:** Có 28.956/29.102 người dân cài đặt và sử dụng ứng dụng Sổ sức khỏe điện tử, đạt 99%.

Đánh giá: 9/9 xã đạt tiêu chí số 14 về Y tế theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh.

3.15. Về hành chính công

- **Nội dung 15.1:** Trên địa bàn 09 xã đều có hệ thống cơ sở vật chất và tổ chức ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính trên cổng dịch vụ công theo quy định.

+ Toàn bộ hồ sơ thủ tục hành chính phát sinh đều được thực hiện tiếp nhận và giải quyết trên môi trường điện tử thông qua phần mềm Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu Một cửa điện tử. Đã thực hiện số hóa hồ sơ, ký số và lưu trữ điện tử đối với hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.

+ Trang thiết bị tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại các xã cơ bản đáp ứng được yêu cầu tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

+ Cán bộ, công chức trực tiếp tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại các xã

thường xuyên được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng thành thạo phần mềm Hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu Một cửa điện tử, Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh, của quốc gia trong việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính cho tổ chức và cá nhân.

- **Nội dung 15.2: Bộ phận một cửa huyện** thường xuyên phối hợp các cơ quan chuyên môn rà soát, cập nhật các thủ tục hành chính cung cấp dưới dạng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 lên Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh, của quốc gia.

+ Tổng số 138 /138 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã được xây dựng quy trình giải quyết theo tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 và được cập nhật trên Hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu Một cửa điện tử, Cổng dịch vụ công của tỉnh và Cổng dịch vụ công quốc gia.

+ 9/9 xã đã triển khai thực hiện và cung cấp **21/138** thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, **60/138** thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 57/138 thủ tục hành chính còn lại tương đương mức độ 2.

- **Nội dung 15.3:** 9/9 xã giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp.

+ Công khai 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết và các nội dung hướng dẫn thực hiện phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức theo đúng quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính.

+ 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết được tổ chức tiếp nhận, giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông và áp dụng quy trình theo dõi việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ, trả kết quả giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐCP ngày 23/4/2018 của Chính phủ quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

+ Tỷ lệ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt mục tiêu được giao tại khoản 2 mục III Điều 1 về cải cách thủ tục hành chính của Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ đạt ở mức độ tốt.

+ Trong 05 năm (từ 2019 đến 2023), kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính của 09 xã nông thôn mới nâng cao được giải quyết đúng hoặc sớm hạn luôn đạt ở mức **trên 99%**; không có kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải sửa đổi, bổ sung do lỗi của cơ quan nhà nước hoặc bị phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, khiếu kiện; không có ý kiến phản ánh, kiến nghị về hành vi, thái độ những

hiều, gây phiền hà, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định pháp luật, không có khiếu nại vượt cấp trong giải quyết thủ tục hành chính.

Đánh giá: 9/9 xã đạt tiêu chí số 15 về Hành chính công theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh.

3.16. Về tiếp cận pháp luật

Hàng năm, huyện ban hành các kế hoạch để tổ chức, triển khai thực hiện chương trình phổ biến pháp luật; kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật, hoà giải cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật, xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước trên địa bàn huyện. Kết quả thực hiện tiêu chí, cụ thể:

- **Nội dung 16.1:** 09/09 xã thực hiện đa dạng và đổi mới mô hình tuyên truyền mang lại hiệu quả cao trong thời gian vừa qua, thông qua các mô hình “CLB bảo đảm trật tự an toàn giao thông ấp 6”, “Ban vận động gây quỹ hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng”, “CLB xung kích bảo vệ môi trường và giữ gìn an ninh trật tự”, “Tuyên truyền cảm hóa giáo dục đối tượng tại chùa Chacakrôn”, “CLB tuyên truyền cảm hóa đối tượng gắn với cuộc vận động Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, “Người có uy tín trong đồng bào dân tộc Khmer tham gia hòa giải cơ sở” “Mô hình 7+1 trong công tác phòng, chống tội phạm và mua bán người, ma túy, mại dâm, HIV/AIDS và phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc ấp Cây Gòn” trong giai đoạn mới với chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh.

- **Nội dung 16.2:** Năm 2023, toàn huyện có số lượng các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hoàn giải thành 27/29 cuộc, đạt tỷ lệ 93,1%. 100% tổ hòa giải của 09 xã đều được hỗ trợ kinh phí triển khai hoạt động của tổ hòa giải và thù lao cho hòa giải viên đúng quy định pháp luật, hàng năm có hoạt động phối hợp tổ chức hội nghị tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở cho các đối tượng là hòa giải viên, tuyên truyền viên cấp xã đạt kết quả cao.

- **Nội dung 16.3:** Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến Luật trợ giúp pháp lý nhất là các quy định về “người được trợ giúp pháp lý, quyền và nghĩa vụ của người được trợ giúp pháp lý” theo quy định tại Điều 7 luật trợ giúp pháp lý năm 2017. Đến nay, trên địa bàn huyện không có đối tượng yêu cầu trợ giúp pháp lý theo quy định.

Đánh giá: 9/9 xã đạt tiêu chí số 16 về Tiếp cận pháp luật theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh.

3.17. Về môi trường

- **Nội dung 17.1:** Trên địa bàn 09 xã có 08 chợ xã truyền thống, 09 trạm y tế, 02 cơ sở giết mổ tập trung đều có hệ thống thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý chất thải, thực hiện quan trắc môi trường và hợp đồng đơn vị thu gom, xử lý chất thải thông thường, chất thải rắn nguy hại theo quy định.

- Nội dung 17.2: Huyện luôn quan tâm công tác tuyên truyền, vận động cơ sở sản xuất kinh doanh, chăn nuôi, chế biến lương thực, thực phẩm, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, nuôi thủy sản, làng nghề về bảo vệ môi trường. Đến nay, trên địa bàn 09 xã có 1.822 cơ sở sản xuất kinh doanh, nuôi thủy sản và 01 làng nghề “Bó Chôi” tại xã Tân Hòa bảo đảm quy định về bảo vệ môi trường, đạt tỷ lệ 100%. Trong đó, có 1.388 cơ sở sản xuất kinh doanh, nuôi thủy sản thuộc đối tượng phải lập hồ sơ môi trường; có 434 cơ sở sản xuất kinh doanh, nuôi thủy sản thuộc đối tượng không phải phải lập hồ sơ môi trường. Qua kiểm tra, các cơ sở, làng nghề đều đảm bảo vệ sinh, đảm bảo quy định về môi trường, không có cơ sở gây ô nhiễm môi trường. Đối với các cơ sở có gây tác động đến môi trường đều có biện pháp, hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường để thu gom, phân loại, lưu giữ, tái chế, thu hồi hoặc xử lý chất thải (*nước thải, khí thải, chất thải rắn*) đúng quy định. Các cơ sở nuôi thủy sản chủ yếu với quy mô hộ gia đình, đều tuân thủ theo quy hoạch nuôi thủy sản, nước thải nuôi thủy sản được xử lý bằng chất khử trùng diệt khuẩn trước khi thải ra môi trường.

- Nội dung 17.3: Chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn 09 xã được thu gom, xử lý theo quy định.

Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Tổng lượng rác thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn 09 xã khoảng 42,217 tấn/ngày ($93.816 \text{ người} \times 0,45\text{kg/người/ngày} = 42.217 \text{ kg/ngày}$). Trên địa bàn 9/9 xã đã bố trí 540 thùng rác tại các tuyến đường chính, trung tâm các chợ, khu dân cư, cơ quan, trường học; có 1.942 hộ gia đình tham gia thu gom, vận chuyển, xử lý 3,25 tấn/ngày. Phòng Tài nguyên và Môi trường ký hợp đồng với Công ty Minh Thông Cần Thơ, có 02 xe chuyên dụng để tổ chức thu gom chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện với tần suất thu gom 2 ngày/lần được vận chuyển về bãi rác tập trung tại xã Tân Hòa xử lý theo quy định (chôn lấp). Ngoài ra, rác thải sinh hoạt còn được xử lý bằng phương pháp ủ trong thùng ủ hữu cơ thông qua mô hình do huyện đầu tư hỗ trợ, với 610 thùng, 610 hộ xử lý khoảng 1 tấn/ngày. Đối với các hộ gia đình tại vùng nông thôn, chưa có xe thu gom thì người dân thực hiện xử lý chất thải sinh hoạt bằng cách phân loại, đào hố chôn lấp, ủ phân hữu cơ (*hình thức hố rác di động*) trong khuôn viên hộ gia đình với 21.457 hộ, khối lượng 35,9 tấn/ngày. Tỷ lệ rác thải sinh hoạt trên địa bàn được thu gom và xử lý theo quy định đạt 95,2% ($24.009\text{hộ}/25.220 \text{ hộ tương đương } 40,2 \text{ tấn/ngày}$).

Đối với chất thải rắn không nguy hại gồm: *Chất thải rắn xây dựng* từ các công trình xây dựng trên địa bàn phát sinh lượng chất thải rắn tương đối ít, chủ yếu là phát sinh từ công tác xây dựng, cải tạo nhà ở hộ gia đình, cá nhân, hiện các hộ gia đình tự phân loại để bán phế liệu; đối với đất, đá, chất thải rắn từ hoạt động xây dựng được tái sử dụng để san lấp mặt bằng. *Chất thải rắn nông nghiệp* chủ yếu phụ phẩm cây trồng như rơm rạ, vỏ trái cây,... được thu gom, sử dụng làm giá thể trồng nấm, trồng cây (rơm rạ, mùn dừa), sản xuất thức ăn (ủ chua thân cây bắp, dây dưa hấu, rơm ủ phân urê, đóng cuộn rơm), làm vật liệu độn chuồng và đệm lót sinh học trong chăn nuôi (mùn dừa, trấu, rơm,...), chất thải chăn nuôi được thu gom, xử lý, tái sử dụng như tưới cho cây trồng, ủ làm phân bón hữu cơ, chất đốt (hầm biogas), nuôi côn trùng (trùn quế),...đạt 96,5%. *Chất*

thải rắn công nghiệp thông thường trên địa bàn các xã phát sinh được các cơ sở thu gom xử lý theo quy định.

- Nội dung 17.4: Nước thải tại các khu dân cư nông thôn tập trung đều có hệ thống tiêu thoát nước thông thoáng, đảm bảo nhu cầu thoát nước của khu vực, không có tình trạng ứ đọng gây ô nhiễm môi trường. Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình được xử lý bằng biện pháp phù hợp như qua bể tự hoại 2 ngăn trước khi thải vào hệ thống thoát nước chung của khu dân cư. Địa bàn 09 xã nông thôn mới nâng cao có 23.969/25.220 hộ thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, tỷ lệ 95,04%.

- Nội dung 17.5: 9/9 xã có mô hình tổ chức phân loại và thu gom rác với 610 hộ tham gia. Đồng thời, Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các ngành liên quan tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân về lợi ích của việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, thành lập 06 mô hình “Khu dân cư tự quản về môi trường” với 260 hộ gia đình tham gia tại các xã Phú Cần (100 hộ gia đình/2 mô hình), Hiếu Trung (40 hộ gia đình/1 mô hình), Tập Ngãi (40 hộ gia đình/1 mô hình), Ngãi Hùng (40 hộ gia đình/1 mô hình) và Hùng Hòa (40 hộ gia đình/1 mô hình), qua đó có 20.680/25.220 hộ gia đình tham gia thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn, đạt 82%.

- Nội dung 17.6: Chất thải rắn nguy hại trên địa bàn các xã được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường. Đối với bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng: Tổ chức thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng phát sinh trên địa bàn theo quy định tại Thông tư liên tịch số 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT. Trên địa bàn 09 xã được bố trí 331 hố chứa rác thải thuốc bảo vệ thực vật, tổng khối lượng bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng phát sinh 2.790kg/năm, hàng năm phối hợp tổ chức thu gom và ký hợp đồng với Công ty TNHH MTV Môi trường Trà Vinh vận chuyển đến địa điểm xử lý an toàn theo quy định. Đối với chất thải rắn y tế: Xử lý chất thải rắn y tế tại Trạm y tế của các xã đúng quy định theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Rác thải phát sinh tại Trạm y tế xã được thu gom và vận chuyển về Trung tâm y tế huyện được hợp đồng thu gom về kho chứa của Trung tâm Y tế huyện và vận chuyển đi xử lý tại lò đốt rác thải y tế của Bệnh viện Đa khoa khu vực Tiểu Cần. Lượng rác thải phát sinh tại Trạm y tế trên địa bàn 09 xã hàng năm được thu gom, xử lý được khoảng 450kg/450kg, đạt 100%. Trên địa bàn huyện xã Hiếu Tử có Công ty TNHH Giày da Mỹ Phong có phát sinh chất thải rắn công nghiệp và chất thải nguy hại. Hai loại chất thải này được Công ty trực tiếp ký hợp đồng với Công ty TNHH môi trường xanh Trà Vinh để xử lý theo quy định. Các chất thải nguy hại khác phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh đều được ký hợp đồng với Công ty TNHH môi trường xanh Trà Vinh tổ chức thu gom, xử lý chất thải rắn nguy hại đảm bảo đúng quy định, đạt 100%.

- Nội dung 17.7: Hàng năm, khối lượng phụ phẩm nông nghiệp phát sinh trong sản xuất là 585.391,275 tấn, trong đó 543.957,952 tấn được thu gom, xử

lý, tái sử dụng, đạt 92,9%. Cụ thể: Hàng năm, tổng diện tích sản xuất nông nghiệp 34.921,2 ha, sản lượng 286.672,94 tấn; trong đó lúa 31.201,8 ha, sản lượng phụ phẩm 198.131,5 tấn được người dân tận dụng làm thức ăn chăn nuôi, sản xuất nấm và sử dụng biện pháp cày, xới đạt 96%; về cây màu diện tích 2.788,5 ha, sản lượng phụ phẩm 15.671,37 tấn được sử dụng làm thức ăn chăn nuôi, ủ phân hữu cơ, đạt 93%; về vườn cây ăn trái diện tích 2.242,9 ha, sản lượng phụ phẩm 15.655,442 tấn, các phụ phẩm được tận dụng làm thức ăn chăn nuôi, ủ phân hữu cơ, tỷ lệ 92%; về cây dừa diện tích 5.635,5 ha, sản lượng phụ phẩm 3.978,663 tấn, các phụ phẩm được tận dụng làm ủ phân hữu cơ, đan lát, thủ công mỹ nghệ, than đốt,... tỷ lệ 99%; về thủy sản thả nuôi diện tích 151,8 ha, sản lượng phụ phẩm 30,36 tấn được sử dụng làm phân bón cho cây trồng, đạt 89%; về chăn nuôi tổng đàn 1.303.422 con (heo 63.342 con, bò 27.449 con, gia cầm 1212.631 con), lượng chất thải 351.923,94 tấn (có 330.808,53 tấn được thu gom, tái sử dụng thành nguyên liệu, nhiên liệu và sản phẩm thân thiện với môi trường như công nghệ khí sinh học, chế phẩm sinh học, độn lót sinh học..., đạt 94%).

- **Nội dung 17.8:** Trong chăn nuôi thường xuyên thực hiện công tác tuyên truyền, vận động cho hộ chăn nuôi có ý thức trong đảm bảo các quy định vệ sinh thú y và bảo vệ môi trường như triển khai Luật Chăn nuôi, Luật Thú y, phát các tờ bướm hướng dẫn các biện pháp phù hợp để vệ sinh phòng dịch; thu gom, xử lý phân, nước thải chăn nuôi, xác vật nuôi và chất thải chăn nuôi khác theo quy định của pháp luật về thú y, bảo vệ môi trường,... lồng ghép vào các lớp tập huấn hàng năm. Đến nay, trên địa bàn các xã không có trang trại quy mô lớn, có 318 trang trại chăn nuôi quy mô vừa và nhỏ bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường bằng các công trình, biện pháp xử lý chất thải chăn nuôi đúng theo quy định như xử lý bằng bể biogas, độn lót sinh học, đạt 100%; có 8.450/9.426 hộ chăn nuôi quy mô nông hộ bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường bằng các công trình, biện pháp xử lý chất thải chăn nuôi đúng theo quy định như xử lý bằng bể biogas, độn lót sinh học,... đạt 89,73%.

- **Nội dung 17.9:** Có 04/9 xã có nghĩa trang nhân dân đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch, trong đó có 02 nghĩa trang liên xã¹⁴. Ngoài ra, trên địa bàn huyện còn có Nghĩa trang liệt sĩ huyện, các nhà hỏa táng của đồng bào dân tộc Khmer và các đất thánh của đồng bào Công giáo.

- **Nội dung 17.10:** Việc mai táng tại các xã chủ yếu có hai hình thức là địa táng và hỏa táng. Số trường hợp địa táng ở nghĩa trang nhân dân, đất nhà chiếm tỷ lệ 69,2% và hỏa táng ở các chùa chiếm tỷ lệ 30,8%.

- **Nội dung 17.11:** Quan tâm đầu tư, hoàn thiện hệ thống cây xanh. Các khu hành chính, điếm chùa, trường học, công viên, tuyến đường quốc lộ, tỉnh lộ, đường huyện, tuyến đường xã, đường trục ấp và các khu vực công cộng được trồng cây xanh tạo không gian xanh mát như trồng các loại cây bản địa, hoa

⁽¹⁴⁾ Xã Tập Ngãi và Ngãi Hùng sử dụng chung 01 Nghĩa trang nhân dân; Hùng Hòa và Tân Hùng sử dụng chung 01 Nghĩa trang nhân dân.

giấy, bằng lăng, hoàng yến,... Đồng thời, triển khai thực hiện Chỉ thị số 38-CT/TU, ngày 02 tháng 8 năm 2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tăng cường công tác trồng, quản lý và bảo vệ cây lâm nghiệp phân tán trên địa bàn tỉnh và hưởng ứng “Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ” đến nay, tổng số cây phân tán trên địa bàn các xã trồng được là 25.866 cây, gồm các loại cây: Tràm bông vàng, Khuynh diệp, Bằng lăng nước, Dầu con rái... Đến nay, trên địa bàn các xã có 403.409 m² cây xanh (tương đương 4,3m²/người).

- Nội dung 17.12: Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Hội Liên hiệp phụ nữ huyện thành lập 33 Câu lạc bộ “Hạn chế sử dụng túi ni lông và nói không với sản phẩm nhựa dùng một lần” với 594 thành viên tại các xã; tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cộng đồng về tác hại của chất thải nhựa tới môi trường và sức khỏe con người; giảm thiểu sử dụng túi nilon khó phân hủy, sản phẩm nhựa nhất là sản phẩm nhựa sử dụng một lần trong sinh hoạt; sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường thay thế cho các sản phẩm nhựa nhất là sản phẩm nhựa sử dụng một lần; phân loại, thu gom chất thải nhựa để tái sử dụng, tái chế, thu gom xử lý theo quy định. Ước tính lượng chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn 09 xã khoảng 3.189 kg/ngày ($0,034\% \times 93.816 \text{ người/ngày} = 3.189 \text{ kg/ngày}$). Tại 33 câu lạc bộ được phân loại, thu gom rác thải nhựa khoảng 75 kg/ngày; có 18.770 hộ tham gia việc phân loại rác thải quy mô hộ gia đình, lượng rác thải nhựa được thu gom khoảng 2.374 kg/ngày. Địa bàn các xã chưa có đơn vị chức năng tái chế chất thải nhựa nên được thu gom bán cho các cơ sở thu mua phế liệu. Tỷ lệ chất thải nhựa được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý 2.445/3.189 kg/ngày, đạt 76,7 % lượng chất thải nhựa phát sinh.

Đánh giá: 9/9 xã đạt tiêu chí số 17 về Môi trường theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh.

3.18. Về chất lượng môi trường sống

- Nội dung 18.1: Trên địa bàn các xã có 17 trạm cấp nước tập trung hoạt động thường xuyên đảm bảo cung cấp đủ nước sinh hoạt cho người dân; có 19.089/25.220 hộ sử dụng nước sạch, đạt 75,69 %, tăng 6,61% so với năm 2018.

- Nội dung 18.2: Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn Trà Vinh, quản lý 17 trạm cấp nước trên địa bàn 09 xã, hoạt động với công suất 13.560m³/ngày đêm, tương đương 13.560.000 lít/ngày đêm. Bình quân đầu người khu vực nông thôn được cung cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn tương đương 145 lít/người/ngày đêm.

- Nội dung 18.3: Các công trình cấp nước tập trung trên địa bàn các xã luôn được các cơ quan, đơn vị chủ quản tổ chức tốt việc quản lý, khai thác đảm bảo hoạt động bền vững và hiệu quả. Trên địa bàn các xã có 17 trạm cấp nước tập trung, trong đó có 14 trạm hoạt động bền vững, đạt 82,35%.

- Nội dung 18.4: Để thực hiện tốt công tác quản lý an toàn thực phẩm trên địa bàn huyện, bên cạnh việc kiểm tra, giám sát về an toàn thực phẩm thì

công tác tập huấn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về an toàn thực phẩm được thực hiện thường xuyên. Đến nay, địa bàn 09 xã có 9.808 hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn cập nhật kiến thức về an toàn thực phẩm, đạt 100%.

- **Nội dung 18.5:** Huyện luôn quan tâm chỉ đạo công tác quản lý an toàn thực phẩm trên địa bàn huyện. Hàng năm, các xã đều ban hành kế hoạch triển khai thực hiện công tác đảm bảo về an toàn thực phẩm. Ban chỉ đạo liên ngành về an toàn thực phẩm huyện, xã hoạt động có hiệu quả. Công tác kiểm tra, giám sát về an toàn thực phẩm được duy trì thường xuyên và được tổ chức thành các đợt cao điểm hàng năm trong các ngày lễ, ngày tết,... Trong thời gian qua, không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã.

- **Nội dung 18.6:** Địa bàn 09 xã có 31 cơ sở kinh doanh, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm đạt 100%.

- **Nội dung 18.7:** Địa bàn 09 xã có 24.171/25.220 hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch, đạt 95,84%.

- **Nội dung 18.8:** Huyện có 04 bãi chứa rác, gồm: bãi rác Cầu Quan (ngưng hoạt động) đặt tại ấp Định Phú A, xã Long Thới có diện tích 9.760m²; bãi rác huyện (ngưng hoạt động) Bãi rác huyện đặt tại ấp Cây Hẹ, xã Phú Cần có diện tích 19.441,4m² (tạm ngưng hoạt động), bãi rác ở xã Tân Hòa, diện tích 4.052m² (đang mở rộng thêm 2ha) và bãi trung chuyển rác ở xã Tập Ngãi, diện tích 5.893,8m² (đang mở rộng thêm 1,5ha). Thường xuyên phun xịt chế phẩm sinh học nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Thực hiện lập các báo cáo quan trắc môi trường, bảo vệ môi trường theo quy định, thường xuyên theo dõi, kiểm tra qua camera giám sát và kiểm tra thực tế tại bãi rác. Có 4/4 bãi chôn lấp đảm bảo vệ sinh môi trường, đạt 100.

Đánh giá: 9/9 xã đạt tiêu chí số 18 về Chất lượng môi trường sống theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh.

3.19. Về quốc phòng và an ninh

- **Nội dung 19.1:** Ban Chỉ huy Quân sự các xã có đủ 04 chức danh, đúng cơ cấu, thành phần theo quy định. Đảng ủy, UBND xã hàng năm đều có ban hành Nghị quyết, Kế hoạch lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng quân sự địa phương; xây dựng, điều chỉnh, bổ sung đầy đủ các kế hoạch sẵn sàng chiến đấu. Xây dựng lực lượng dân quân đủ biên chế theo Thông tư 77/2020/TT-BQP của Bộ quốc phòng và Đề án số 11/ĐA-UBND của UBND tỉnh; đảm bảo độ tin cậy, chất lượng về chính trị. Có 100% cán bộ Ban Chỉ huy Quân sự xã qua đào tạo chuyên ngành quân sự cơ sở và bố trí đúng quy định. Trụ sở, nơi làm việc, trang thiết bị làm việc đạt yêu cầu. Thực hiện công tác huấn luyện, diễn tập, tuyển sinh, tuyển quân, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng đều đạt và vượt chỉ tiêu trên giao. Các trung đội trưởng dân quân cơ động, ấp đội trưởng, tiểu đội trưởng có 100% là đảng viên. Ban Chỉ huy Quân sự các xã phối hợp thực hiện việc giáo dục chính trị, pháp luật, tập huấn, huấn luyện đúng

theo Thông tư 69/2020/TT-BQP của Bộ Quốc phòng. Huy động và triển khai thực hiện tốt công tác phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn xã. Chủ trì phối hợp thực hiện có hiệu quả công tác quốc phòng, quân sự theo sự lãnh chỉ đạo của cấp uỷ, chính quyền cùng cấp và chỉ thị, mệnh lệnh, hướng dẫn của cơ quan quân sự cấp trên.

- **Nội dung 19.2:** Hàng năm, 9/9 xã có ban hành Nghị quyết, Kế hoạch chuyên đề về công tác bảo đảm an ninh trật tự; chỉ đạo thực hiện tốt công tác đảm bảo an ninh trật tự và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Có 9/9 xã ban hành Kế hoạch bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội và xây dựng lực lượng Công an nhân dân. có sử dụng camera phục vụ công tác bảo đảm an ninh, trật tự. , trên lĩnh vực phong trào lực lượng Công an các xã đã xây dựng và quản lý 12 loại mô hình với 80 Câu lạc bộ phòng chống tội phạm. Các Câu lạc bộ đều hoạt động rất hiệu quả, giúp Công an cấp xã thực hiện tốt công tác nắm tình hình, không để hình thành các vụ, việc khiếu kiện phức tạp kéo dài, phát sinh điểm nóng. Trật tự an toàn xã hội luôn được đảm bảo tốt; tội phạm về trật tự xã hội hàng năm đều được kéo giảm, góp phần bảo đảm tình hình ANTT tại địa phương. Không để xảy ra các hoạt động theo quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản 3, Điều 4 Thông tư số 124/TT-BCA quy định khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự. Có 16 cơ sở giáo dục, 31 cơ quan, 07 doanh nghiệp và 09 xã đăng ký phấn đấu đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh trật tự”, cuối năm được kiểm tra, công nhận đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự.

Đánh giá: 9/9 xã đạt tiêu chí số 19 về Về quốc phòng và an ninh theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh.

4. Kết quả thực hiện một số tiêu chí huyện nông thôn mới (có liên quan trực tiếp đến chất lượng cuộc sống của người dân)

4.1. Về môi trường

Nhận thức rõ tầm quan trọng của tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới nâng cao trên địa bàn huyện, trong những năm qua Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện luôn quan tâm, chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ, cải thiện môi trường. Qua đó, đã thay đổi tư tưởng, thói quen, tập quán của nhân dân, thực hiện nếp sống văn minh, nâng cao ý thức, trách nhiệm trong bảo vệ môi trường nông thôn. Cụ thể:

** Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường*

- *Tình hình thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý đối với chất thải rắn sinh hoạt:* UBND huyện ban hành Quyết định số 1733/QĐ-UBND ngày 15/6/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Tiều Cần về việc phê duyệt Phương án thu gom và vận chuyển rác thải trên địa bàn huyện.... Phòng Tài nguyên và Môi trường đã ký hợp đồng với Công ty Minh Thông Cần Thơ, có 02 xe chuyên dụng để tổ chức thu gom chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện về bãi rác xã Tân Hoà để xử lý theo quy định.

- Công tác thu gom, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Hiện nay, trên địa bàn huyện có 846 cơ sở sản xuất công nghiệp (có 02 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, 07 doanh nghiệp tư nhân, 837 cơ sở sản xuất công nghiệp cá thể) và làng nghề bó chổi ở xã Tân Hòa. Tổng lượng chất thải rắn công nghiệp phát sinh trên địa bàn huyện 2,2 tấn/ngày, chủ các cơ sở đã thực hiện phân loại, thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng để xử lý theo quy định. Tỷ lệ thu gom, xử lý đạt 95%.

Về chất thải nguy hại, ngoài việc hợp đồng với đơn vị có chức năng để xử lý theo quy định, các cơ sở có khối lượng phát sinh chất thải nguy hại từ 423 - 17.400 kg/tháng trở lên trong quá trình hoạt động phải lập hồ sơ cấp giấy phép môi trường theo đúng quy định, đồng thời chủ các cơ sở bố trí nhà kho lưu giữ, thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại và dán mã chất thải nguy hại theo quy định.

- Công tác thu gom, xử lý chất thải rắn nguy hại: Đối với bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng: UBND huyện chỉ đạo tuyên truyền đến nông dân thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng vào các bể chứa. Huyện đã bố trí 360 bể chứa bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng phát sinh trên địa bàn theo quy định tại Thông tư liên tịch số 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT. Tổng khối lượng bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng phát sinh 3 tấn/năm, hàng năm phối hợp tổ chức thu gom và vận chuyển đến địa điểm xử lý an toàn theo quy định. Đối với chất thải rắn y tế: Xử lý chất thải rắn y tế tại Trạm y tế của các xã, các cơ sở khám chữa bệnh tư nhân, Trung tâm y tế huyện, Bệnh viện Đa khoa khu vực Tiểu Cần đúng quy định theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Rác thải phát sinh tại Trạm y tế xã, các cơ sở khám chữa bệnh tư nhân, Trung tâm y tế huyện được hợp đồng thu gom và vận chuyển đi xử lý tại lò đốt rác thải y tế của Bệnh viện Đa khoa khu vực Tiểu Cần. Lượng rác thải y tế phát sinh trên địa bàn huyện hàng năm được thu gom, xử lý được khoảng 2.593kg/năm, đạt 100%.

- Đối với bãi chôn lấp chất thải, khu xử lý chất thải rắn tập trung:

Xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường theo Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 23/7/2021 của UBND tỉnh Trà Vinh phê duyệt Đề án tăng cường năng lực và hạ tầng kỹ thuật thực hiện quản lý chất thải rắn, cụ thể: Trên địa bàn huyện có 03 bãi rác, tổng diện tích 20.233,8m² (Tân Hòa, Cầu Quan, Tập Ngãi) và huyện có 01 bãi chứa rác tập trung (xã Phú Cần). Huyện đang xây dựng hệ thống quy trình đóng cửa bãi rác tập trung của huyện và bãi rác Cầu Quan theo Quyết định số 2320/QĐ-UBND ngày 28/7/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Tiểu Cần “Về việc Phê duyệt chủ trương đầu tư công trình: Xây dựng hệ thống quy trình đóng cửa bãi rác trên địa bàn huyện” và Quyết định số 2440/QĐ-UBND ngày 15/8/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Tiểu Cần “Về việc Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình: Xây dựng hệ thống quy trình đóng cửa bãi rác trên địa bàn huyện”. Đồng thời triển khai xây dựng mở rộng bãi chứa rác xã Tập Ngãi với diện tích 2,1ha; kinh phí 24,3 tỷ đồng, mở rộng bãi rác xã Tân Hòa, kinh phí 5,6 tỷ đồng nhằm đảm bảo đủ điều

kiện để xử lý rác thải trên địa bàn. Hiện tại việc thu gom chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện về bãi rác xã Tân Hoà để xử lý theo quy định. Chỉ đạo phòng chuyên môn thường xuyên theo dõi, kiểm tra qua camera giám sát và kiểm tra thực tế tại bãi rác.

* *Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp $\leq 50\%$ tổng lượng phát sinh:* Tổng lượng rác thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn huyện khoảng 54,51 tấn/ngày, trong đó rác thải sinh hoạt đô thị 12,293 tấn/ngày ($14.992 \text{ người} \times 0,82\text{kg/người/ngày} = 12.293 \text{ kg/ngày}$); rác thải sinh hoạt nông thôn 42,217 tấn/ngày ($93.816 \text{ người} \times 0,45\text{kg/người/ngày} = 42.217 \text{ kg/ngày}$), được thu gom và xử lý đạt 95,1%. Trên địa bàn huyện đã bố trí 980 thùng chứa rác tại các tuyến đường chính, trung tâm các chợ, khu dân cư, cơ quan, trường học,... Có 3.618 hộ gia đình tại thị trấn Cầu Quan, thị trấn Tiểu Cần và khu vực nội ô của các xã tham gia thu gom 8,01 tấn/ngày và được vận chuyển về bãi rác xã Tân Hoà để xử lý theo quy định (chôn lấp). Đối với hộ gia đình tại vùng nông thôn, chưa có xe thu gom rác thì thực hiện tận dụng tối đa lượng chất thải để tái sử dụng, tái chế (*làm phân compost...*); tự xử lý tại hộ gia đình thành phân hữu cơ, làm thức ăn chăn nuôi, đào hồ chôn lấp hợp vệ sinh trong khuôn viên đất tại hộ gia đình với 24.431 hộ, khối lượng 45,4 tấn/ngày. Tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt được chôn lấp trực tiếp 8,01 tấn, chiếm 14,69% so với lượng phát sinh.

- Trên địa bàn huyện, khối lượng phụ phẩm nông nghiệp phát sinh trong sản xuất hàng năm khoảng 608.195,088 tấn, trong đó trồng trọt khoảng 236.387 tấn. Nhằm tăng hiệu quả kinh tế khi sử dụng các sản phẩm tái chế từ chất thải hữu cơ, phế phụ phẩm nông nghiệp góp phần hoàn thành tiêu chí về môi trường trong xây dựng nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025, huyện đã tích cực triển khai xây dựng các mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp. Đến nay trên địa bàn huyện có mô hình tái chế chất thải hữu cơ từ phụ phẩm cây dứa ủ thành phân hữu cơ trên địa bàn xã Tân Hùng với diện tích 440 ha. Hàng năm, ủ khoảng 308 tấn phụ phẩm từ cây dứa như tàu lá dứa, mùn dứa, vỏ trái dứa,... thu được khoảng 138 – 154 tấn phân hữu cơ. Về hiệu quả kinh tế của mô hình, 01 tấn phụ phẩm từ dứa, sau khi ủ thu được 0,45 -0,5 tấn phân hữu cơ. Với giá bán trung bình 5.000đ/kg phân hữu cơ, mô hình thu lợi nhuận từ 550.000 – 878.000đ/tấn phụ phẩm. Mô hình góp phần tận thu nguồn nguyên liệu từ trồng trồng dứa để tái sử dụng làm phân bón bổ sung dinh dưỡng cho đất, giảm chi phí đầu tư, nâng cao hiệu quả kinh tế và đảm bảo môi trường sống người dân khu vực nông thôn xanh, sạch đẹp, an toàn, văn minh.

- Hiện nay trên địa bàn huyện chưa có công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung áp dụng biện pháp phù hợp. Hầu hết các hộ gia đình trên địa bàn huyện đều xây dựng nhà vệ sinh với bể tự hoại 2 ngăn. Nước thải tại các khu dân cư tập trung ở các xã, thị trấn đều có hệ thống tiêu thoát nước thông thoáng, đảm bảo nhu cầu thoát nước của khu vực, không có tình trạng ứ đọng gây ô nhiễm môi trường. Để xử lý tốt nước thải sinh hoạt, huyện đã đưa vào Quy hoạch đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt tập trung tại Khóm 6, thị trấn Tiểu Cần diện tích 1,23ha với công suất xử lý là 4.000m³/ngày đêm theo tinh thần

Nghị Quyết số 15-NQ/TU ngày 21/8/2017 của Ban thường vụ tỉnh ủy Trà Vinh và Nghị Quyết số 170/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh. Hiện tại đã được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt Chủ trương đầu tư Công trình: xây dựng nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt tập trung tại Quyết định số 2323/QĐ-UBND ngày 28/7/2023. Tổng nhu cầu kinh phí xây dựng nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt tập trung là 125,5 tỷ đồng, thực hiện giai đoạn 2023-2025.

- Hiện nay trên địa bàn huyện có Cụm Công nghiệp Phú Cần được UBND tỉnh thành lập tại Quyết định số 3927/QĐ-UBND, ngày 14/12/2020, tại ấp Đại Mong, xã Phú Cần, huyện Tiểu Cần, diện tích 10,48 ha; Khu công nghiệp Cầu Quan tại thị trấn Cầu Quan được UBND tỉnh phê duyệt chi tiết xây dựng Khu công nghiệp Cầu Quan, tỉnh Trà Vinh (tỷ lệ lập quy hoạch là 1/500, diện tích quy hoạch là 130,33 ha) tại Quyết định số 422/QĐ-UBND ngày 12/3/2010. Hiện nay, đang kêu gọi đầu tư hạ tầng phục vụ các dự án sản xuất kinh doanh; có Làng nghề bó chổi tại ấp Tân Thành Đông, xã Tân Hòa, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh được thành lập theo quyết định số 1147/QĐ-UBND ngày 22/6/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh cách huyện Tiểu Cần khoảng 7 km, nghề được hình thành từ năm 2000 với khoảng 15 cơ sở tham gia sản xuất trên 1.000 cây chổi cộng lá dừa và dừa nước mỗi ngày. Thành phần chất thải phát sinh chủ yếu là các loại cọng dừa, dây buộc,... tổng lượng chất thải phát sinh khoảng 100 kg/ngày, các loại chất thải này được người dân tái sử dụng lại để làm vật liệu đốt trong sinh hoạt hàng ngày ở gia đình. Được UBND huyện phê duyệt Phương án bảo vệ môi trường làng nghề bó chổi ấp Tân Thành Đông ngày 28/3/2017 và được UBND xã Tân Hòa ban hành Quyết định phê duyệt Kế hoạch bảo tồn và phát triển làng nghề bó chổi ấp Tân Thành Đông xã Tân Hòa tại Quyết định số 162/QĐ-UBND ngày 25/7/2022.

- Triển khai thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TU ngày 19/10/2022 và Chỉ thị số 48-CT/TU ngày 05/4/2019 của Ban Thường Tỉnh ủy; cán bộ từ huyện đến ấp và Nhân dân thường xuyên tập trung trồng cây xanh, trồng hoa, cây cảnh, cải tạo vườn, chỉnh trang hành rào cây xanh ở dọc các tuyến lộ, khu dân cư, các tuyến kênh, công viên, các cơ quan, trường học, cơ sở thờ tự, hộ dân,... Đến nay, trên địa bàn huyện có 453.369 m² cây xanh (tương đương 4,2m²/người).

4.2. Về chất lượng môi trường sống

- Huyện phối hợp Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường đầu tư mở rộng, nâng cấp hệ thống đường ống, hệ thống nước sạch từng bước đáp ứng tốt nhu cầu sử dụng của nhân dân toàn huyện, tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung trên địa bàn huyện có 23.363 hộ/29.494 hộ, đạt 79,21%. Trên địa bàn huyện hiện có 02 đơn vị cung cấp nước tập trung gồm Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn Trà Vinh và Công ty cổ phần cấp thoát nước tỉnh Trà Vinh hoạt động theo công suất 16.460 m³/ngày đêm, bình quân đầu người dân số toàn huyện được cung cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn tương đương 152 lít/người/ngàyđêm. Các công trình cấp nước tập trung trên địa bàn huyện luôn được các cơ quan, đơn vị chủ quản tổ chức tốt

việc quản lý, khai thác đảm bảo hoạt động bền vững và hiệu quả. Trên địa bàn toàn huyện có 19 trạm cấp nước tập trung, trong đó có 16 trạm hoạt động bền vững, đạt 84,21%

- Thực hiện tốt việc thu gom rác thải, phát quang cây xanh, lắp đặt hệ thống cống đảm bảo khả năng thoát nước; khơi thông các tuyến kênh, đoạn sông, rạch phục vụ yêu cầu tưới tiêu của người dân. Toàn huyện có 80 Câu lạc bộ về môi trường do Hội cựu chiến binh huyện thành lập, hàng tuần phối hợp cùng các ngành của xã, thị trấn điều ra quân thực hiện vệ sinh cảnh quan môi trường, trực vớt lục bình, vật cản nhằm khơi thông dòng chảy tại các ao, hồ, kênh, rạch... phục vụ tốt cho sinh hoạt và sản xuất của người dân, từ năm 2019 đến nay đã thực hiện được 475,8km. Hàng năm Phòng Tài nguyên và Môi trường có xây dựng kế hoạch kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước; phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và các nguồn nước mặt trên địa bàn huyện gắn với kế hoạch của ngành.

- Tăng cường công tác triển khai thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TU ngày 28/12/2016 về việc tăng cường công tác quản lý trật tự xây dựng và vệ sinh môi trường tại các khu đô thị, khu dân cư, trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Chỉ thị số 48-CT/TU ngày 05/4/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự chỉ đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ môi trường trong đô thị, khu dân cư trên địa bàn tỉnh; Chỉ thị số 27-CT/TU ngày 19/10/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ môi trường đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh. Đến nay. Toàn huyện có 27 tuyến đường được công nhận tuyến đường sáng - xanh - sạch - đẹp, tổng chiều dài 45,53km. Ngoài ra các tuyến đường xã, liên xã, đường trục ấp, liên ấp và các khu vực công cộng được trồng cây xanh, cây bóng mát, có trang bị thùng đựng rác hợp lý; có 75% hộ gia đình có diện tích trồng cây xanh thực hiện cải tạo vườn, chỉnh trang hàng rào bằng cây xanh hoặc các loại hàng rào khác nhưng có phủ cây xanh; hệ thống thoát nước trên địa bàn huyện được xây dựng đảm bảo an toàn cho người dân theo quy định; khu vực, công trình công cộng có nguy cơ xảy ra tai nạn thương tích được gắn biển cảnh báo và thực hiện các biện pháp quản lý theo quy định; hàng năm huyện có ban hành kế hoạch và thực hiện kế hoạch vệ sinh môi trường, định kỳ có tổ chức kiểm tra đánh giá kết quả thực hiện đạt theo quy định.

- Tập trung chỉ đạo, nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban chỉ đạo liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm; công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát an toàn thực phẩm được tăng cường, tổ chức đợt cao điểm trong các ngày lễ, tết, tháng hành động vì an toàn thực phẩm. Địa bàn huyện có 8.805 cơ sở, hộ sản xuất kinh doanh thực phẩm, trong đó có 1.193 hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm, đạt 100%.

5. Kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao

5.1. Tiêu chí số 1 về quy hoạch

a) Yêu cầu tiêu chí

- *Nội dung 1.1 Có quy hoạch xây dựng chi tiết khu chức năng dịch vụ hỗ trợ sản xuất trên địa bàn.*

- *Nội dung 1.2. Công trình hạ tầng kỹ thuật hoặc hạ tầng xã hội được đầu tư xây dựng đạt mức yêu cầu theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt.*

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- **Nội dung 1.1:** Có Quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp Phú Cần và được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện và quy định quản lý theo đồ án điều chỉnh quy hoạch xây dựng Cụm công nghiệp Phú Cần, huyện Tiểu Cần (tỷ lệ 1/500), quy mô 10,48ha tại Quyết định số 2145/QĐ-UBND ngày 12/7/2022.

- **Nội dung số 1.2:** Theo Quyết định số 2045/QĐ-UBND ngày 16/10/2018 đến nay huyện đã thực hiện đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật như nâng cấp Quốc lộ 60 từ cầu Bà Lãnh đến ngã tư Phú Cần giao với Quốc lộ 54, đường khóm 5, đầu tư xây dựng đường huyện 13,... và Công trình hạ tầng xã hội Nhà thi đấu đa năng huyện Tiểu Cần.

c) Tự đánh giá: Đạt tiêu chí số 1 về Quy hoạch theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 của UBND tỉnh.

5.2. Tiêu chí số 2 về giao thông

a) Yêu cầu tiêu chí

- *Nội dung 2.1. Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối liên xã, liên vùng và giữa các vùng nguyên liệu tập trung, phù hợp với quá trình đô thị hóa.*

- *Nội dung 2.2. Tỷ lệ km đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, có các hạng mục cần thiết về an toàn giao thông theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, lan can, phòng hộ...), được trồng cây xanh, được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng – xanh – sạch – đẹp.*

- *Nội dung 2.3. Bến xe khách tại trung tâm huyện (nếu có theo quy hoạch) đạt tiêu chuẩn loại III trở lên.*

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- **Nội dung 2.1:** Trên địa bàn huyện có 02 tuyến Quốc lộ (Quốc lộ 53, 54) chiều dài 31,8km; 03 tuyến Đường tỉnh (Đường tỉnh 911, 912, 915) chiều dài 23,3km; 08 tuyến Đường huyện (Đường huyện 02, 06, 09, 13, 25, 26, 34, 38) chiều dài 44,8km và hệ thống đường giao thông nông thôn tổng cộng 582,39km (Trong đó: Có 22 tuyến đường trục xã, lên xã được nhựa hóa, bê tông hóa 80,49/80,49km được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết, đạt 100%; 60 tuyến đường trục ấp, liên ấp dài 163,92 km được cứng hóa và bảo trì hàng năm, đạt 100%, 137,82/163,92km có các

hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, đạt 84,07%; có 270 tuyến đường ngõ, xóm dài 234,22 km đảm bảo sạch và không lầy lội vào mùa mưa, đạt 100%, 219,51/234,22km được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, đạt 93,72%; có 43 tuyến đường trục chính nội đồng được cứng hóa đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm 86,55/103,76km, đạt 83,41%).

Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện từ Quốc lộ, Đường tỉnh, Đường huyện và hệ thống đường GTNT đảm bảo kết nối liên xã, liên vùng, các vùng nguyên liệu tập trung đều được kết nối từ các tuyến đường trục chính nội đồng và phù hợp với quá trình đô thị hóa đáp ứng nhu cầu đi lại dễ dàng và thuận tiện cho việc vận chuyển hàng hóa của người dân.

- **Nội dung 2.2:** Có 08 tuyến đường huyện (Đường huyện 02, 06, 09, 13, 25, 26, 34, 38) với tổng chiều dài 44,8km, đạt 100% được nhựa hóa và đảm bảo có biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, lan can phòng hộ theo quy định, đồng thời các tuyến đều được trồng các loại hoa kiểng và cây xanh nhằm đảm bảo tuyến đường sáng - xanh - sạch - đẹp, đồng thời hàng năm đều được sửa chữa, bảo trì

- **Nội dung 2.3:** Theo Quyết định số 2045/QĐ-UBND ngày 16/10/2018 của UBND tỉnh Trà Vinh phê duyệt Đồ án Quy hoạch và Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh đến năm 2030, huyện có quy hoạch 01 Bến xe khách phục vụ liên huyện có diện tích tối thiểu 3,0ha. Tuy nhiên, do giai đoạn này nhu cầu đi lại của người dân chưa cao nên theo Kế hoạch số 47/KH-BCĐ ngày 07/7/2023 của Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia và Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025 thống nhất cho huyện Tiểu Cần cải tạo, chỉnh trang lại Bến xe khách hiện hữu để tiếp tục duy trì hoạt động phục vụ nhu cầu đi lại của người dân, giai đoạn sau năm 2025 khi nhu cầu đi lại của người dân bằng phương tiện công cộng tuyến cố định thông qua Bến xe khách tăng cao thì ưu tiên bố trí nguồn vốn để đầu tư xây dựng bến xe khách tại huyện đạt tiêu chuẩn loại III để tiếp tục duy trì hoạt động phục vụ nhu cầu đi lại của người dân. Hiện Bến xe khách tại trung tâm huyện đã được đầu tư cải tạo, chỉnh trang để tiếp tục duy trì hoạt động phục vụ nhu cầu đi lại của người dân.

c) **Tự đánh giá:** Đạt tiêu chí số 02 về Giao thông theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 của UBND tỉnh.

5.3. Thủy lợi và phòng chống thiên tai

a) Yêu cầu tiêu chí

- **Nội dung 3.1** Các công trình thủy lợi do huyện quản lý được bảo trì, nâng cấp, đảm bảo tích hợp hệ thống cơ sở dữ liệu theo chuyển đổi số.

- **Nội dung 3.2** Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các vi phạm và nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi trên địa bàn huyện.

- *Nội dung 3.3 Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng, chống thiên tai theo phương châm 04 tại chỗ.*

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- ***Nội dung 3.1:*** Hàng năm huyện có xây dựng kế hoạch đề bảo trì, nâng cấp hệ thống thủy lợi trên địa bàn. Thường xuyên tổ chức kiểm tra, rà soát để kịp thời phát hiện các công trình bị hư hỏng và xuống cấp qua đó tiến hành sửa chữa, nâng cấp. Hàng năm đều có kế hoạch nạo vét các công trình thủy lợi, thường xuyên chỉ đạo thực hiện trực vớt lục bình trên các tuyến kênh nhằm duy trì thông thoáng, không gây ách tắc dòng chảy phục vụ tốt cho nhu cầu sản xuất và dân sinh, phối hợp thi công, gia cố các tuyến bờ bao, đê bao chống sạt lở, ngăn triều cường, lấp đặt cống, bọng⁽¹⁵⁾; phối hợp triển khai xây dựng 04 trạm bơm điện, 03 cống hở để phục vụ sản xuất ở các vùng trọng điểm; xây dựng dự án trạm bơm kênh 3 tháng 2 để điều tiết nước phục vụ sản xuất và dân sinh trên địa bàn huyện cũng như các huyện lân cận. Toàn huyện có 624 tuyến kênh, dài 836,48 km (có 12 tuyến kênh cấp I, dài 99,4 km; 172 tuyến kênh cấp II, dài 355,63 km; 440 tuyến kênh cấp III, dài 381,45 km); có 05 cống đầu mối, 17 cống hở; 07 trạm bơm; 331 bọng nội đồng. Đặc biệt có Công Cản Chông được tích hợp, cập nhật thường xuyên trên phần mềm cơ sở dữ liệu tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi của tỉnh; Trạm quan trắc Cầu Quan có lắp đặt thiết bị theo dõi, giám sát, thu thập dữ liệu: Quan trắc, độ mặn, cao trình mực nước,...

- ***Nội dung 3.2:*** Có thống kê đầy đủ các vi phạm bảo vệ công trình thủy lợi, nguồn nước xả thải vào công trình thủy lợi trên địa bàn huyện. Tại các điểm thuộc phạm vi bảo vệ các công trình thủy lợi đều có bố trí đầy đủ các bảng thống kê về các hành vi vi phạm và nghiêm cấm. Huyện luôn quan tâm chỉ đạo thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra và kịp thời xử lý đối với các trường hợp vi phạm trong phạm vi công trình thủy lợi và xả thải vào công trình thủy lợi trên địa bàn

- ***Nội dung 3.3:*** Tập trung chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp về phòng, chống thiên tai. Thành lập Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn do Chủ tịch UBND huyện làm Trưởng ban, kịp thời kiện toàn khi có thay đổi thành viên. Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện là cơ quan theo dõi lĩnh vực phòng, chống thiên tai và là cơ quan thường trực của Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện. Có quyết định phân công cụ thể trách nhiệm của từng bộ phận và các thành viên Ban Chỉ huy, phù hợp với điều kiện và nhiệm vụ của từng thành viên. Công

⁽¹⁵⁾ Huyện đã đầu tư nạo vét 108 tuyến kênh cấp II, dài 176.092m; 323 tuyến kênh cấp III, dài 226.994 m; thực hiện công trình sửa chữa khung cửa số 6, số 8, thay cửa số 7 Công Cản Chông, đồng thời triển khai thi công xây dựng công trình sửa chữa nhà quản lý công Cản Chông, cống Trẹm lớn và Trạm bơm Cầu Tre; lấp đặt 05 cống ϕ 100 trên địa bàn 03 xã Hiếu Trung, Phú Cần, Hùng Hòa. Kết hợp Ban Quản lý Dự án tỉnh triển khai xác định nhu cầu bãi chứa cần thiết trên các tuyến kênh chưa có bãi chứa trên địa bàn xã Hùng Hòa và Ngải Hùng. Phối hợp Chi cục Thủy lợi xây dựng 05 tuyến bờ bao (Bến phà Cầu Quan – cống Gạch Gừa, đường đal Ba Chương – cống Sáu Bé, cống Sáu Bé – cống Út Cầm và đê bao xéo ngay ven sông hậu của thị trấn Cầu Quan; bờ bao đập Cản Chông – nhà nguyện Bác Ái của xã Tân Hòa); nâng cấp bờ bao Xóm Cua, Khóm 4, Thị trấn Cầu Quan; gia cố sạt lở đường khóm 6, TT tiêu Cản, gia cố đoạn sạt lở và nâng cấp đường đal cấp tuyến sông Rạch Lọt và xây dựng kè chống sạt lở giai đoạn 2 chùa áp Sáu xã Tân Hùng và Kè chống sạt lở sông thị trấn Tiêu Cản,...

chức cấp huyện trực tiếp tham gia phòng, chống thiên tai được tập huấn nâng cao năng lực, trình độ. Hàng năm có hướng dẫn, tập huấn, huấn luyện nghiệp vụ cho đội xung kích phòng chống thiên tai cấp xã, đáp ứng yêu cầu ứng phó giờ đầu khi có thiên tai xảy ra.

Huyện có xây dựng Kế hoạch phòng, chống thiên tai giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch hàng năm được rà soát, cập nhật bổ sung theo quy định của Luật. Có bản đồ hiện trạng các công trình thủy lợi; xây dựng đầy các kế hoạch, kịch bản, các phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro; chủ động xây dựng lực lượng xung kích, trang bị sẵn các phương tiện kỹ thuật, vật tư y tế, các điểm di dời dân cư khi cần thiết; phối hợp với các Sở, ngành liên quan xây dựng và gia cố nhiều công trình, Dự án trọng điểm để phục vụ cho công tác phòng, chống thiên tai đảm bảo theo phương châm 4 tại chỗ.

Các quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện đảm bảo phù hợp với quy hoạch phòng, chống thiên tai. 100% cơ sở hạ tầng được xây dựng mới phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn an toàn trước thiên tai,... có hệ thống thu nhận, truyền tải thông tin dự báo, cảnh báo từ huyện đến 100% xã được tiếp nhận đầy đủ, kịp thời.

c) Tự đánh giá: Đạt tiêu chí số 03 về Thủy lợi và phòng, chống thiên tai theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 của UBND tỉnh.

5.4. Tiêu chí số 4 về điện

a) Yêu cầu tiêu chí: Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, cấp điện tin cậy, ổn định, an toàn hành lang lưới điện và mỹ quan

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Hệ thống điện trung áp, hạ áp trên địa bàn huyện được đầu tư đồng bộ theo quy hoạch phát triển của ngành điện. Toàn bộ hệ thống điện thường xuyên được kiểm tra, phát hoang. Hệ thống điện phân phối (về tần số, điện áp, cân bằng pha, sóng hài điện áp, nhấp nháy điện áp, công suất, truyền tải, hệ thống bảo vệ) đáp ứng thông số kỹ thuật quy định tại Thông tư số 39/2015/TT-BCT ngày 18/11/2015 của Bộ Công Thương về hệ thống lưới điện phân phối. Đảm bảo mỹ quan và an toàn hành lang lưới điện.

- Trong thời gian tới phòng phối hợp các đơn vị liên quan tăng cường mở rộng và nâng cấp mạng lưới điện hiện có, đảm bảo đủ sức đáp ứng cho nhu cầu sản xuất của các khu, cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh và nhu cầu tiêu dùng của Nhân dân, phối hợp phát hoang cây xanh nhà ở ảnh hưởng đến hành lang an toàn lưới điện để đảm bảo an toàn và mỹ quan.

c) Tự đánh giá: Đạt tiêu chí số 04 về Điện theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 của UBND tỉnh.

5.5. Y tế, văn hóa, giáo dục

a) Yêu cầu tiêu chí:

- *Nội dung 5.1.* Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) $\geq 95\%$.

- *Nội dung 5.2.* Có công viên hoặc quảng trường được lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao.

- *Nội dung 5.3.* Các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc được kế thừa và phát huy hiệu quả; các di sản văn hóa trên địa bàn được kiểm kê, ghi danh, truyền dạy, xếp hạng, tu bổ, tôn tạo, bảo vệ và phát huy giá trị hiệu quả.

- *Nội dung 5.4.* Có 100% số trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, trong đó có ít nhất 01 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

- *Nội dung 5.5.* Trung tâm giáo dục nghề nghiệp- giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- *Nội dung 5.1:* Tiếp tục thực hiện chủ trương bảo hiểm y tế toàn dân, huyện tích cực chỉ đạo Bảo hiểm xã hội huyện phối hợp với các xã, thị trấn tăng cường các hoạt động đẩy nhanh công tác tuyên truyền, vận động người dân hiểu được lợi ích của bảo hiểm y tế và tham gia bảo hiểm y tế. Đồng thời triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp như tập trung chỉ đạo các xã, thị trấn tiếp tục điều tra và phê duyệt danh sách hộ gia đình làm nông nghiệp có mức sống trung bình để được hỗ trợ theo Nghị quyết số 12 của Hội đồng nhân dân tỉnh; tăng cường vận động các mạnh thường quân, nhà hảo tâm hỗ trợ người dân gặp khó khăn tham gia bảo hiểm y tế; các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội cũng tích cực tham gia tuyên truyền vận động, Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện thành lập mô hình 1+1 về vận động tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, với 11 tổ, 102 thành viên. Qua đó, người dân hiểu rõ hơn và tích cực thực hiện. Đến nay, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế trên địa bàn huyện có 103.370/108.808 người tham gia bảo hiểm y tế, đạt 95%.

- *Nội dung 5.2:* Huyện có Quảng trường tại thị trấn Tiểu Cần được xây dựng hoàn thành vào cuối năm 2020, tổng diện tích là 6.243,6 m², với 09 hạng mục: Sân đường, vỉa hè - hệ thống thoát nước; Hàng rào chiều dài 194,73 m; Căn tin kết hợp nhà kho diện tích 196m²; Nhà mát diện tích 30m²; Nhà vệ sinh diện tích 40,6m²; Giàn lam và hạng mục cấp điện ngoài trời, cấp nước ngoài nhà, hệ thống đèn chiếu sáng, bố trí màn hình led 15m² và đã được lắp đặt 26 thiết bị, dụng cụ thể thao ngoài trời¹⁶ đảm bảo phục vụ nhu cầu sinh hoạt, tập luyện thể dục, thể thao, vui chơi, giải trí cho người dân trên địa bàn huyện

- *Nội dung 5.3:* Các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc được kế thừa và phát huy hiệu quả; các di sản văn hóa trên địa bàn được kiểm kê, ghi danh, truyền dạy, xếp hạng, tu bổ, tôn tạo, bảo vệ và phát huy giá trị hiệu quả. Trên địa bàn huyện có di tích kiến trúc nghệ thuật (Thiên Hậu Cung) tọa lạc tại khóm 5, thị trấn Tiểu Cần được xếp hạng cấp tỉnh theo Quyết định số 2806/QĐ-UBND,

¹⁶ Thang hoạt động ngoài trời; Thiết bị tập cưỡi ngựa; máy xoay eo; máy xà kép 2 người; máy tập chân đôi; thiết bị tập tay vai; máy đi bộ trên không; ghế tập lưng bụng; máy tập ép ngực đôi; máy đạp xe tựa lưng; máy đi bộ lắc tay

ngày 24/7/2020 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Trà Vinh và đang lập hồ sơ trình Bộ Văn hoá Thể thao và Du lịch công nhận cấp Quốc gia. Đặc biệt Thiên Hậu Cung (Chùa Bà) được UBND tỉnh công nhận di tích kiến trúc nghệ thuật cấp tỉnh và đã Trình Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để công nhận di tích cấp Quốc gia. Ngoài ra huyện chỉ đạo các xã thị trấn cũng có các câu lạc bộ đờn ca tài tử để giữ gìn và phát huy giá trị loại hình nghệ thuật được UNESCO công nhận di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại. Bên cạnh đó huyện sẽ phối hợp với các cơ quan chức năng lập hồ sơ để trình cấp có thẩm quyền quyết định công nhận các di tích theo quy định. Qua kiểm kê, phân loại các loại hình di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh, trên địa bàn huyện có 09 cơ sở được đưa vào danh mục kiểm kê tại Quyết định số 135/QĐ-UBND ngày 18/01/2022 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Trà Vinh gồm: 2 kiến trúc khảo cổ¹⁷; 4 kiến trúc nghệ thuật¹⁸; 3 Di tích lịch sử¹⁹.

- **Nội dung 5.4:** Hệ thống các trường trên địa bàn huyện đáp ứng tốt nhu cầu học tập của học sinh toàn huyện, qua quá trình đầu tư xây dựng cả về cơ sở vật chất và chất lượng giáo viên, hiện tại trên địa bàn huyện có 4/4 trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, đạt 100%. Trong đó, Trường Phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở và trung học phổ thông Tiểu Cần đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

- **Nội dung 5.5:** Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên huyện đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 theo Quyết định số 280/QĐ-SGDĐT ngày 22/3/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo.

c) Tự đánh giá: Đạt tiêu chí số 5 về Y tế, văn hóa, giáo dục theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 của UBND tỉnh.

5.6. Kinh tế

a) Yêu cầu tiêu chí:

- **Nội dung 6.1** Có khu công nghiệp được lấp đầy từ 50% trở lên hoặc có cụm công nghiệp được đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật và được lấp đầy từ 50% trở lên hoặc cụm ngành nghề nông thôn được đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ.

- **Nội dung 6.2.** Vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực của huyện được đầu tư đồng bộ về cơ sở hạ tầng, được cấp mã vùng và có ứng dụng quy trình kỹ thuật tiến tiến.

- **Nội dung 6.3.** Có chợ đạt tiêu chuẩn chợ hạng 2 hoặc trung tâm thương mại đạt chuẩn theo quy định.

¹⁷ Hai kiến trúc gồm Bàu Ông Bét của xã Phú Cần và Gò Ông Tà của xã Hiếu Trung

¹⁸ Có bốn kiến trúc gồm Nhà thờ Tân thành, ấp Tân Thành Đông, xã Tân Hoà; Nhà thờ Mặc Bắc, khóm 1, thị trấn Cầu Quan; Chùa Kancon Kombonleva, ấp Đại Mong xã Phú Cần; Chùa Sàlatittharama Kom pong Răng ấp Tân Đại xã Hiếu Từ.

¹⁹ Có ba di tích gồm Khu căn cứ Tỉnh uỷ, ấp Ngãi Hưng xã Ngãi Hùng; Chùa Ô chhuk (Chùa dơi) ấp Ngãi Hoà xã Tập Ngãi; Chùa Debmangalanila odyana Phno Pring ấp Cầu Tre xã Long Thới.

- *Nội dung 6.4. Có Đề án/Kế hoạch hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn đối với sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP và được triển khai hiệu quả*

- *Nội dung 6.5 Hình ảnh điểm du lịch của huyện được quảng bá thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội.*

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Nội dung 6.1:

+ *Thực trạng trước khi triển khai thực hiện:* Huyện có Quy hoạch chi tiết Cụm công nghiệp Phú Cần với quy mô 10,5ha với mục tiêu phát triển các ngành nghề hoạt động chủ yếu như: chế biến lương thực thực phẩm, thức ăn chăn nuôi, gia công may mặc, bao bì, gia công cơ khí lắp ráp, ngành nghề công nghiệp sạch... Đã triển khai đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, san lấp mặt bằng đạt 93%; dự kiến lao động trong cụm công nghiệp khoảng 5.000-7.000 lao động. Huyện có Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Cầu Quan với mục tiêu phát triển một số ngành công nghiệp hỗ trợ; chế biến thủy sản, lương thực, thực phẩm; điện tử và cơ khí; may mặc, tiêu dùng. Hiện tại Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Cầu Quan đã được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương điều chỉnh quy hoạch với quy mô 120ha.

+ *Kết quả thực hiện tiêu chí:* *Đối với Cụm công nghiệp Phú Cần:* Theo Quyết định số 1967/QĐ-UBND ngày 19/11/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt quy hoạch phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025; Quyết định số 3927/QĐ-UBND ngày 14/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Cụm công nghiệp Phú Cần, huyện có Quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp Phú Cần tại Quyết định số 2145/QĐ-UBND ngày 12/7/2022. Tuy nhiên trong quá trình triển khai thực hiện xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, Chủ đầu tư gặp khó khăn nên có văn bản đề nghị chấm dứt hoạt động dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Phú cần. Qua đó Ủy ban nhân dân huyện cũng đã phối hợp với các Sở, ngành tỉnh nhờ hỗ trợ cho huyện tìm kiếm nhà đầu tư mới. *Đối với Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Cầu Quan:* Khu Công nghiệp Cầu Quan được Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh thành lập theo quyết định số 422/QĐ-UBND ngày 12/3/2010 và phê duyệt quy hoạch chi tiết theo quyết định số 1822/QĐ-UBND ngày 29/9/2009. Quy mô diện tích 120 ha (theo Công văn số 893/TTg-KTN ngày 05/6/2009 và Công văn số 2628/TTg-KTN ngày 22/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ), đến nay Ban quản lý khu kinh tế đang tiến hành lập nhiệm vụ quy hoạch đây là Khu Công nghiệp tập trung đặc thù của địa phương chuyên về chế biến các sản phẩm có nguồn gốc từ thủy, hải sản, các dịch vụ khai thác biển, sửa chữa tàu thuyền, vật liệu xây dựng, dịch vụ kho bãi, giao thông đường thủy, việc phát triển Khu công nghiệp Cầu Quan phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của vùng Đồng bằng sông Cửu Long và tỉnh Trà Vinh góp phần giải quyết việc làm cho người lao động trong và ngoài tỉnh, kết nối Khu công nghiệp Cầu Quan với Khu kinh tế Định An và các vùng xung quanh trên các nội dung về giao thông; liên kết công nghiệp, ngành công nghiệp hỗ trợ; cung – cầu hàng hóa, nguyên, nhiên

liệu, lao động và thị trường tiêu thụ; hạ tầng và dịch vụ logistic; phát triển đô thị và du lịch.

Bên cạnh việc thành lập Cụm Công nghiệp trên thị huyện Tiểu Cần đã được UBND tỉnh phê duyệt đồ án Quy hoạch và Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tiểu Cần tỉnh Trà Vinh đến năm 2030, diện tích khoảng 227,2km², mục tiêu trở thành trung tâm của cụm phát triển đô thị phía Tây của tỉnh, gồm Cầu Quan - Tiểu Cần – Tiểu Cần; có vai trò quan trọng về chính trị, kinh tế văn hóa – xã hội và an ninh quốc phòng.

Theo Quyết định số 2045/QĐ-UBND ngày 16/10/2018 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch và Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh đến năm 2030, đến nay huyện đã thực hiện đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật như nâng cấp Quốc lộ 60 từ cầu Bà Lãnh đến ngã tư Phú Cần giao với Quốc lộ 54, đường khóm 5, đầu tư xây dựng đường huyện 13, Công trình hạ tầng xã hội Nhà thi đấu đa năng huyện Tiểu Cần, xây dựng mới các đường trung tâm huyện như đường Vành đai phía Đông, đường 60 - 54, đường động lực, bến xe... và các công trình hạ tầng xã hội như quảng trường trung tâm, trung tâm thể dục thể thao,...

Trên địa bàn huyện có Công ty TNHH Giày da Mỹ Phong với diện tích 34ha, có quy mô sản xuất 4.165.000 đôi/năm, tạo việc làm cho hơn 4.500 người thu nhập bình quân từ 6-7 triệu đồng/người/tháng; Công ty TNHH MTV Bestmate Việt Nam, gia công, sản xuất nhiều mặt hàng như sản xuất hàng nội thất có cấu kiện kim loại... với số lượng lao động 1.312 người thu nhập bình quân từ 6-7 triệu đồng/người/tháng;... ngoài ra trên địa bàn huyện còn có Siêu thị, cửa hàng tiện lợi doanh thu hàng tháng trên 2 tỷ đồng và hơn 36 công ty, doanh nghiệp vừa và nhỏ hoạt động hiệu quả, sản xuất ổn định giải quyết cho hơn 5.521 lao động tại địa phương, thu nhập bình quân từ 4-6 triệu đồng/người/tháng.

Trên địa bàn huyện có 01 làng nghề: Làng nghề bó chổi ấp Tân Thành Đông xã Tân Hòa được công nhận làng nghề năm 2017 mở ra một hướng mới cho việc phát triển sản phẩm làng nghề, nâng cao thu nhập cho người dân địa phương đang được duy trì và sản xuất ổn định. Hàng năm, làng nghề bó chổi ấp Tân Thành Đông sản xuất hơn 1 triệu sản phẩm các loại ra thị trường tổng doanh thu đạt trên 31 tỷ đồng/năm với số lao động khoảng 300 người, thu nhập bình quân của các lao động từ 4,5 triệu đồng/người/tháng. Nghề bó chổi ở ấp Tân Thành Đông bắt đầu phát triển mạnh và trở thành nơi cung ứng sản phẩm cho thị trường trong và ngoài nước và đặc biệt trong thời gian gần đây còn xuất sang thị trường Trung Quốc, Campuchia, Lào.

- **Nội dung 6.2:** Huyện luôn quan tâm đầu tư xây dựng, nâng cấp về cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp nhất là vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực của huyện, cụ thể như từ năm 2019 đến nay, từ nguồn vốn Trung ương và địa phương đã tổ chức nạo vét 04 tuyến kênh cấp I, 108 tuyến kênh cấp II, 323 tuyến kênh cấp III; thực hiện công trình sửa chữa cửa số 6, số 8, thay cửa số 7 Cống Cần Chông nhằm đảm bảo vận hành tốt cống Cần Chông

trong việc điều tiết nước, ngăn mặn, trữ ngọt, không để mặn xâm nhập vào nội đồng ảnh hưởng đến việc sản xuất của bà con; đồng thời triển khai thi công xây dựng công trình sửa chữa nhà quản lý cống Cần Chông, cống Trẹm lớn và Trạm bơm Cầu Tre; phối hợp triển khai xây dựng 04 trạm bơm điện, xây dựng 3 cống hở để phục vụ sản xuất ở các vùng trọng điểm, xây dựng dự án trạm bơm kênh 3 tháng 2; xây dựng 104 công trình đường và cầu giao thông nông thôn phục vụ sản xuất trên địa bàn huyện. Ngoài ra, huyện có một hệ thống kênh Bê tông máng nối với một nhánh kênh chính, dài 1,65km và 18 hệ thống kênh nhánh, dài 6,8km phục vụ cho mô hình cánh đồng lớn trên 110 ha của xã Phú Cần. Vùng nguyên liệu tập trung (lúa) có ứng dụng các quy trình kỹ thuật tiên tiến như tưới - khô xen kẽ, SRI, 1 phải 5 giảm, 3 tăng 3 giảm cho cây lúa phù hợp từng giai đoạn sinh trưởng kết hợp với các biện pháp canh tác tiên tiến trong nông nghiệp. Xây dựng được vùng nguyên liệu dừa hữu cơ sản xuất theo quy trình thực hành sản xuất tốt với diện tích 2.741,63 ha, có 3.219 hộ tham gia; được cấp 10 mã số vùng trồng cho cây lúa (với diện tích 499,3 ha) và cây dừa (với diện tích 234,4 ha) trên địa bàn các xã.

- **Nội dung 6.3:** Huyện Tiểu Cần có chợ trung tâm huyện được ủy ban nhân dân tỉnh phân hạng chợ là hạng II theo Công văn số 93/UBND-KTTH ngày 12/01/2016 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt phân hạng chợ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

- **Nội dung 6.4:** Trong những năm qua, việc triển khai thực hiện chương trình OCOP trên địa bàn huyện đã khơi dậy tiềm năng, lợi thế khu vực nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân; thúc đẩy kinh tế nông thôn phát triển...; góp phần xây dựng nông thôn mới đi vào chiều sâu, hiệu quả và bền vững. Huyện có ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế nông thôn đối với sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP giai đoạn, hàng năm và được triển khai hiệu quả. Từ năm 2019, Chương trình OCOP của huyện đã thu hút các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất – kinh doanh tích cực tham gia. Đến nay, trên địa bàn huyện có 22 sản phẩm OCOP, trong đó có 13 sản phẩm 03 sao, 05 sản phẩm 04 sao, 02 sản phẩm 05 sao và 02 sản phẩm tiềm năng 05 sao²⁰. Riêng sản phẩm Mật hoa dừa của Công ty TNHH Trà Vinh Farm đã có mặt trên 30 tỉnh, thành phố trong nước và đã xuất chính ngạch sang các nước Đức, Hà Lan, Nhật Bản, Mỹ.

⁽²⁰⁾ 13 sản phẩm OCOP đạt 03 sao: Hạt Ca cao mật hoa dừa, Kẹo Đậu phộng, Lạp xưởng 6 Be, Bưởi da xanh Hùng Hòa, Rượu nếp than Thiên Phước, Chả lụa Năm Nghĩa, Nước màu Dừa, Dừa xiêm xanh, Yên sào Hạo Nhiên, Gạo Cô Ba, Bánh bông lan Ngọc Cẩm, Lạp xưởng Phúc Mừng, Nếp sấy chà bông Út Bích; 05 sản phẩm OCOP đạt 04 sao: Mật Hoa Dừa lên men Organic Sokfarm, giấm mật hoa dừa Organic Sokfarm, Gạo Rạch Lọt Tiểu Cần, Gạo Rạch Lọt Tân Hùng, Gạo Rạch Lọt Trà Vinh; 02 sản phẩm OCOP đạt 05 sao: Mật hoa dừa Organic Sokfarm và Đường hoa dừa Organic Sokfarm và 02 sản phẩm tiềm năng 05 sao: Mật hoa dừa tươi Organic Sokfarm, nước tương Mật hoa Dừa Organic Sokfarm.

Các sản phẩm OCOP đã và đang được ngành chức năng, địa phương cùng các chủ thể quan tâm chú trọng quảng bá, giới thiệu, kết nối tiêu thụ thông qua các hoạt động xúc tiến thương mại, hội chợ ở nhiều tỉnh, thành trong nước. Qua đó, giúp cho các chủ thể OCOP tiếp cận với thị trường, hiểu được thị hiếu, nhu cầu của người tiêu dùng. Từ đó, tiếp tục nâng cao năng lực sản xuất, đa dạng sản phẩm, cải tiến mẫu mã, xúc tiến bán hàng.

- **Nội dung 6.5:** Nhằm phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của huyện, Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số 4129/QĐ-UBND, ngày 20/12/2019 về việc ban hành Đề án phát triển du lịch huyện Tiểu Cần giai đoạn 2020 – 2025 và tầm nhìn đến năm 2030. Đến nay, huyện có một điểm du lịch cộng đồng Sokfarm tại ấp Cây Hẹ xã Phú Cần và điểm du lịch Le Ngan Homestay, ấp Lê Văn Quới, xã Tập Ngãi. Đồng thời kết nối các điểm du lịch tâm linh như Chùa ấp Sáu, xã Tân Hùng và Du lịch sông nước tại xã Tân Hoà, thị trấn Cầu Quan. Các hình ảnh về du lịch có triển khai và quảng bá trên mạng Ineternet, facbook và đặc biệt là trên trang thông tin điện tử của huyện Tiểu Cần. Huyện đang xây dựng website du lịch để giới thiệu và quảng bá các điểm du lịch cũng như các sản phẩm đặc sản của địa phương đến với du khách trong và ngoài huyện.

c) Tự đánh giá: Đạt tiêu chí số 06 về Kinh tế theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

5.7. Tiêu chí số 7 về Môi trường

a) Yêu cầu tiêu chí

- **Nội dung 7.1.** Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn huyện được thu gom và xử lý theo quy định ($\geq 95\%$).

- **Nội dung 7.2.** Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn huyện được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường (100%).

- **Nội dung 7.3.** Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng, tái chế thành các nguyên liệu, nhiên liệu và sản phẩm thân thiện với môi trường ($\geq 80\%$).

- **Nội dung 7.4.** Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn ($\geq 70\%$).

- **Nội dung 7.5.** Tỷ lệ nước thải sinh hoạt trên địa bàn toàn huyện được thu gom, xử lý bằng các biện pháp, công trình phù hợp (chỉ tiêu $\geq 50\%$).

- **Nội dung 7.6.** Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn $\geq 4 m^2$ /người.

- **Nội dung 7.7.** Không có làng nghề ô nhiễm môi trường trên địa bàn huyện.

- **Nội dung 7.8.** Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định (chỉ tiêu $\geq 85\%$).

b) Kết quả thực hiện

- Nội dung 7.1: Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Trên địa bàn huyện có bố trí 980 thùng chứa rác tại các tuyến đường chính, trung tâm các chợ, khu dân cư, cơ quan, trường học, có 02 xe chuyên dụng để tổ chức thu gom chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện về bãi rác xã Tân Hoà xử lý theo quy định. Tổng lượng rác thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn huyện khoảng 54,51 tấn/ngày, trong đó rác thải sinh hoạt đô thị 12,293 tấn/ngày; rác thải sinh hoạt nông thôn 42,217 tấn/ngày. Tổng số hộ tham gia mạng lưới thu gom rác 3.168 hộ, xử lý khoảng 8,01 tấn/ngày. Rác thải sinh hoạt còn được xử lý bằng phương pháp ủ trong thùng ủ hữu cơ thông qua mô hình do huyện đầu tư hỗ trợ 610 hộ, xử lý khoảng 1,3 tấn/ngày. Các hộ gia đình tại vùng nông thôn, chưa có xe thu gom thì người dân thực hiện xử lý chất thải sinh hoạt bằng cách phân loại, đào hố chôn lấp, làm thức ăn chăn nuôi, ủ phân hữu cơ (*hình thức hố rác di động*) trong khuôn viên hộ gia đình với 24.431 hộ, khối lượng 44,1 tấn/ngày. Tỷ lệ rác thải sinh hoạt trên địa bàn được thu gom và xử lý theo quy định đạt 95,6% (28.2099hộ/29.494 hộ tương đương 40,2 tấn/ngày).

Đối với chất thải rắn không nguy hại gồm: *Chất thải rắn xây dựng* từ các công trình xây dựng trên địa bàn phát sinh lượng chất thải rắn tương đối ít, chủ yếu là phát sinh từ công tác xây dựng, cải tạo nhà ở hộ gia đình, cá nhân, hiện các hộ gia đình tự phân loại để bán phế liệu; đối với đất, đá, chất thải rắn từ hoạt động xây dựng được tái sử dụng để san lấp mặt bằng. *Chất thải rắn nông nghiệp* chủ yếu phụ phẩm cây trồng như rơm rạ, vỏ trái cây,... được thu gom, sử dụng làm giá thể trồng nấm, trồng cây (rơm rạ, mùn dừa), sản xuất thức ăn (ủ chua thân cây bắp, dây dưa hấu, rơm ủ phân urê, đóng cuộn rơm), làm vật liệu độn chuồng và đệm lót sinh học trong chăn nuôi (mùn dừa, trấu, rơm,...), chất thải chăn nuôi được thu gom, xử lý, tái sử dụng như tưới cho cây trồng, ủ làm phân bón hữu cơ, chất đốt (hầm biogas), nuôi côn trùng (trùn quế),... đạt 96,5%. *Chất thải rắn công nghiệp thông thường* trên địa bàn các xã phát sinh được các cơ sở thu gom xử lý theo quy định.

- Nội dung 7.2: Khối lượng chất thải rắn nguy hại phát sinh trên địa bàn huyện khoảng 5.1 tấn/năm bao gồm: chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng từ hoạt động sản xuất công nghiệp 3 tấn/năm, chất thải rắn y tế nguy hại khoảng 5.3 tấn/năm đã được thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định, đạt 100%. Cụ thể:

+ Chất thải nguy hại từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh được thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định tại Điều 72 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Trên địa bàn huyện có khoảng 60 tấn chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu từ các cơ sở sản xuất công nghiệp quy mô lớn (Công ty TNHH giày da Mỹ Phong và Công ty BESTMATE Việt Nam...). Tất cả chất thải nguy hại phát sinh được các Công ty ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định (Ký hợp đồng với Công ty TNHH MTV Môi trường Trà Vinh).

+ *Bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng:* Bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng được các hộ dân bỏ vào các bể chứa bao gói thuốc bảo đã

được các xã đặt tại các điểm, các vị trí phù hợp nhằm tránh việc vứt bỏ chất thải nông nghiệp nguy hại không đúng nơi quy định. Đến nay số lượng bể thu gom vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật được lắp đặt 360 bể trên các cánh đồng tại 11 xã, thị trấn. Tổng lượng bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng ước tính phát sinh khoảng 3 tấn/năm. Hàng năm Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp các ngành liên quan, các xã, thị trấn tổ chức thu gom từ các bể chứa chuyên giao cho đơn vị có đủ chức năng đến thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định tại Thông tư liên tịch số 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT. UBND huyện đã chỉ đạo các xã, thị trấn tiếp tục kiểm tra, rà soát lắp đặt bổ sung và sửa chữa các bể chứa bị hỏng, mất nắp, không đạt yêu cầu lưu chứa theo quy định. Tổng lượng vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật phát sinh trên cánh đồng các xã, thị trấn được thu gom theo quy định đạt 100%.

+ *Chất thải rắn y tế*: Trên địa bàn huyện có 12 cơ sở y tế (01 Trung tâm Y tế huyện, 10 trạm y tế cấp xã, 01 Bệnh viện Đa khoa khu vực Tiểu Cần, 44 phòng khám tư nhân). Rác thải nguy hại phát sinh tại Trạm y tế xã, các cơ sở khám chữa bệnh tư nhân, Trung tâm y tế huyện được hợp đồng thu gom và vận chuyển đi xử lý tại lò đốt rác thải y tế của Bệnh viện Đa khoa khu vực Tiểu Cần. Lượng rác thải y tế phát sinh trên địa bàn huyện hàng năm được thu gom, xử lý được khoảng 2.593kg/năm, đạt 100%.

- **Nội dung 7.3**: Hàng năm, tổng diện tích sản xuất nông nghiệp 35.196,4 ha, sản lượng 289.956,5 tấn; trong đó lúa 31.352 ha, sản lượng phụ phẩm 199.088 tấn được người dân tận dụng làm thức ăn chăn nuôi, sản xuất nấm và sử dụng biện pháp cây, xới đạt 95%; về cây màu diện tích 2.912 ha, sản lượng phụ phẩm 16.372,4 tấn được sử dụng làm thức ăn chăn nuôi, ủ phân hữu cơ, đạt 90%; về vườn cây ăn trái diện tích 2.403 ha, sản lượng phụ phẩm 16.778,4 tấn, các phụ phẩm được tận dụng làm thức ăn chăn nuôi, ủ phân hữu cơ, tỷ lệ 90%; về cây dứa diện tích 5.878 ha, sản lượng phụ phẩm 4.149,868 tấn, các phụ phẩm được tận dụng làm ủ phân hữu cơ, đan đất, thủ công mỹ nghệ, than đốt,... tỷ lệ 98%; về thủy sản thả nuôi diện tích 155 ha, sản lượng phụ phẩm 31 tấn được sử dụng làm phân bón cho cây trồng, đạt 88%; về chăn nuôi tổng đàn 1.376.946 con (heo 67.800 con, bò 29.146 con, gia cầm 1.280.000 con), lượng chất thải 371.775,42 tấn (có 334.597,8 tấn được thu gom, tái sử dụng thành nguyên liệu, nhiên liệu và sản phẩm thân thiện với môi trường, đạt 92%). Hàng năm, khối lượng phụ phẩm nông nghiệp phát sinh trong sản xuất là 608.195,088 tấn, trong đó 557.660,99 tấn được thu gom, xử lý, tái sử dụng, đạt 91,69%.

- **Nội dung 7.4**: Trên địa bàn huyện có 24.274 hộ/29.494 hộ gia đình (tại vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa chưa có xe thu gom rác đến để thu gom và xử lý) tham gia vào các mô hình, câu lạc bộ về bảo vệ môi trường của các tổ chức, hội đoàn thể đã tổ chức phân loại chất thải tại nguồn đạt 82,3%, số hộ còn lại có phân loại chất thải tại nguồn và xử lý chôn lấp đúng quy định. Ngoài ra, Phòng Tài nguyên và Môi trường còn phối hợp với Hội Liên hiệp phụ nữ, Huyện Đoàn thành lập 06 mô hình “Khu dân cư tự quản về môi trường” với 260 hộ gia đình tham gia tại các xã Phú Cần (100 hộ gia đình/2 mô hình), Hiếu

Trung (40 hộ gia đình/1 mô hình), Tập Ngãi (40 hộ gia đình/1 mô hình), Ngãi Hùng (40 hộ gia đình/1 mô hình) và Hùng Hòa (40 hộ gia đình/1 mô hình).

- Nội dung 7.5: Hiện nay, khu vực trung tâm xã, thị trấn đã xây dựng hệ thống công thoát nước đảm bảo không ngập vào mùa mưa, riêng khu vực nông thôn chủ yếu thoát ra các kênh rạch. Theo QCVN 01:2021/BXD – Quy chuẩn xây dựng Việt Nam quy hoạch xây dựng, tiêu chuẩn cấp nước cho điểm dân cư nông thôn và đô thị tối thiểu là ≥ 80 lít/ngày/người. Như vậy, lượng nước cấp cho nhu cầu sinh hoạt của huyện là 8.704,66 m³/ngày. Đồng thời, theo Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ quy định về thoát nước và xử lý nước thải, thì lượng nước thải phát sinh trên địa bàn huyện là 8.704,66 m³/ngày (100% lượng nước cấp). Trong đó, nước thải phát sinh tại thị trấn Tiểu Cần và thị trấn Cầu Quan là 1.199,4 m³/ngày chiếm tỷ lệ là 13,8% lượng nước thải toàn huyện. Nhằm đánh giá chất lượng môi trường nước thải sinh hoạt, hàng năm Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp cùng Công ty TNHH Kỹ thuật Môi trường CDM Sóc Trăng tiến hành lấy mẫu quan trắc nước thải sinh hoạt tại Thị Trấn Tiểu Cần. Nhìn chung, chất lượng nước thải sinh hoạt có nồng độ đạt quy chuẩn cho phép (QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt).

Nước thải từ các hộ gia đình trên địa bàn huyện trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung được xử lý bằng biện pháp phù hợp qua bể tự hoại.. Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh đối với các hộ gia đình trên địa bàn huyện 23.595 lít/ngày (0,8lít/ngày x 29.494 người). Trong đó, lượng nước được xử lý bằng biện pháp phù hợp như qua bể tự hoại 15.337 lít, chiếm 65%. Đối Công ty TNHH giày da Mỹ Phong và Công ty BESTMATE Việt Nam có hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt theo quy định trước khi thải ra môi trường

- Nội dung 7.6: Quan tâm đầu tư, hoàn thiện hệ thống cây xanh. Các khu hành chính, điểm chùa, trường học, công viên, tuyến đường quốc lộ, tỉnh lộ, đường huyện, tuyến đường xã, đường trục ấp và các khu vực công cộng được trồng cây xanh tạo không gian xanh mát như trồng các loại cây bản địa, hoa giấy, bằng lăng, hoàng yến,... Đồng thời, triển khai thực hiện Chỉ thị số 38-CT/TU, ngày 02 tháng 8 năm 2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tăng cường công tác trồng, quản lý và bảo vệ cây lâm nghiệp phân tán trên địa bàn tỉnh và hưởng ứng “Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ” đến nay, tổng số cây phân tán trên địa bàn huyện trồng được là 31.614 cây, gồm các loại cây: Tràm bông vàng, Khuynh diệp, Bằng lăng nước, Dầu con rái...Đến nay, trên địa bàn huyện có 453.369 m² cây xanh (tương đương 4,2m²/người)

- Nội dung 7.7: Trên địa bàn huyện có Làng nghề bó chổi tại ấp Tân Thành Đông, xã Tân Hòa, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh được thành lập theo quyết định số 1147/QĐ-UBND ngày 22/6/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh cách huyện Tiểu Cần khoảng 7 km, nghề được hình thành từ năm 2000 với khoảng 15 cơ sở tham gia sản xuất trên 1.000 cây chổi cộng lá dừa và dừa nước mỗi ngày. Thành phần chất thải phát sinh chủ yếu là các loại cọng dừa, dây buộc,...tổng lượng chất thải phát sinh khoảng 100 kg/ngày, các loại chất thải này được người dân tái sử dụng lại để làm vật liệu đốt trong sinh hoạt hàng ngày ở gia đình.

Được UBND huyện phê duyệt Phương án bảo vệ môi trường làng nghề bó chuỗi ấp Tân Thành Đông ngày 28/3/2017 và được UBND xã Tân Hòa ban hành Quyết định phê duyệt Kế hoạch bảo tồn và phát triển làng nghề bó chuỗi ấp Tân Thành Đông xã Tân Hòa tại Quyết định số 162/QĐ-UBND ngày 25/7/2022. Qua kiểm tra các cơ sở trong làng nghề không gây ô nhiễm môi trường.

- Nội dung 7.8: Ủy ban nhân dân huyện ban hành Kế hoạch phối hợp xây dựng mô hình thu gom rác thải nhựa trên địa bàn huyện; Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Hội Liên hiệp phụ nữ huyện thành lập 37 Câu lạc bộ/06 mô hình “Hạn chế sử dụng túi ni lông và nói không với sản phẩm nhựa dùng một lần” với 260 thành viên tại các xã và 34 điểm trường trên địa bàn các xã; tổ chức tuyên truyền 5 cuộc, có 180 đại biểu dự, phát 1.000 tờ bướm tuyên truyền tác hại rác thải nhựa nhằm tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cộng đồng về tác hại của chất thải nhựa tới môi trường và sức khỏe con người; giảm thiểu sử dụng túi nilon khó phân hủy, sản phẩm nhựa nhất là sản phẩm nhựa sử dụng một lần trong sinh hoạt; sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường thay thế cho các sản phẩm nhựa nhất là sản phẩm nhựa sử dụng một lần; phân loại, thu gom chất thải nhựa để tái sử dụng, tái chế, thu gom xử lý theo quy định.

Tổng lượng chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn huyện là 3,7 tấn/ngày (*rác thải nhựa phát sinh: 0,034% x 108.808 người = 3.699 kg/ngày*); tỷ lệ thu gom, tái sử dụng và tái chế 0,9 tấn/ngày, đạt 70%.

c) Tự đánh giá: Đạt tiêu chí số 07 về Môi trường theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

5.8. Chất lượng môi trường sống

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Nội dung 8.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung.

- Nội dung 8.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm (≥ 80 lít).

- Nội dung 8.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung trên địa bàn huyện có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững ($\geq 60\%$).

- Nội dung 8.4. Có mô hình xử lý nước mặt (ao, hồ) bảo đảm quy định về bảo vệ môi trường (≥ 01 mô hình).

- Nội dung 8.5. Cảnh quan, không gian trên địa bàn toàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn.

- Nội dung 8.6. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm (100%)

- Nội dung 8.7. Tỷ lệ cán bộ làm công tác quản lý chất lượng an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản do huyện quản lý hàng năm được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ (100%).

- *Nội dung 8.8.* Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của huyện (không).

- *Nội dung 8.9.* Có mô hình xã, ấp thông minh (≥ 01 mô hình).

b) Kết quả thực hiện

- *Nội dung 8.1:* Trên địa bàn huyện có 19 trạm cấp nước tập trung hoạt động thường xuyên đảm bảo cung cấp đủ nước sinh hoạt cho người dân. Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung trên địa bàn huyện có 23.363 hộ/29.494 hộ, đạt 79,21%

- *Nội dung 8.2:* Trên địa bàn huyện hiện có 02 đơn vị cung cấp nước tập trung gồm Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn Trà Vinh và Công ty cổ phần cấp thoát nước tỉnh Trà Vinh hoạt động theo công suất 16.460 m³/ngày đêm, tương đương 16.460.000 lít/ ngày đêm. Bình quân đầu người dân số toàn huyện được cung cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn tương đương 152 lít/người/ngàyđêm²¹.

- *Nội dung 8.3:* Các công trình cấp nước tập trung trên địa bàn huyện luôn được các cơ quan, đơn vị chủ quản tổ chức tốt việc quản lý, khai thác đảm bảo hoạt động bền vững và hiệu quả. Trên địa bàn toàn huyện có 19 trạm cấp nước tập trung, trong đó có 16 trạm hoạt động bền vững, đạt 84,21%.

- *Nội dung 8.4:* Toàn huyện có 80 Câu lạc bộ về môi trường do Hội cựu chiến binh huyện thành lập, hàng tuần phối hợp cùng các ngành của xã, thị trấn điều ra quân thực hiện vệ sinh cảnh quan môi trường, trực vớt lục bình, vật cản nhằm khơi thông dòng chảy tại các ao, hồ, kênh, rạch... phục vụ tốt cho sinh hoạt và sản xuất của người dân, từ năm 2018 đến nay đã thực hiện được 475,8km.

Hàng năm Phòng Tài nguyên và Môi trường có xây dựng kế hoạch kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước; phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và các nguồn nước mặt trên địa bàn huyện gắn với kế hoạch của ngành. Năm 2020, UBND huyện đã chỉ đạo khắc phục xong tình trạng ô nhiễm môi trường tại Rạch trại Ghe Hàu thị trấn Cầu Quan, đồng thời sang lấp, xây dựng thành tuyến đường Rạch Ghe Hàu; tuyến kênh Xóm Vó xã Phú Cần cũng đã được khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường vào năm 2019 và đặt công để mở rộng đường Xóm Vó; hàng tuần các xã, thị trấn điều ra quân thực hiện vệ sinh cảnh quan môi trường, trực vớt lục bình, vật cản nhằm khơi thông dòng chảy tại các ao, hồ, kênh, rạch... phục vụ tốt cho sinh hoạt và sản xuất của người dân.

- *Nội dung 8.5:* Xác định bảo vệ môi trường, tạo cảnh quan sáng – xanh – sạch – đẹp là nhiệm vụ chung của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. Các xã,

²¹ Trong đó; Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn Trà Vinh, quản lý 17 trạm cấp nước, hoạt động với công suất 13.560m³/ngày đêm, tương đương 13.560.000 lít/ngày đêm. Bình quân đầu người dân số khu vực nông thôn được cung cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn tương đương 145 lít/người/ngày đêm. Công ty cổ phần cấp thoát nước tỉnh Trà Vinh cung cấp nước chủ yếu cho khu vực thành thị hoạt động với công suất là 2.900m³/ngày đêm, tương đương 2.900.000 lít/ngày đêm. Bình quân đầu người dân số khu vực thành thị được cung cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn tương đương 193 lít/người/ngày đêm).

thị trấn trên địa bàn huyện đều bổ sung quy định bảo vệ môi trường vào hương ước, quy ước của ấp, thường xuyên phát động phong trào chỉnh trang cảnh quan môi trường, vận động xã hội hóa xây dựng đèn đường, ra quân xây dựng các tuyến đường hoa, vệ sinh môi trường, khơi thông cống rãnh,... Tập trung chỉ đạo thực hiện tốt việc thu gom và xử lý chất thải rắn, nước thải theo quy định. Đồng thời, triển khai xây dựng mô hình, câu lạc bộ nhằm lan tỏa, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp, bảo vệ môi trường làng nghề, xử lý rác thải sinh hoạt, điển hình như: Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Hội Liên hiệp phụ nữ huyện thành lập 06 mô hình “Khu dân cư tự quản về môi trường” và 37 Câu lạc bộ “Hạn chế sử dụng túi ni lông và nói không với sản phẩm nhựa dùng một lần”; Hội cựu chiến binh có thành lập mô hình các câu lạc bộ bảo vệ môi trường 69/69 ấp; triển khai thực hiện mô hình “khu dân cư giảm thiểu rác thải nhựa”.

Các phòng, ban, ngành, hội đoàn thể huyện tổ chức các hoạt động Ngày chủ nhật Xanh - Sạch - Đẹp như: phát quang bụi rậm các tuyến đường giao thông, tổ chức trồng mới cây xanh, thu gom rác tại một số tuyến đường và thực hiện tổng vệ sinh khu vực nội bộ, vỉa hè thuộc phạm vi các cơ quan,... Thường xuyên vận động người dân cắt tỉa cây xanh đảm bảo tuyến đường thông thoáng. Phát quang bụi rậm, làm hàng rào, cột cờ, đèn thấp sáng tạo cảnh quan môi trường Xanh - Sạch - Đẹp. Thường xuyên quét dọn, thu gom rác thải trên vỉa hè trước cơ quan.

Quan tâm đầu tư, hoàn thiện hệ thống cây xanh. Các khu hành chính, điểm chùa, trường học, công viên, tuyến đường quốc lộ, tỉnh lộ, đường huyện đều có bố trí trồng cây xanh tạo không gian xanh mát. Đồng thời, triển khai thực hiện Chỉ thị số 38-CT/TU, ngày 02 tháng 8 năm 2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tăng cường công tác trồng, quản lý và bảo vệ cây lâm nghiệp phân tán trên địa bàn tỉnh và hưởng ứng “*Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ*” đến nay, tổng số cây phân tán trên địa bàn huyện trồng được là 31.614 cây, gồm các loại cây: Tràm bông vàng, Khuyneh diệp, Bằng lăng nước, Dầu con rái...

Đến nay toàn huyện có 27 tuyến đường được công nhận tuyến đường Sáng - xanh - sạch - đẹp, tổng chiều dài 45,53km theo Quyết định số 3342/QĐ-UBND ngày 14/12/2017, Quyết định số 3504/QĐ-UBND ngày 20/12/2018, Quyết định số 4403/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND huyện Tiểu Cần. Ngoài ra các tuyến đường xã, liên xã, đường trục ấp, liên ấp và các khu vực công cộng được trồng cây xanh, cây bóng mát, có trang bị thùng đựng rác hợp lý; các tuyến kênh mương trên địa bàn huyện được vệ sinh, nạo vét, trục vớt lục bình, khơi thông dòng chảy, không có hiện tượng tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung và rác thải dưới kênh mương thoát nước; có 22.121/29.494 hộ, đạt 75% hộ gia đình có diện tích trồng cây xanh thực hiện cải tạo vườn, chỉnh trang hàng rào bằng cây xanh hoặc các loại hàng rào khác nhưng có phủ cây xanh; hệ thống thoát nước trên địa bàn huyện được xây dựng đảm bảo an toàn cho người dân theo quy định; khu vực, công trình công cộng có nguy cơ xảy ra tai nạn thương tích được gắn biển cảnh báo và thực hiện các biện pháp quản lý theo quy định; hàng năm huyện có ban hành kế hoạch và thực hiện kế hoạch vệ sinh môi

trường, định kỳ có tổ chức kiểm tra đánh giá kết quả thực hiện; có 218,31/244,41 km đường liên xã, liên ấp có hệ thống đèn chiếu sáng, đạt 89,3%.

- **Nội dung 8.6:** Địa bàn huyện có 8.805 cơ sở, hộ sản xuất kinh doanh thực phẩm tuân thủ nghiêm các quy định về an toàn vệ sinh thực phẩm (7.183 cơ sở trên lĩnh vực nông nghiệp; 763 cơ sở trên lĩnh vực y tế; 859 cơ sở trên lĩnh vực công thương), đạt 100%, trong đó có 1.193 hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý (446 cơ sở thuộc lĩnh vực ngành y tế, 747 cơ sở thuộc lĩnh vực ngành công thương quản lý, lĩnh vực nông nghiệp đã phân cấp cho Ủy ban nhân dân xã quản lý); hiện các cơ sở đều tuân thủ quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm (Có 38 cơ sở, hộ gia đình sản xuất kinh doanh thực phẩm được kiểm tra, cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm và 1.155 cơ sở, kinh doanh thực phẩm được kiểm tra, giám sát và thực hiện ký cam kết an toàn thực phẩm). Từ khi triển khai thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới đến nay, địa bàn huyện không xảy ra ngộ độc thực phẩm.

- **Nội dung 8.7:** Trên địa bàn huyện có 44/44 cán bộ làm công tác quản lý chất lượng an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản do huyện quản lý hàng năm được tập huấn, cập nhật kiến thức về an toàn thực phẩm, đạt 100%.

- **Nội dung 8.8:** Huyện luôn quan tâm chỉ đạo công tác quản lý an toàn thực phẩm trên địa bàn huyện. Hàng năm, huyện đều ban hành kế hoạch triển khai thực hiện công tác đảm bảo về an toàn thực phẩm. Ban chỉ đạo liên ngành về an toàn thực phẩm huyện, xã hoạt động có hiệu quả. Công tác kiểm tra, giám sát về an toàn thực phẩm được duy trì thường xuyên và được tổ chức thành các đợt cao điểm hàng năm trong các ngày lễ, ngày tết,... Trong thời gian qua, không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của huyện

- **Nội dung 8.9:** Huyện đã đăng ký mô hình ấp thông minh trên địa bàn xã Sóc Tre, xã Phú Cần và đăng ký mô hình xã thông minh đối với xã Phú Xán. Đang triển khai xây dựng mô hình ấp, xã thông minh theo Công văn số 3445/BNN-VPĐP ngày 29/5/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn tạm thời về triển khai xây dựng mô hình thí điểm xã nông thôn mới thông minh, xã thương mại điện tử và Công văn số 2028/SNN-VPĐP, ngày 12/9/2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thực hiện chỉ tiêu 8.9 về mô hình xã, ấp thông minh của tiêu chí số 8 Chất lượng môi trường sống thuộc bộ tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao.

c) Tự đánh giá: Đạt tiêu chí về 08 về Chất lượng môi trường sống theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

5.9. An ninh, trật tự, hành chính công

a) Yêu cầu tiêu chí

- **Nội dung 9.1.** An ninh, trật tự trên địa bàn huyện được giữ vững ổn định và nâng cao.

- *Nội dung 9.2. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.*

b) Kết quả thực hiện

- **Nội dung 9.1:** Hằng năm, Huyện ủy có Nghị quyết, Ủy ban nhân dân huyện có kế hoạch chỉ đạo lực lượng Công an thực hiện có hiệu quả các mặt công tác bảo đảm an ninh, trật tự và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; có sử dụng camera phục vụ công tác bảo đảm an ninh, trật tự. Kết quả từ năm 2019 đến nay, trên lĩnh vực phong trào lực lượng Công an đã xây dựng mới 01 mô hình, 01 câu lạc bộ, nhân rộng mới 04 Câu lạc bộ tự quản về an ninh trật tự, nâng tổng số đang quản lý 13 loại mô hình, với 83 câu lạc bộ tự quản về an ninh trật tự và 1.076 tổ tự quản, qua đánh giá đều hoạt động tốt, góp phần kéo giảm tình hình tội phạm về trật tự xã hội và các hành vi vi phạm pháp luật khác trên địa bàn huyện. Cụ thể:

+ Trên lĩnh vực an ninh chính trị: Không xảy ra tình trạng khiếu kiện đông người, vượt cấp, kéo dài, không phát vụ, việc phức tạp có liên quan đến an ninh chính trị.

+ Trên lĩnh vực trật tự an toàn xã hội: Tình hình tội phạm và vi phạm pháp luật trên địa bàn tương đối ổn định, các vụ, việc xảy ra chủ yếu mang tính nhất thời, nhỏ lẻ, không có băng nhóm tội phạm, không có tội phạm có tổ chức; không có tồn tại các điểm, tụ điểm tệ nạn xã hội, ma túy phức tạp, kéo dài gây dư luận, bức xúc trong nhân dân; tội phạm về trật tự xã hội năm xảy ra 23 vụ (giảm 7 vụ so với năm 2022, giảm 25,9%), đặc biệt lực lượng Công an từ huyện đến xã, thị trấn thực hiện tốt Công tác phòng ngừa nghiệp vụ, gắn với phòng ngừa xã hội, tăng cường tấn công trấn áp mạnh mẽ với các loại tội phạm, nhất là các hành vi vi phạm pháp luật là nguyên nhân dẫn đến phát sinh tội phạm, từ đó tệ nạn xã hội và các hành vi vi phạm pháp luật hiện được phát hiện, triệt xóa, xử lý nhiều hơn so với cùng kỳ (triệt xóa 58 vụ, so với cùng kỳ nhiều hơn 17 vụ), góp phần ổn định tình hình trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện, phục vụ hiệu quả yêu cầu phát triển nền kinh tế, văn hóa, xã hội trên địa bàn huyện.

+ Tai nạn giao thông đường bộ: xảy ra 02 vụ, giảm 03 vụ so với năm 2022.

+ Cháy, nổ: không xảy ra, so năm 2022 không tăng, giảm.

- **Nội dung 9.2:** Trung tâm hành chính công huyện thường xuyên phối hợp với các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn rà soát, đánh giá, đăng ký những thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã để triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 trên Công dịch vụ công trực tuyến của tỉnh và Công dịch vụ công quốc gia; tham mưu Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo, quán triệt cán bộ, công chức thực hiện giải quyết thủ tục hành chính thường xuyên tuyên truyền, hướng dẫn, vận động, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tạo lập tài khoản dịch vụ công trực tuyến, cách thức nộp hồ sơ và khai thác sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4. Yêu cầu mỗi cán bộ, công chức, viên chức phải nắm rõ về dịch vụ công trực tuyến, quy trình tiếp nhận, cách thức thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4.

Đến nay, huyện đã triển khai 197 dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân huyện, 81 dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã, trong đó: cấp huyện có 41 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, cấp xã có 21 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, qua đó cho phép việc tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện hoàn toàn trên môi trường điện tử. Năm 2023 tại Ủy ban nhân dân huyện và 11/11 xã, thị trấn đã tổ chức tiếp nhận **86.842** hồ sơ và giải quyết trước hạn và đúng hạn đạt trên 98%.

c) Tự đánh giá: Đạt tiêu chí số 9 về An ninh, trật tự, hành chính công theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những mặt làm được

- Qua 05 năm triển khai xây dựng huyện nông thôn mới nâng cao, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân huyện Tiểu Cần đã không ngừng phấn đấu khắc phục khó khăn chủ, động sáng tạo, điều hành linh hoạt, tập trung chỉ đạo thực hiện tốt công tác nâng chất các tiêu chí huyện nông thôn mới, xây dựng huyện nông thôn mới nâng cao. Từ đó góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội tiếp tục phát triển, tốc độ tăng bình quân 11,57%. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng dần tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp.

- Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội luôn được quan tâm đầu tư xây dựng, diện mạo đô thị, nông thôn có nhiều khởi sắc. Một số dự án đã và đang được triển khai thực hiện như: Đường số 5; xây dựng mới và nâng cấp mở rộng các tuyến đường giao thông nông thôn đáp ứng tiêu chí đô thị loại IV; Đường huyện 13 kéo dài từ giáp Đường huyện 9, xã Tập Ngãi đến giáp tuyến tránh Quốc lộ 60, xã Phú Cần; Mở rộng bãi rác xã Tân Hòa và Kè chống sạt lở sông thị trấn Tiểu Cần, tuyến Quốc lộ 54 - Quốc lộ 60; xây dựng nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt tập trung, Dự án đầu tư xây dựng cầu Đại Ngãi,... Thương mại, dịch vụ có bước chuyển biến tích cực. Các lĩnh vực dịch vụ: vận tải, bưu chính, viễn thông, tài chính ngân hàng... tiếp tục phát triển phục vụ tốt nhu cầu xã hội.

- Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững ổn định; thực hiện tốt công tác sẵn sàng chiến đấu, chủ động nắm chắc tình hình, đấu tranh, ngăn chặn có hiệu quả mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch.

- Chất lượng hệ thống chính trị, năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức Đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên không ngừng được nâng lên. Hoạt động của Dân vận, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội có bước đổi mới. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đảm bảo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của địa phương.

2. Những mặt hạn chế

- Kinh tế tuy phát triển nhưng một số lĩnh vực thiếu bền vững, một số chỉ tiêu đạt thấp và chưa đạt; chuyển dịch cơ cấu và tổ chức lại sản xuất còn chậm; sản phẩm có nhãn hiệu, thương hiệu, chỉ dẫn truy xuất nguồn gốc chưa nhiều; hoạt động của kinh tế tập thể, hợp tác xã hiệu quả chưa cao. Nông nghiệp chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu kinh tế; công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ tuy phát triển nhưng quy mô sản xuất nhỏ, sức cạnh tranh thấp; chất lượng nguồn nhân lực, năng suất lao động chưa cao.

- Thiết chế văn hóa ở cơ sở chưa đáp ứng yêu cầu; chất lượng một số tiêu chí nông thôn mới nâng cao thiếu bền vững.

- Quản lý tài nguyên, môi trường có lúc, có nơi chưa chặt chẽ, công tác kiểm tra, xử lý chưa được thường xuyên. Tình hình giải quyết khiếu nại, tố cáo ở một số vụ việc còn chậm.

3. Nguyên nhân hạn chế

- Xuất phát điểm kinh tế, xã hội của huyện thấp, nguồn lực đầu tư có hạn; tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu; thời tiết, hạn mặn diễn biến bất thường; tình hình dịch bệnh trên người, cây trồng, vật nuôi diễn biến phức tạp, đặc biệt là đại dịch Covid-19 kéo dài ảnh hưởng rất lớn đến phát triển kinh tế, xã hội, nâng cao đời sống người dân.

- Liên kết giữa sản xuất, chế biến, tiêu thụ còn nhiều bất cập; giá cả đầu ra một số mặt hàng nông sản không ổn định và thường xuyên giảm, trong khi giá cả nguyên liệu đầu vào thường xuyên tăng.

- Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội chưa đồng bộ, nguồn lực đầu tư chưa đáp ứng nhu cầu phát triển, nhất là nguồn lực đầu tư cho xây dựng nông thôn mới nâng cao, xây dựng đô thị còn hạn chế.

- Sự phối kết hợp giữa các cơ quan chuyên môn và các địa phương trong triển khai thực hiện Chương trình từng lúc, từng nơi chưa thật sự đồng bộ, nhất là trong tổ chức thực hiện.

4. Bài học kinh nghiệm

Một là, Xây dựng nông thôn mới được thực hiện trên địa bàn nông thôn do đó phải làm tốt công tác tuyên truyền, vận động sâu rộng để nâng cao nhận thức trong cộng đồng dân cư về nội dung, phương pháp, cách làm, cơ chế chính sách của Nhà nước về xây dựng nông thôn mới. Mọi việc làm phải dựa trên nguyện vọng chính đáng của Nhân dân, phát huy vai trò của cộng đồng, quán triệt sâu sắc nguyên tắc “*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra và dân thụ hưởng*”.

Hai là, Công tác chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền phải đồng bộ, nhất quán và liên tục, phải xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm trong từng giai đoạn và huy động được sự tham gia của cả hệ thống chính trị. Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới các cấp phải xây dựng chương trình, quy chế làm việc, phân công và giao trách nhiệm cho mỗi tập thể, cá nhân, đặc biệt phải phát huy được vai trò người đứng đầu cấp ủy, chính quyền.

Ba là, Cần coi trọng công tác xây dựng bộ máy để tham mưu, giúp việc cho Ban Chỉ đạo các cấp (cơ quan thường trực, cán bộ chuyên trách) và đào tạo đội ngũ cán bộ nòng cốt ở các cấp, nhất là đội ngũ cán bộ cơ sở. Tuân thủ chế độ sơ tổng kết, giao ban, kiểm điểm tiến độ triển khai, trong đó có trách nhiệm của tập thể, cá nhân được phân công.

Bốn là, Xây dựng nông thôn mới phải có cách làm chủ động, sáng tạo, phù hợp với điều kiện và đặc điểm của địa phương, tránh dập khuôn, máy móc. Ưu tiên đầu tư các công trình hạ tầng thiết yếu mang tính động lực, chú trọng đến phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, công tác môi trường và vệ sinh an toàn thực phẩm phải thực hiện thường xuyên, liên tục.

Năm là, Đa dạng hoá việc huy động nguồn lực để xây dựng nông thôn mới. Thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ ở sở sở, theo phương châm “*Huy động nguồn lực từ cộng đồng là quyết định, sự tham gia của doanh nghiệp và xã hội là quan trọng, sự hỗ trợ từ ngân sách nhà nước là cần thiết*”.

Sáu là, Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch để kịp thời điều chỉnh và có giải pháp phù hợp tháo gỡ khó khăn vướng mắc của cơ sở. Thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng để động viên kịp thời các đơn vị, tổ chức, cá nhân có nhiều đóng góp cho chương trình xây dựng nông thôn mới.

4. Những mô hình xây dựng nông thôn mới tiêu biểu

4.1. Mô hình ứng dụng công nghệ vào sản xuất nông nghiệp

Huyện đã xây dựng, duy trì nhiều mô hình sản xuất hiệu quả góp phần tăng thu nhập cho người dân, đặc biệt là mô hình ứng dụng công nghệ cao, công nghệ vi sinh, nông nghiệp sạch vào sản xuất nâng cao chất lượng sản phẩm như mô hình dưa hấu cơ liên kết theo chuỗi giá trị, mô hình Bưởi da xanh sản xuất theo tiêu chuẩn VietGap, mô hình canh tác lúa theo hướng hữu cơ, mô hình trồng dưa lưới trong nhà màng, mô hình chăn nuôi áp dụng hệ thống chuồng kín, mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp. Đặc biệt, mô hình dưa hấu cơ liên kết theo chuỗi giá trị. Cụ thể:

- Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã phối hợp UBND các xã, thị trấn, Hợp tác xã nông nghiệp các xã, các Công ty, doanh nghiệp, ... xây dựng mô hình dưa hấu cơ liên kết theo chuỗi giá trị trên địa bàn huyện. Đến nay, toàn huyện có 2.093,48 ha dưa hấu cơ. Công ty phân bón sao vàng Mekong đã cung cấp 21,6 tấn phân bón cho vùng nguyên liệu dưa hấu cơ. Hợp tác xã nông nghiệp Tân Thành đã ký kết hợp đồng tiêu thụ dưa với Công ty Cổ phần chế biến Dưa Á Châu được 1.037,739 tấn trái. Công ty TNHH MTV SX TM Dương phát ký hợp đồng với Công ty CP Xuất nhập khẩu Bến Tre (Betrimex) với số lượng 1.077,91 tấn trái. Hiệu quả mang lại từ mô hình: Mô hình đã giúp người trồng dưa từ tập quán canh tác truyền thống chuyển sang ứng dụng các tiến bộ, khoa học kỹ thuật mới, sản xuất theo hướng an toàn, hữu cơ, nâng cao giá trị kinh tế trên cùng đơn vị sản xuất, góp phần tăng thu nhập, ổn định cuộc sống cho người dân. Mặt khác, tạo được chuỗi giá trị ngành hàng dưa trên địa bàn huyện được bền vững và hiệu quả, đáp ứng được nhu cầu trong nước và xuất

khâu, tránh thương lái ép giá, thích hợp với điều kiện hạn mặn và biến đổi khí hậu hiện nay. Giá sản phẩm được bán với giá cao hơn thị trường bên ngoài từ 5.000-10.000 đồng/chục (12 trái) hoặc kg, vẫn đảm bảo chênh lệch từ 5 –10% dao động tùy theo giá thời điểm.

4.2. Mô hình vệ sinh môi trường, xử lý rác thải của Hội Liên hiệp Phụ nữ và Hội Cựu chiến binh

Xác định bảo vệ môi trường, tạo cảnh quan sáng – xanh – sạch – đẹp là nhiệm vụ chung của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. Các tổ chức chính trị - Xã hội đã tích cực tham gia, trong đó Hội Liên hiệp Phụ nữ và Hội Cựu chiến binh đã có nhiều mô hình nổi bật trong xây dựng cảnh quan môi trường trong xây dựng nông thôn mới như:

- Hội Liên hiệp Phụ nữ đăng ký với cấp ủy, chính quyền hàng năm thực hiện ít nhất 01 mô hình thiết thực, phù hợp tham gia xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, qua đó đã vận động kinh phí 120.000.000 đồng thực hiện 06 tuyến đường hoa, chiều dài 9 km; nâng đến nay có 12 tuyến đường hoa, chiều dài 11 km; Thành lập 05 câu lạc bộ “*Khu dân cư tự quản về bảo vệ môi trường*” có 210 thành viên, kinh phí 105.000.000 đồng, nâng đến nay toàn huyện có 11 mô hình, với 149 câu lạc bộ, tổ nhóm 2.814 thành viên về thực hiện bảo vệ môi trường, xây dựng gia đình 5 không 3 sạch, gia đình 5 có 3 sạch, hạn chế sử dụng túi ni lông và sản phẩm nhựa dùng 01 lần; phân loại rác thải, sạch nhà, sạch ngõ, sạch bếp...; Hội Cựu chiến binh hành lập 80/80 câu lạc bộ môi trường Cựu chiến binh ấp, khóm: Hàng tuần, tháng ra quân thực hiện Chỉ thị 15, Chỉ thị 27 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và thực hiện quy chế, điều lệ của Câu lạc bộ môi trường Cựu chiến binh ấp, khóm. Câu lạc bộ môi trường ra quân vệ sinh cảnh quang môi trường, phát hoang bụi rậm cây cối che khuất 02 bên đường, vệ sinh các tuyến đường, trồng, chăm sóc, cắt tỉa hoa kiểng, khai thông dòng chảy, thu gom rác....

4.3. Mô hình Camera an ninh phục vụ công tác đảm bảo an ninh, trật tự

Thời gian qua, Công an huyện đã tham mưu với Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện, ban hành các văn bản chỉ đạo về công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Đến nay đã xây dựng được 13 loại mô hình với 83 câu lạc bộ tự quản về an ninh trật tự và 1.076 tổ tự quản. Qua đó đánh giá đều hoạt động tốt, góp phần kéo giảm tình hình tội phạm về trật tự xã hội và các hành vi vi phạm pháp luật khác trên địa bàn huyện. Trong đó nổi bật là mô hình Camera an ninh. Qua đó, việc quán triệt, triển khai thực hiện xây dựng, nhân rộng mô hình Camera an ninh đã tạo bước chuyển biến cơ bản về nhận thức của cấp ủy đảng, chính quyền, huy động sức mạnh tổng hợp của các ngành, các cấp và Nhân dân trong xây dựng mô hình. Đến nay, trên địa bàn huyện đã có 26 điểm mô hình Camera an ninh với tổng số 62 mắt camera. Thông qua mô hình Camera an ninh, từ năm 2019 đến nay, lực lượng công an từ huyện đến xã đã tiến hành 210 lượt trích xuất hình ảnh, dữ liệu phục vụ công tác điều tra, khám phá các vụ án và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật; góp phần nâng cao hiệu quả điều tra khám phá án trên địa bàn huyện.

VI. KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI, NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO.

1. Quan điểm

Xây dựng nông thôn mới là một quá trình lâu dài, thường xuyên và liên tục, có điểm bắt đầu nhưng không có điểm kết thúc. Xây dựng nông thôn mới đảm bảo “Thiết thực, Hiệu quả, Toàn diện và Bền vững”.

Trong xây dựng nông thôn mới phải lấy Nông dân là chủ thể. Mục tiêu cao nhất trong xây dựng nông thôn mới là nâng cao toàn diện đời sống vật chất, tinh thần của nông dân và cư dân nông thôn.

Phát triển nông thôn toàn diện, đáp ứng các mục tiêu của phát triển bền vững, gắn kết chặt chẽ giữa phát triển công nghiệp, dịch vụ với nông nghiệp, giữa phát triển nông thôn bền vững với quá trình đô thị hoá theo hướng "nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh". Xây dựng nông thôn có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ; môi trường xanh, sạch, đẹp; đời sống văn hoá lành mạnh, phong phú, đậm đà bản sắc dân tộc; an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Tiếp tục xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước hiện đại; tập trung chuyên dịch cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển du lịch, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với phát triển đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn dân chủ, ổn định, giàu bản sắc dân tộc; môi trường văn hóa được bảo vệ; an ninh trật tự được giữ vững, đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao.

2.2. Chỉ tiêu cụ thể

Giai đoạn 2024-2025 tiếp tục củng cố, nâng cao chất lượng các tiêu chí xã, huyện nông thôn mới với phương châm phát triển đồng bộ kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu bảo đảm phù hợp với định hướng đô thị hóa, nhằm góp phần thực hiện mục tiêu phấn đấu xây dựng huyện trở thành thị xã Tiểu Cần trực thuộc tỉnh vào năm 2025 theo Nghị quyết số 07-NQ/TU, ngày 27/12/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Giữ vững 9/9 tiêu chí huyện nông thôn mới, huyện nông thôn mới nâng cao; 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu (Phú Cần), 09 ấp nông thôn mới kiểu mẫu. Mỗi năm có thêm ít nhất 01 xã nông thôn mới kiểu mẫu, 02 ấp nông thôn mới kiểu mẫu.

3. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

3.1. Công tác tuyên truyền, vận động, bồi dưỡng, tập huấn

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác xây dựng nông thôn mới, nhất là tuyên truyền để người dân nhận

thức được vai trò chủ thể chính của mình trong thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới, từ đó nâng cao ý thức tự giác, tự chủ, khơi dậy, phát huy tính năng động sáng tạo và sự tham gia của cộng đồng trong thực hiện xây dựng nông thôn mới.

- Tiếp tục thực hiện Phong trào thi đua *“Tiểu Cần cùng cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”* giai đoạn 2021 - 2025; cuộc vận động *“Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”* và các phong trào thi đua của các ngành, tổ chức đoàn thể, địa phương đi vào chiều sâu; nhân rộng các phong trào, mô hình đã đem lại hiệu quả, nhất là phong trào hiến đất, đóng góp tiền, vật tư, ngày công lao động xây dựng các công trình công cộng; kịp thời tôn vinh các tập thể, cá nhân tiêu biểu có nhiều đóng góp trong xây dựng nông thôn mới.

- Thường xuyên đưa tin, bài về xây dựng nông thôn mới, đưa tin về những cách làm hay, mô hình điển hình tiên tiến trong xây dựng nông thôn mới tại địa phương để tạo sức lan tỏa và góp phần nhân rộng mô hình.

- Phối hợp tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực tham mưu, chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện ở cơ sở đối với cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới; tổ chức tham quan học tập kinh nghiệm về cách làm hay, sáng tạo trên lĩnh vực nông thôn mới để vận dụng vào thực tế ở địa phương.

3.2. Về công tác quy hoạch

- Triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp xây dựng kết cấu hạ tầng theo Quy hoạch và quản lý tốt quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030 định hướng đến năm 2050 trong quy hoạch tỉnh và quy hoạch chung đô thị huyện Tiểu Cần định hướng thành lập thị xã. Đồng thời lập và triển khai thực hiện Chương trình phát triển đô thị, quy chế quản lý kiến trúc đô thị, lập các quy hoạch phân khu, làm cơ sở xác định các dự án đầu tư xây dựng để hoàn thiện các tiêu chí đô thị, gắn với những đơn vị hành chính định hướng thành lập các phường của thị xã Tiểu Cần theo Nghị quyết 07-NQ/TU, nhất là tập trung nguồn lực và hoàn thiện tiêu chí xây dựng 02 thị trấn lên Phường.

- Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo việc rà soát, bổ sung quy hoạch vừa đảm bảo tính khả thi, vừa phát huy được lợi thế địa phương, phù hợp với quy hoạch tổng thể của huyện. Quan tâm công tác quản lý quy hoạch; tăng cường sự giám sát của người dân trong việc thực hiện quy hoạch. Công bố rộng rãi trong nhân dân, triển khai thực hiện đúng quy hoạch; phân tích kỹ tiềm năng, thế mạnh của từng xã để tập trung đầu tư hạ tầng phục vụ sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân, xem đây là nội dung chính, cốt lõi về vật chất, là nội lực để xây dựng nông thôn mới nâng cao.

3.3. Xây dựng hoàn thiện kết cấu hạ tầng nông thôn theo hướng đồng bộ và quy mô hơn

Tranh thủ huy động tối đa các nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ; tập trung đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, nhất là đối với các công

trình hạ tầng quan trọng, có tính then chốt về giao thông, phát triển công nghiệp, dịch vụ thương mại,... tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Tiếp tục huy động, khai thác có hiệu quả các nguồn lực (*ngân sách, doanh nghiệp, xã hội hóa*) để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn gắn với phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và đô thị; quá trình thực hiện cần chú ý giải ngân kịp thời nguồn vốn, không để nợ đọng trong xây dựng cơ bản và tránh lãng phí.

- Tăng cường công tác phối hợp, đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, cấp điện tin cậy, ổn định, an toàn hành lang lưới điện và đảm bảo vệ mỹ quan. Tiếp tục mở rộng, phát triển hệ thống cung cấp nước sạch, nước hợp vệ sinh, đảm bảo nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của người dân.

- Quan tâm việc quản lý, bảo trì, vận hành hợp lý các công trình thủy lợi, nhất là hệ thống công đầu mối. Chủ động xây dựng kế hoạch nạo vét các tuyến kênh thủy lợi nội đồng, phát huy hiệu quả các trạm điều tiết nước, trạm bơm điện phục vụ sản xuất; khuyến khích ứng dụng giải pháp tưới tiên tiến, tiết kiệm nước. Thường xuyên kiểm tra, xử lý vi phạm liên quan đến nguồn nước xả thải. Thực hiện có hiệu quả các giải pháp phòng chống hạn, mặn và triều cường, đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng, chống thiên tai theo phương châm 04 tại chỗ.

3.4. Phát triển y tế, văn hóa, giáo dục

- Tăng cường truyền thông giáo dục sức khỏe Nhân dân; nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và năng lực phòng, chống dịch bệnh. Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động các nguồn lực phát triển hệ thống y tế cấp cơ sở; phấn đấu đạt chỉ tiêu nghị quyết về tổng số giường bệnh và Bác sĩ/vận dân. Thực hiện đồng bộ các giải pháp để nâng cao chất lượng dân số. Thực hiện tốt bình đẳng giới, chống bạo lực gia đình; công tác chăm sóc, giáo dục trẻ em phát triển toàn diện. Triển khai thực đồng bộ các giải pháp tuyên truyền, vận động mọi người dân tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đạt chỉ tiêu nghị quyết đề ra.

- Tiếp tục đẩy mạnh phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*” gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh. Khuyến khích và tạo điều kiện để toàn xã hội tham gia các hoạt động thể dục, thể thao, rèn luyện sức khỏe; khuyến khích xã hội hóa hoạt động thể dục, thể thao. Rà soát, điều chỉnh quy hoạch hệ thống trường lớp, quan tâm xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, nhất là cấp phổ thông; đổi mới công tác quản lý, đánh giá chất lượng theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục; phối hợp thực hiện phương án thành lập Trường Trung học phổ thông Tập Ngãi.

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án phát triển du lịch, tạo điều kiện phát triển và nâng cao chất lượng các dịch vụ phục vụ phát triển kinh tế du lịch, phấn đấu đến năm 2025 hình thành một số điểm du lịch gắn với quảng bá sản phẩm OCOP như: du lịch đồng quê - sông nước, di tích lịch sử, sinh thái, nghỉ dưỡng,... gắn với liên kết du lịch tua liên huyện, lên tỉnh và khu vực.

- Tiếp tục triển khai thực hiện tốt Chương trình hành động số 15-CT/TU, ngày 31/3/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “*về nâng cao chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025*”. Thực hiện tốt công tác quản lý Nhà nước đối với lĩnh vực thông tin truyền thông, phát huy tốt hiệu quả của hệ thống truyền thanh cơ sở, trang thông tin điện tử của huyện và trang thành phần trong việc tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, những thành tựu và kết quả đạt được trong phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động tuyên truyền, kết nối, chia sẻ thông tin, định hướng dư luận xã hội, đáp ứng nhu cầu tiếp cận thông tin của người dân.

- Tập trung làm tốt công tác phối hợp đào tạo nghề, phát triển nguồn nhân lực có chất lượng. Sử dụng hiệu quả nguồn vốn 03 chương trình mục tiêu quốc gia trong đào tạo nghề, giải quyết việc làm, chú trọng đào tạo nguồn lao động có tay nghề gắn với ngành nghề mà xã hội, doanh nghiệp đang cần, cùng với làm tốt công tác đưa lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án giảm nghèo bền vững; tăng cường giáo dục ý thức tự thân thoát nghèo của người dân, đẩy mạnh thực hiện các chính sách đầu tư phát triển sản xuất, hỗ trợ tín dụng,... đẩy mạnh các hoạt động chuyển giao kỹ thuật, hỗ trợ dạy nghề, tạo việc làm; huy động mọi nguồn lực thực hiện có hiệu quả các chương trình, dự án lồng ghép công tác giảm nghèo, phấn đấu đến cuối năm 2025 huyện không còn hộ nghèo.

- Thực hiện tốt công tác đền ơn đáp nghĩa và chính sách ưu đãi người có công với nước; các chính sách xã hội và hoạt động an sinh xã hội, từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho các đối tượng, gia đình chính sách trên địa bàn huyện.

3.5. Phát triển kinh tế

- Tập trung chỉ đạo khắc phục những hạn chế, khuyết điểm trong quản lý, điều hành phát triển kinh tế - xã hội trong thời gian qua; thực hiện điều chỉnh kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với kế hoạch chung của tỉnh, tập trung chuyển đổi, nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh sản phẩm nông sản chủ lực của huyện như lúa, dứa, bưởi da xanh,... Phấn đấu xây dựng mỗi xã, thị trấn có 02 sản phẩm OCOP; phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp đô thị, nông nghiệp theo hướng ứng dụng công nghệ cao gắn với chỉ dẫn địa lý, nguồn gốc sản phẩm.

- Duy trì và phát triển quy mô các mô hình cánh đồng lớn trồng lúa, thâm canh mở rộng diện tích cây dứa hữu cơ, cây ăn trái,... theo quy trình VietGap Global Gap. Tập trung phát triển sản xuất cây màu các loại theo hướng tập trung, ứng dụng công nghệ, gắn với liên kết đầu ra sản phẩm; đẩy mạnh chuyển đổi đất sản xuất kém hiệu quả, đất giồng tạp sang trồng các loại cây có giá trị kinh tế cao. Làm tốt công tác vận động nông dân chuyển từ chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán sang nuôi tập trung theo quy hoạch, có áp dụng kỹ thuật tiên tiến, kiểm soát an toàn sinh học, thân thiện môi trường.

- Chủ động phối hợp với sở, ngành tỉnh mời gọi đầu tư phát triển các ngành công nghiệp chế biến mà huyện có tiềm năng, lợi thế, có nguồn nguyên liệu và sử dụng lao động tại chỗ; nhất là đẩy nhanh tiến độ dự án Cụm công nghiệp Phú Cần, triển khai đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp Cầu Quan. Khuyến khích phát triển ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn.

- Tiếp tục triển khai thực hiện tốt Nghị quyết số 04-NQ/TU, ngày 20/7/2021 của Tỉnh ủy “*về xây dựng tỉnh Trà Vinh đạt chuẩn nông thôn mới trước năm 2025*”. Tập lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện quyết liệt, có hiệu quả nhiệm vụ xây dựng, giữ vững và nâng chất các tiêu chí của 06 xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018 - 2020 để đủ điều kiện công nhận lại theo chuẩn mới và tập trung xây dựng 02 xã còn lại (*Tập Ngãi, Ngãi Hùng*) đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, để huyện đủ điều kiện hoàn thành nhiệm vụ nông thôn mới nâng cao vào năm 2024. Đồng thời rà soát, đánh giá tổng thể các xã để có định hướng xây dựng 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2024 - 2025 (*Công trình chào mừng Đại hội lần thứ XI của huyện*).

- Triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp xây dựng kết cấu hạ tầng theo Quy hoạch và quản lý tốt quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030 định hướng đến năm 2050 trong quy hoạch tỉnh và quy hoạch chung đô thị huyện Tiểu Cần định hướng thành lập thị xã. Đồng thời lập và triển khai thực hiện Chương trình phát triển đô thị, quy chế quản lý kiến trúc đô thị, lập các quy hoạch phân khu, làm cơ sở xác định các dự án đầu tư xây dựng để hoàn thiện các tiêu chí đô thị, gắn với những đơn vị hành chính định hướng thành lập các phường của thị xã Tiểu Cần theo Nghị quyết 07-NQ/TU, nhất là tập trung nguồn lực và hoàn thiện tiêu chí xây dựng 02 thị trấn lên Phường.

- Nâng cao hiệu quả quản lý ngân sách, phát huy vai trò các tổ chức tín dụng. Đẩy mạnh các hoạt động kêu gọi đầu tư phát triển thương mại, dịch vụ, đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh, thu hút nhiều lao động, các loại hình dịch vụ có giá trị gia tăng cao như dịch vụ nhà hàng, khách sạn, y tế, điện, nước sạch,... và các loại dịch vụ khác phục vụ Nhân dân. Tranh thủ các sở, ngành tỉnh trong việc xúc tiến thương mại, đẩy mạnh phát triển thị trường nông thôn, kết nối cung - cầu hàng hóa trong và ngoài huyện. Tiếp tục triển khai thực hiện tốt kế hoạch liên kết tiêu thụ sản phẩm đặc trưng, sản phẩm OCOP đến năm 2025.

- Đẩy mạnh phát triển các loại hình doanh nghiệp cả về số lượng, quy mô và lĩnh vực hoạt động, phấn đấu phát triển doanh nghiệp đạt chỉ tiêu tỉnh giao, chú trọng phát triển doanh nghiệp trong chuỗi sản phẩm chủ lực của huyện và lĩnh vực phù hợp với kinh tế nông thôn gắn phát triển đô thị.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã và tổ hợp tác; triển khai thực hiện tốt chính sách hỗ trợ hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2025; nhân rộng các mô hình hợp tác xã hoạt động có hiệu quả để phát triển.

3.6. Xây dựng cảnh quan môi trường sáng – xanh – sạch – đẹp và chất lượng môi trường sống

- Quan tâm phát triển đô thị gắn với xử lý các vấn đề về môi trường và tranh thủ các nguồn vốn thực hiện các dự án phát triển đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu. Phát huy hiệu quả dự án thu gom rác thải của huyện và tranh thủ nguồn lực đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải khu vực 02 thị trấn.

- Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc tuyên truyền, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên đất, nước, khoáng sản... Tập trung chỉ đạo các tiêu chí về cảnh quan môi trường, đảm bảo sáng – xanh – sạch – đẹp; tạo sinh khí mới, đổi mới bộ mặt nông thôn.

- Thực hiện tốt các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; tăng cường quản lý, chuyển đổi sử dụng hợp lý và hiệu quả diện tích đất phục vụ cho yêu cầu phát triển. Có kế hoạch kiểm tra, bảo vệ chất lượng nguồn nước; phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và các nguồn nước mặt trên địa bàn huyện.

- Tập trung xử lý tốt vấn đề rác thải, nước thải sinh hoạt, chất thải chăn nuôi; thực hiện đồng bộ các giải pháp để không xảy ra tình trạng ô nhiễm môi trường ở các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, chợ và khu dân cư. Kiểm tra, xử lý nghiêm các vi phạm về môi trường; đảm bảo 100% cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ thực hiện đúng quy định về bảo vệ môi trường.

- Thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ công chức làm nhiệm vụ quản lý chất lượng an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản... Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của huyện.

3.7. Xây dựng hệ thống chính trị; đảm bảo an ninh, trật tự và hành chính công

Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng theo Nghị quyết số 28-NQ/TW Hội nghị Trung ương 6 (khóa XIII), cụ thể hóa Nghị quyết đại hội Đảng các cấp vào nghị quyết và chương trình, kế hoạch hằng năm để thực hiện; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng, đảng viên. - Thường xuyên đổi mới, nâng cao chất lượng công tác triển khai, quán triệt, học tập, tuyên truyền chỉ thị, nghị quyết theo phương châm “*Nói và làm theo nghị quyết, nói đi đôi với làm*”⁽²²⁾. Tăng cường công tác nắm tình hình và định hướng dư luận xã hội; nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống các quan điểm sai trái, thù địch, kiên quyết bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình số 10-CTr/TU, ngày 26/3/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “*về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh nâng cao chỉ số CPI tỉnh Trà Vinh đến năm 2025*”. Tiếp tục lãnh, chỉ đạo đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy Nhà nước của Ủy ban nhân dân hai cấp và các cơ quan chuyên môn, nhất là thực

⁽²²⁾Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 28-CT/TU, ngày 19/10/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về “*một số nội dung nêu cao trách nhiệm, gương mẫu của người đứng đầu tổ chức đảng trong nghiên cứu, học tập, quán triệt tuyên truyền và triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng*”. Đề án số 02-ĐA/TU, ngày 28/02/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về “*Đổi mới công tác tư tưởng của Đảng bộ tỉnh Trà Vinh trong tình hình mới*”,...

hiện chức năng quản lý kinh tế, quản lý xã hội; đổi mới, kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy Nhà nước theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác cải cách tư pháp, nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan tư pháp; làm tốt công tác hòa giải ở cơ sở, thực hiện tốt công tác tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo; tập trung chỉ đạo giải quyết dứt điểm các vụ khiếu kiện, bức xúc tồn đọng kéo dài; tăng cường phối hợp thực hiện công tác điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án; phát huy vai trò giám sát của các cơ quan chức năng, cơ quan dân cử và Nhân dân đối với hoạt động tư pháp, đảm bảo việc thực thi pháp luật nghiêm minh, đúng luật định.

- Xây dựng lực lượng Quân sự - Công an vững mạnh toàn diện; kết hợp thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh Nhân dân, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc. Tăng cường công tác nắm tình hình, quản lý đối tượng, địa bàn; chủ động thực hiện các biện pháp phòng ngừa và đấu tranh làm thất bại âm mưu, thủ đoạn hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, góp phần phát triển kinh tế - xã hội.

- Thực hiện các giải pháp kiềm chế tai nạn giao thông; tăng cường công tác phòng, chống cháy, nổ trong tình hình mới theo Chỉ thị số 01-CT/TTg ngày 03/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ. Tập trung nâng chất lượng ấp, khóm, xã, thị trấn an toàn về an ninh, trật tự và xã, thị trấn vững mạnh về quốc phòng - an ninh; phát huy và nhân rộng các mô hình, phong trào toàn dân tham gia phòng, chống tội phạm và bảo vệ an ninh Tổ quốc, mô hình gây quỹ hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền và các cơ quan chuyên môn, nhất là trong việc cải cách hành chính, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, xây dựng bộ máy chính quyền trong sạch, vững mạnh. Thực hiện tốt dịch vụ công trực tuyến (mức độ 4). Nâng cao năng lực và kỹ năng cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới, ưu tiên bố trí người có đủ tâm huyết, đủ năng lực cho bộ máy tham mưu về nông thôn mới.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc lãnh, chỉ đạo và thực hiện, nâng chất các tiêu chí xây dựng nông thôn mới nâng cao. Hướng dẫn, đôn đốc cơ sở triển khai các nội dung xây dựng nông thôn mới đáp ứng yêu cầu tiến độ, đúng định hướng chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh, của huyện... Chủ động nắm tình hình, tháo gỡ khó khăn, giải quyết kịp thời những kiến nghị, đề xuất của các ngành và cơ sở.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2020 - 2023 và phương hướng, nhiệm vụ thực hiện tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao sau năm 2023 của huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh; xin báo cáo Đoàn công tác của Trung ương, của tỉnh nắm, chỉ đạo.

Nơi nhận:

- TT.BCĐ CTMTQG XDNTM TW;
- Văn phòng Điều phối TW;
- Ban Chỉ đạo tỉnh;
- Văn phòng Điều phối tỉnh;
- TTHU, HĐND, UBND huyện;
- Thành viên BCĐ huyện;
- Lưu: VT (NTM).

CHỦ TỊCH**Nguyễn Văn Hùng**